BỘ CÔNG THƯƠNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SAO ĐỎ

ĐỀ ÁN ĐÀO TẠO TỪ XA
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

NGÀNH ĐÀO TẠO: NGÔN NGỮ ANH

MÃ NGÀNH: 7220201

LOẠI HÌNH ĐÀO TẠO: TỪ XA

Hải Phòng - 2026

MỤC LỤC

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT ..... **i**
DANH MỤC HÌNH VÀ BẢNG ..... **ii**
PHẦN 1. ĐỀ ÁN ĐÀO TẠO TỪ XA TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NGÀNH NGÔN NGỮ ANH **1**
1. GIỚI THIỆU VỀ CƠ SỞ ĐÀO TẠO **1**
1.1. Giới thiệu về Trường Đại học Sao Đỏ 1
1.2. Giới thiệu về Khoa Du lịch và Ngoại ngữ 9
2. SỰ CẦN THIẾT MỞ NGÀNH NGÔN NGỮ ANH (HỆ ĐÀO TẠO TỪ XA-MÃ NGÀNH 7220201) **11**
2.1. Phù hợp với nhu cầu xã hội, thị trường lao động và xu thế hội nhập 11
2.2. Phù hợp với tính tất yếu của chuyển đổi số và ưu việt của mô hình đào tạo từ xa 12
2.3. Phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn, hệ giá trị cốt lõi và chiến lược phát triển của Nhà trường 13
3. ĐIỀU KIỆN VỀ CTĐT TỪ XA TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NGÀNH NGÔN NGỮ ANH **14**
3.1. Căn cứ pháp lý xây dựng chương trình đào tạo 14
3.2. Chương trình đào tạo tham khảo 15
3.3. Nội dung chương trình đào tạo 16
3.4. Kế hoạch thực hiện chương trình đào tạo 32
3.5. Hướng dẫn thực hiện chương trình đào tạo 36
3.6. Kế hoạch tuyển sinh, đào tạo và bảo đảm chất lượng đào tạo 38
4. ĐIỀU KIỆN ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN, CÁN BỘ KHOA HỌC THAM GIA THỰC HIỆN CTĐT TỪ XA TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NGÀNH NGÔN NGỮ ANH **41**
4.1. Đội ngũ giảng viên, cán bộ khoa học tham gia thực hiện CTĐT 41
4.2. Các công trình khoa học của đội ngũ giảng viên, nhà khoa học 50
4.3. Kế hoạch phát triển đội ngũ giảng viên 65
5. ĐIỀU KIỆN VỀ CƠ SỞ VẬT CHẤT MỞ CTĐT TỪ XA NGÀNH NGÔN NGỮ ANH **65**
5.1. Cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin và truyền thông phục vụ đào tạo từ xa 65
5.1.1. Hạ tầng kỹ thuật chung phục vụ đào tạo 65
5.1.2. Các phòng chuyên dụng và hệ thống phần cứng phục vụ CTĐT từ xa 66
5.1.3. Hệ thống phần mềm phục vụ CTĐT từ xa 67
5.1.4. Cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ dạy và kiểm tra đánh giá ngoại ngữ 68
5.2. Thư viện, giáo trình, sách, tài liệu tham khảo 72
5.3. Học liệu 93

6. ĐIỀU KIỆN VỀ TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ CTĐT TỪ XA NGÀNH NGÔN NGỮ ANH 95
6.1. Mô tả tổng quan hệ thống đào tạo từ xa 95
6.2. Quy chế đào tạo từ xa của Trường Đại học Sao Đỏ 95
6.2.1. Thời gian học tập 96
6.2.2. Tổ chức ĐTTX 96
6.2.3. Học phí 97
6.3. Đơn vị chuyên môn quản lý đào tạo 97
6.4. Cán bộ quản lý cấp khoa đối với ngành đào tạo dự kiến mở 98
7. PHƯƠNG ÁN, GIẢI PHÁP ĐỀ PHÒNG, NGĂN NGỪA, XỬ LÝ RỦI RO 98
7.1. Bối cảnh triển khai các hoạt động của Nhà trường 98
7.2. Dự báo các rủi ro và các giải pháp xử lý rủi ro khi mở ngành 99
7.3. Giải pháp và phương án ngăn ngừa xử lý rủi ro trong trường hợp bị đình chỉ hoạt động ngành đào tạo 101
8. TỰ ĐÁNH GIÁ 101

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

TT	Viết tắt	Viết đầy đủ
1.	BGDĐT	: Bộ Giáo dục và Đào tạo
2.	CĐR	: Chuẩn đầu ra
3.	CLGD	: Chất lượng giáo dục
4.	CNKT	: Công nghệ kỹ thuật
5.	CNTT	: Công nghệ thông tin
6.	CTĐT	: Chương trình đào tạo
7.	ĐHSĐ	: Đại học Sao Đỏ
8.	KT-XH	: Kinh tế - xã hội
9.	NCKH	: Nghiên cứu khoa học
10.	THCS	: Trung học cơ sở
11.	THPT	: Trung học phổ thông
12.	TLGD	: Triết lý giáo dục
13.	NNA	: Ngôn ngữ Anh

DANH MỤC HÌNH VÀ BẢNG

Hình 1 . Sơ đồ tổ chức của Trường Đại học Sao Đỏ.....7

Bảng 1. Các cơ sở đào tạo có CTĐT đã tham khảo…….. 15
Bảng 2. Kế hoạch đào tạo và phân công giảng viên giảng dạy đào tạo từ xa trình độ đại học ngành NNA……...32
Bảng 3. Cách quy đổi điểm học phần……... 37
Bảng 4. Danh sách giảng viên, nhà khoa học tham gia giảng dạy các học phần trong CTĐT từ xa ngành NNA……...42
Bảng 5. Danh sách giảng viên, nhà khoa học tham gia giảng dạy các học phần, môn học trong CTĐT từ xa của ngành NNA……...46
Bảng 6. Danh sách công trình nghiên cứu khoa học của giảng viên tham gia giảng dạy ngành NNA…… 51
Bảng 7. Danh sách các công trình bài báo, sách chuyên khảo 5 năm gần nhất của đội ngũ giảng viên, nhà khoa học……58
Bảng 8. Danh mục hạ tầng kỹ thuật trong quản lý đào tạo từ xa……..65
Bảng 9. Phòng học và trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy đào tạo từ xa……66
Bảng 10. Hệ thống phần mềm đào tạo từ xa và quản lý đào tạo……...67
Bảng 11. Trung tâm nghiên cứu, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập theo yêu cầu của ngành đào tạo Ngôn ngữ Anh……69
Bảng 12. Trang thiết bị tại phòng đọc tài liệu điện tử……...72
Bảng 13. Thống kê các giáo trình/sách tham khảo để sử dụng/tham khảo cho các học phần thuộc CTĐT từ xa Ngành NNA……74
Bảng 14. Danh sách bộ học liệu điện tử dùng cho chương trình đào tạo từ xa….. 94
Bảng 15. Danh sách cán bộ quản lý cấp khoa đối với chương trình ĐTTX…….. 98

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SAO ĐỎ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hải Phòng, ngày 15 tháng 4 năm 2026

PHẦN 1. ĐỀ ÁN ĐÀO TẠO TỪ XA TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NGÀNH NGÔN NGỮ ANH

1. GIỚI THIỆU VỀ CƠ SỞ ĐÀO TẠO

1.1. Giới thiệu về Trường Đại học Sao Đỏ

1.1.1. Khái quát về lịch sử phát triển, triết lý giáo dục, sứ mạng, tầm nhìn và giá trị cốt lõi

Trường Đại học Sao Đỏ là cơ sở giáo dục đại học công lập thuộc hệ thống giáo dục quốc dân trực thuộc Bộ Công Thương. Trường chịu sự quản lý, chỉ đạo trực tiếp của Bộ Công Thương; quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo; chịu sự chỉ đạo về các lĩnh vực nghiệp vụ của các bộ, ngành có liên quan và chịu sự quản lý nhà nước theo địa giới hành chính của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Phòng. Trường được thành lập theo Quyết định số 376/QĐ-TTg ngày 24/3/2010 của Thủ tướng Chính phủ trên cơ sở nâng cấp Trường Cao đẳng Công nghiệp Sao Đỏ. Nhà trường đã có 56 năm truyền thống xây dựng và phát triển với chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được quy định theo Quyết định số 2382/QĐ-BCT ngày 08/9/2020 về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường đại học Sao Đỏ của Bộ trưởng Bộ Công Thương, cụ thể như sau:

1.1.1.1. Vị trí, chức năng

- Trường có chức năng đào đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực các trình độ của giáo dục đại học theo quy định của pháp luật; hợp tác quốc tế; hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ theo quy định; nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

- Trường là đơn vị sự nghiệp có thu, có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng tại kho bạc nhà nước và ngân hàng theo quy định của pháp luật.

- Trường có tên giao dịch quốc tế bằng tiếng Anh: SAO DO UNIVERSITY (viết tắt là SDU); trụ sở chính đặt tại Số 76, Nguyễn Thị Duệ, Thái Học 2, Phường Chu Văn An, Thành phố Hải Phòng.

1.1.1.2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Trường

a. Tổ chức và nhân sự

- Xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển Nhà trường qua từng giai đoạn, kế hoạch hoạt động hàng năm;

- Tuyển dụng, quản lý, xây dựng, bồi dưỡng đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động theo quy định của pháp luật;

- Thành lập các đơn vị trực thuộc theo cơ cấu tổ chức đã được Bộ Công Thương phê duyệt; bổ nhiệm, miễn nhiệm các chức danh lãnh đạo và quyết định các vấn đề về cán bộ theo quy định pháp luật và phân cấp của Bộ Công Thương;

- Tiếp nhận, luân chuyển, nâng lương, nghỉ chế độ, khen thưởng, kỷ luật, cử đi học, đi công tác trong và ngoài nước đối với viên chức, người lao động trong trường theo quy định pháp luật và quy định của Bộ Công Thương;

- Đảm bảo quyền lợi và lợi ích hợp pháp của giảng viên, nhân viên, cán bộ quản lý và người học.

b. Hoạt động giáo dục, đào tạo và quản lý người học

- Phát triển chương trình đào tạo theo mục tiêu xác định; bảo đảm sự liên thông giữa các chương trình đào tạo; nhập khẩu các chương trình đào tạo quốc tế theo quy định;

- Triển khai hoạt động đào tạo theo kế hoạch phù hợp với quy mô và hình thức đào tạo;

- Tổ chức tuyển sinh, đào tạo, bồi dưỡng các trình độ đào tạo của giáo dục đại học và các trình độ đào tạo khác sau khi được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận theo quy định của pháp luật;

- Tổ chức biên soạn, thẩm định, phát hành sách, tài liệu phục vụ công tác giảng dạy, học tập và nghiên cứu;

- Thiết kế mẫu, in phôi, cấp phát văn bằng cho người học và quản lý văn bằng, chứng chỉ phù hợp với quy định của pháp luật. Công bố công khai mẫu văn bằng, thông tin liên quan đến việc cấp văn bằng cho người học trên trang thông tin điện tử của nhà trường;

- Thực hiện các chế độ, chính sách, chương trình, kế hoạch giáo dục và quản lý sinh viên; phối hợp với các cơ quan, tổ chức và gia đình người học thực hiện các biện pháp quản lý và giáo dục nhằm đáp ứng mục tiêu giáo dục toàn diện.

c. Hoạt động đảm bảo chất lượng

- Tự đánh giá, cải tiến nâng cao chất lượng đào tạo; xây dựng và phát triển hệ thống bảo đảm chất lượng giáo dục phù hợp với sứ mạng, mục tiêu và điều kiện thực tế của nhà trường; định kỳ đăng ký kiểm định chương trình đào tạo và kiểm định cơ sở giáo dục đại học; chịu sự kiểm định chất lượng của các cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục;

- Duy trì và phát triển các điều kiện đảm bảo chất lượng; công bố công khai các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo, kết quả đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng, kết quả đánh giá và kiểm định.

d. Hoạt động khoa học và công nghệ

- Triển khai hoạt động khoa học và công nghệ theo kế hoạch, chiến lược dài hạn, trung hạn và ngắn hạn;

- Huy động các nguồn lực, tổ chức các hoạt động nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, sản xuất thực nghiệm, đặt hàng của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định pháp luật;

- Công bố kết quả hoạt động khoa học và công nghệ; được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ; bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của tập thể, cá nhân trong hoạt động khoa học và công nghệ theo quy định pháp luật;

- Tổ chức, tham gia hội nghị, hội thảo trong nước và quốc tế về giáo dục, khoa học công nghệ theo quy định.

e. Hợp tác đào tạo trong và ngoài nước

- Hợp tác liên doanh, liên kết, huy động các nguồn lực, nhận tài trợ, góp vốn với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để đào tạo nguồn nhân lực có trình độ cao theo quy định pháp luật;

- Hợp tác với các tổ chức, cá nhân, cơ sở giáo dục nước ngoài để: trao đổi giảng viên, sinh viên phục vụ quá trình giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học, công nghệ; liên kết, liên thông dọc, ngang và công nhận lẫn nhau về kết quả đào tạo với một số cơ sở giáo dục nước ngoài theo thỏa thuận của hai bên, phù hợp với quy định pháp luật;

- Liên kết đào tạo trình độ đại học theo hình thức vừa làm vừa học với cơ sở giáo dục đại học, trường cao đẳng, trường trung cấp, trung tâm giáo dục thường xuyên, trường đào tạo, bồi dưỡng của cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội theo quy định của pháp luật;

- Phối hợp với doanh nghiệp, đơn vị sử dụng lao động trong việc sử dụng chuyên gia, cơ sở vật chất, trang thiết bị để tổ chức đào tạo thực hành, thực tập nhằm nâng cao kỹ năng thực hành, thực tập và tăng cơ hội việc làm của sinh viên theo quy định;

- Cung cấp các chương trình giáo dục thường xuyên, giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học, tổ chức đào tạo liên thông giữa các trình độ trung cấp, cao đẳng, đại học, đào tạo chuyển tiếp cho trường đại học khác theo nhu cầu địa phương theo quy định pháp luật và cơ quan có thẩm quyền;

- Tư vấn nghề nghiệp, giới thiệu việc làm, đào tạo phục vụ xuất khẩu lao động, tổ chức trải nghiệm trong nước và nước ngoài cho người học theo quy định của pháp luật.

g. Quản lý tài chính và tài sản

- Thực hiện chế độ tài chính, kế toán theo quy định của pháp luật và phân cấp của Bộ Công Thương;

- Ban hành các quy định, quy chế quản lý nội bộ; thực hiện chế độ thông tin, báo cáo và chịu sự kiểm tra, thanh tra của Bộ Công Thương và các Bộ, ngành có liên quan theo quy định của pháp luật;

- Xây dựng các dự án có vốn đầu tư trong và ngoài nước trình cơ quan có thẩm quyền quyết định; huy động nguồn lực để thực hiện các thoả thuận, các dự án tăng cường cơ sở vật chất, đầu tư trang thiết bị phù hợp với các quy định của pháp luật;

- Được sử dụng tài sản công vào việc kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết theo quy định của pháp luật nhằm mục đích phát triển nhà trường, theo nguyên tắc bảo toàn và phát triển, phù hợp với môi trường giáo dục;

- Tổ chức sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đáp ứng nhu cầu xã hội gắn với các ngành, nghề đào tạo của nhà trường theo quy định của pháp luật.

h. Tổ chức các hoạt động thông tin, truyền thông thông qua các hình thức in, xuất bản các ấn phẩm, tài liệu, tạp chí, giáo trình, sách chuyên khảo và trang thông tin điện tử phục vụ công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học, sản xuất, kinh doanh, dịch vụ theo quy định của pháp luật.

i. Tổ chức thực hiện quy chế dân chủ, xây dựng nếp sống văn hoá và môi trường sư phạm. Giải quyết khiếu nại, tố cáo; thực hiện phòng chống tham nhũng, tiêu cực, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong hoạt động của nhà trường theo quy định của pháp luật.

k. Thực hiện trách nhiệm giải trình và các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

Nhà trường có triết lý giáo dục, sứ mạng, tầm nhìn và giá trị cốt lõi như sau:

Triết lý giáo dục:

- *Toàn diện (Comprehensive):* xây dựng nền tảng vững chắc về cả tri thức và nhân cách cho sinh viên; đào tạo sinh viên có kiến thức chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng sống, mức tự chủ và trách nhiệm đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

- *Sáng tạo (Creative):* cung cấp công cụ tư duy, các phương pháp để giải quyết các vấn đề thực tế; đào tạo sinh viên có tính tích cực, chủ động nghiên cứu sáng tạo khoa học kỹ thuật, tìm tòi, ứng dụng cái mới.

- *Thích ứng (Adaptive):* đào tạo sinh viên có sự linh hoạt, có thể sẵn sàng đáp ứng với mọi môi trường, hoàn cảnh trong nước và quốc tế.

Sứ mạng: "Trường Đại học Sao Đỏ là cơ sở giáo dục đại học đa ngành, định hướng ứng dụng, đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao có đạo đức, kiến thức, kỹ năng, năng lực số, phát triển nhân tài đáp ứng yêu cầu xã hội; nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển giao tri thức; kết nối, phục vụ cộng đồng và hội nhập quốc tế."

Tầm nhìn đến 2045: "Phát triển Nhà trường trở thành cơ sở giáo dục theo mô hình đại học đổi mới sáng tạo, tự chủ tài chính, đóng vai trò nòng cốt trong hệ sinh thái đổi mới sáng tạo của vùng, địa phương; cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao, nhân tài về lĩnh vực khoa học công nghệ, kỹ thuật cho địa phương và đất nước."

Giá trị cốt lõi: *"Thực học - Thực hành - Thực chung - Thực tâm - Thực nghiệp - Thực tiễn".*

Mục tiêu của Nhà trường là đào tạo nguồn nhân lực trình độ đại học và sau đại học có chất lượng cao. Đảm bảo người học phát triển một cách toàn diện: có phẩm chất chính trị, đạo đức, có thái độ lao động tốt; có ý thức phục vụ cộng đồng và

khả năng tham gia vào các hoạt động xã hội; có kiến thức chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp vững vàng; có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và có năng lực phát hiện, giải quyết những vấn đề thuộc chuyên ngành được đào tạo đáp ứng yêu cầu của nền kinh tế tri thức trong giai đoạn hiện nay.

Để thực hiện thành công triết lý giáo dục, tầm nhìn và sứ mạng, nhà trường đã xây dựng chính sách chất lượng trong quy định về công tác đảm bảo chất lượng và xây dựng một mạng lưới quản lý chất lượng đến các khoa, phòng, trung tâm. Song song với đó, nhà trường thực hiện hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001:2015.

Nhà trường đạt tiêu chuẩn chất lượng cơ sở giáo dục do BGDĐT ban hành và đã được Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục (CLGD), hiệp hội các trường đại học, cao đẳng Việt Nam cấp Giấy chứng nhận số 112/QĐ-KĐCLGD ngày 27/11/2017; Quyết định số số 15/QĐ-KĐCLGD ngày 27/01/2023 (chu kỳ 2).

1.1.2. Đội ngũ giảng viên: Nhà trường có 264 cán bộ viên chức. Đội ngũ giảng viên là 208 người, giảng viên có trình độ tiến sĩ là 58 (chiếm 27,9%); thạc sĩ 150 người (chiếm 72,1%). Nhiều giảng viên của Nhà trường là những chuyên gia có uy tín trong các lĩnh vực kinh tế, kỹ thuật, đã tham gia các hội đồng nghiệm thu đề tài cấp tỉnh/bộ/ngành, nhà nước và chấm luận án tiến sĩ.

1.1.3. Hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế

Nhà trường đang đào tạo và tuyển sinh 21 ngành trình độ đại học, cụ thể như sau: Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa; Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử; Công nghệ kỹ thuật cơ khí; Kỹ thuật cơ điện tử; Công nghệ kỹ thuật ô tô; Công nghệ thông tin; Công nghệ dệt, may; Trí tuệ nhân tạo; Toán ứng dụng; Kế toán; Quản trị kinh doanh; Logistics và quản lý chuỗi cung ứng; Kinh tế số; Thương mại điện tử; Tài chính - Ngân hàng; Ngôn ngữ Trung Quốc; Ngôn ngữ Anh; Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành; Luật; Sư phạm Tiếng Trung Quốc; Sư phạm công nghệ; 01 CTĐT trình độ thạc sĩ (ngành Công nghệ kỹ thuật cơ khí). Nhà trường đã cung cấp cho thị trường lao động trên 40 nghìn cử nhân, kỹ sư ở các lĩnh vực đào tạo.

Trong giai đoạn 2020 ÷ 2025, Nhà trường thực hiện 01 dự án Vingroup, (08) đề tài NCKH cấp tỉnh/bộ và 281 đề tài NCKH cấp cơ sở (trong đó 108 đề tài GV và 173 đề tài của SV), 56 sản phẩm/công trình sáng tạo KHCN; các kết quả nghiên cứu được áp dụng có hiệu quả trong công tác đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. Đặc biệt, tạp chí NCKH - Đại học Sao Đỏ trung bình mỗi năm đăng 68 đến 71 bài là các công trình nghiên cứu của đội ngũ cán bộ, GV, SV trong trường và ngoài trường. Trong giai đoạn 2020 ÷ 2025, cán bộ, GV nhà trường đã công bố 37 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế (trong đó có 51 bài trong danh mục tạp chí ISI, Scopus), có 39 bài đăng toàn văn trên các hội thảo quốc tế và trên các tạp chí/hội thảo khoa học trong nước được hội đồng giáo sư nhà nước tính điểm. Tính đến năm 2025, tạp chí NCKH - Đại học Sao Đỏ đã có 04 ngành và liên ngành được hội đồng giáo sư Nhà nước tính điểm công trình (từ 0 ÷ 0,25 điểm) gồm: Liên ngành Cơ khí - Động lực, Điện - Điện tử - Tự động hoá, Triết học - Xã hội học - Chính trị học, Kinh tế. Nhà trường đã thành lập nhiều đội Robocon tham

gia cuộc thi toàn quốc và có 25 đội Robocon lọt vào vòng chung kết toàn quốc, trong đó có 01 đội đạt giải Ba toàn quốc năm 2019.

Nhà trường đã thiết lập mối quan hệ với các cơ sở giáo dục nước ngoài thuộc các nước như: Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc, cộng hoà Pháp, Liên bang Nga,… Trong giai đoạn đầu, hai bên đã hợp tác về các lĩnh vực trao đổi về học thuật, trao đổi nghiên cứu sinh, sinh viên đi thực tập, trải nghiệm,... làm cơ sở triển khai hợp tác về lĩnh vực NCKH, trao đổi giảng viên.

1.1.4. Hoạt động đảm bảo chất lượng: Nhà trường có bộ phận đảm bảo chất lượng chuyên trách, hằng năm: Xây dựng, triển khai kế hoạch hoạt động đảm bảo chất lượng theo bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng; tổ chức khảo sát, lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan; phối hợp với các đơn vị công khai các điều kiện bảo đảm chất lượng, kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng trên website và hệ thống cơ sở dữ liệu giáo dục đại học của BGDĐT. Năm 2017 Nhà trường đã hoàn thành công tác tự đánh giá và được trung tâm Kiểm định CLGD thuộc hiệp hội các trường ĐH, cao đẳng Việt Nam đánh giá ngoài và cấp giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng cơ sở giáo dục. Năm 2023 Nhà trường đã thực hiện kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục (chu kỳ 2) theo bộ tiêu chuẩn của BGDĐT. Từ năm 2022 Nhà trường đã thực hiện kiểm định chất lượng CTĐT, đến nay, Nhà trường có 09 CTĐT trình độ đại học được trung tâm KĐCLGD thuộc hiệp hội các trường ĐH, cao đẳng Việt Nam cấp giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục do Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành gồm: Công nghệ kỹ thuật cơ khí; Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử; CNKT ô tô; Công nghệ thông tin; Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa; Quản trị kinh doanh; Công nghệ dệt, may; Kế toán và Ngôn ngữ Trung Quốc.

1.1.5. Cơ sở vật chất:

Nhà trường hiện có 02 địa điểm đào tạo tại phường Chu Văn An, thành phố Hải Phòng với tổng diện tích 27ha, trong đó: 126 phòng học, phòng làm việc và 01 giảng đường đa năng với tổng diện tích là 8.087m^2; ngoài ra còn có thư viện, trung tâm học liệu và trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập với tổng diện tích là 22.273m^2. Trong những năm qua, nhà trường triển khai thực hiện và hoàn thành dự án xây dựng, cải tạo các công trình đảm bảo cung cấp |đủ phòng làm việc và các phòng chức năng cho cán bộ, viên chức và nhân viên.

Phòng học lý thuyết đều được trang bị điều hòa không khí, máy chiếu/màn hình LED cỡ lớn, camera giám sát; phòng thực hành/thực nghiệm được trang bị đầy đủ thiết bị phục vụ đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng; phòng làm việc của cán bộ, giảng viên đều được trang bị đầy đủ bàn, ghế, điều hòa không khí, máy vi tính, máy in.

1.1.6. Cơ cấu tổ chức

Hiện nay, cơ cấu tổ chức của Nhà trường gồm: BCH đảng uỷ, ban giám hiệu, công đoàn, đoàn thanh niên, 06 phòng chức năng, 01 trung tâm, 08 khoa, 1 trường THPT và các hội đồng tư vấn. Cơ cấu tổ chức, chức năng nhiệm vụ và quyền hạn được xây dựng theo quy định của Bộ Công Thương, Chính phủ.

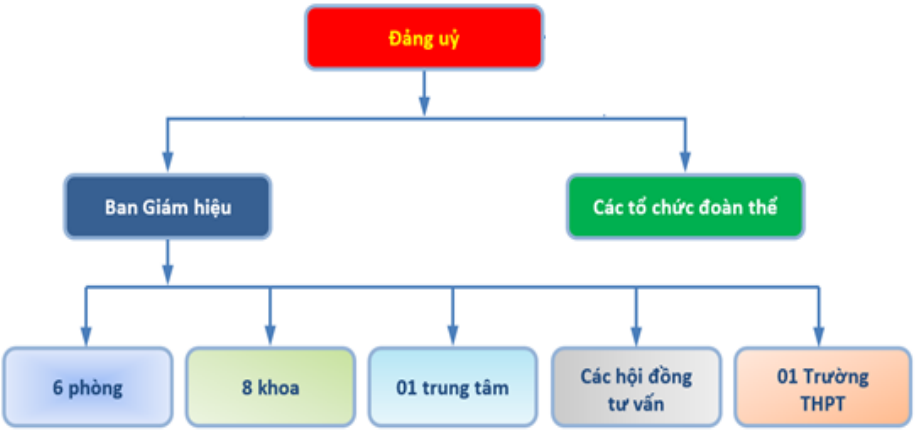

Hình 1. Sơ đồ tổ chức của Trường Đại học Sao Đỏ

1.1.7. Những thành tích nổi bật

Trải qua 57 năm xây dựng và phát triển, Trường liên tục đạt danh hiệu tiên tiến xuất sắc và được các cấp khen thưởng, các Bộ ngành tặng thưởng 46 cờ thi đua xuất sắc, Nhà trường đã được Đảng và Nhà nước tặng thưởng 26 Huân chương, trong đó: 01 Huân chương Độc lập hạng Nhất, 01 Huân chương Độc lập hạng Nhì, 01 Huân chương Độc lập hạng Ba; 02 Huân chương Lao động hạng Nhất, hạng Nhì và hạng Ba; 01 Huân chương Bảo vệ tổ quốc hạng Ba; 01 Huân chương Chiến công hạng Ba,… Bộ Công Thương, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Công An, Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương tặng Cờ, Bằng khen; Ủy ban Nhân dân tỉnh Công nhận danh hiệu Cơ quan văn hóa, đơn vị an toàn về an ninh trật tự… và nhiều phần thưởng khác như Cúp vàng ISO; Siêu cúp thương hiệu mạnh và phát triển bền vững; Giải thưởng "Sáng tạo Khoa học công nghệ Việt Nam - VIFOTEC"; năm 2025 Nhà trường đạt trong Top 20 thương Hiệu vàng Việt Nam.

1.1.8. Thông tin đào tạo của Trường

- Tên trường:

+ Tên tiếng Việt: Trường Đại học Sao Đỏ.

+ Tên tiếng Anh: Sao Do University (SDU).

- Cơ quan/Bộ chủ quản: Bộ Công Thương.

- Địa chỉ:

+ Cơ sở 1: Số 76, Nguyễn Thị Duệ, Phường Chu Văn An, Thành phố Hải Phòng.

+ Cơ sở 2: Số 72, Thái Học, Phường Chu Văn An, Thành phố Hải Phòng.

- Thông tin liên hệ:

+ Điện thoại: 02203882269;Số fax: 02203882921.

+ Email: info@saodo.edu.vn;Website:http://saodo.edu.vn.

1.1.9. Thông tin về ngành đăng ký đào tạo từ xa

- Tên ngành đào tạo: Ngôn ngữ Anh

- Mã ngành: 7220201

- Trình độ đào tạo: Đại học

- Hình thức đào tạo: Chính quy

- Phương thức đào tạo: Mạng máy tính và viễn thông

- Mã trường tuyển sinh: SDU

- Phương thức tuyển sinh:

* Đối với thí sinh tốt nghiệp THPT và tương đương

+ Xét tuyển thẳng theo quy chế tuyển sinh hiện hành.

+ Xét tuyển dựa vào kết quả thi tốt nghiệp THPT hằng năm. Các tổ hợp môn xét tuyển sinh theo thông tin tuyển sinh của Trường; cụ thể năm 2026:

D01: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh

C04: Ngữ văn, Toán, Địa lí

D04: Ngữ văn, Toán, Tiếng Trung

C14: Ngữ văn, Toán, GDCD

D15: Ngữ văn, Địa lí, Tiếng Anh

X01: Ngữ văn, Toán, GDKT&PL

D66: Ngữ văn, GDCD, Tiếng Anh

X74: Ngữ văn, Địa lí, GDKT&PL

D71: Ngữ văn, GDCD, Tiếng Trung

X78: Ngữ văn, GDKT&PL, Tiếng Anh

C00: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí

X90: Ngữ văn, GDKT&PL, Tiếng Trung

C03: Ngữ văn, Toán, Lịch sử

+ Xét tuyển dựa vào kết quả học tập bậc THPT.

+ Xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi Đánh giá năng lực do Đại học Quốc gia Hà Nội tổ chức; Kỳ thi Đánh giá tư duy do Đại học Bách khoa Hà Nội tổ chức.

+ Xét tuyển kết hợp: giữa kết quả thi THPT và kết quả học tập bậc THPT

* Đối với thí sinh đã tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng; đại học hoặc tương đương: Xét điểm trung bình tích lũy toàn khóa học trình độ cao đẳng hoặc trình độ đại học.

- Hình thức tuyển sinh: xét tuyển

- Thời gian tuyển sinh: tuyển sinh liên tục trong năm, khai giảng mỗi năm từ 8-10 đợt, tùy thuộc vào số lượng đăng ký và nhu cầu của các đối tác.

- Chỉ tiêu tuyển sinh: được xác định cụ thể trong đề án tuyển sinh hằng năm của Trường ĐHSĐ.

- Đối tượng tuyển sinh: Thí sinh tốt nghiệp THPT hoặc tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng, đại học hoặc tương đương.

- Tổng khối lượng kiến thức toàn khóa: 130 tín chỉ (không bao gồm học phần Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng và an ninh).

- Thời gian đào tạo: 4,0 năm (đối với người học tốt nghiệp THPT); 2,0-3,0 năm (đối với người học tốt nghiệp đại học, cao đẳng, trung cấp)

1.2. Giới thiệu về Khoa Du lịch và Ngoại ngữ

Khoa Du lịch và Ngoại ngữ (DL&NN) được thành lập từ 19/5/2007. Khoa hiện nay có 03 bộ môn là Bộ môn tiếng Trung, Bộ môn Tiếng Anh và Bộ môn Du lịch. Trên chặng đường 20 năm xây dựng và phát triển, Khoa DL&NN đã có nhiều đóng góp cho sự phát triển của Trường ĐHSĐ.

Trong giai đoạn phát triển mới, chức năng và nhiệm vụ của Khoa DL&NN đã được xác định rõ ràng, cụ thể như sau:

a. Chức năng: Giúp Hiệu trưởng xây dựng chiến lược đào tạo của Khoa theo định hướng chiến lược chung của Trường; quản lý, điều hành các hoạt động chuyên môn của các Bộ môn trực thuộc và các hoạt động khác.

b. Nhiệm vụ:

- Xây dựng chiến lược phát triển theo từng giai đoạn về quy mô đào tạo, đội ngũ giảng viên.

- Quản lý CTĐT thuộc Khoa phụ trách nhằm đáp ứng yêu cầu về năng lực của sinh viên sau đào tạo.

- Theo dõi, giám sát, điều hành hoạt động giảng dạy, NCKH của các Bộ môn trực thuộc. Tạo mối gắn kết giữa các Bộ môn thông qua các hoạt động chuyên môn và các hoạt động khác.

- Tổ chức hoạt động KHCN, phối hợp với các tổ chức KHCN, cơ sở sản xuất, kinh doanh, gắn đào tạo với NCKH, sản xuất kinh doanh và đời sống xã hội.

- Phối hợp với các đơn vị chức năng xây dựng các mối quan hệ trong nước và quốc tế nhằm tăng cường năng lực giảng dạy, NCKH cho giảng viên.

- Điều phối hoạt động nâng cao chất lượng đào tạo của các Bộ môn theo chiến lược chung của Nhà trường.

- Tổ chức sắp xếp công việc hợp lý cho giảng viên; xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện công tác bồi dưỡng giảng viên hằng năm.

- Theo dõi, giám sát các Bộ môn thực hiện công tác giáo dục chính trị tư tưởng, rèn luyện đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên cũng như cho giảng viên.

- Xây dựng kế hoạch, tổ chức bảo trì thiết bị, phương tiện, đồ dùng dạy học do Khoa quản lý.

- Tham gia công tác tuyển sinh và các hoạt động khác của Nhà trường.

- Quản lý, đánh giá xếp loại công tác chủ nhiệm lớp theo năm học; tổ chức quản lý sinh viên của Khoa; xét cấp học bổng, khen thưởng, kỷ luật sinh viên theo quy định về phân cấp quản lý.

- Hợp tác với Doanh nghiệp; tư vấn, tìm kiếm việc làm cho sinh viên sau khi tốt nghiệp ra Trường.

- Tham gia các hoạt động dịch vụ sản xuất thực nghiệm theo chuyên môn của Khoa quản lý.

- Thực hiện những nhiệm vụ khác do Hiệu trưởng phân công và chịu trách nhiệm về công việc được giao.

c. Những giá trị khác biệt: Đào tạo kiến thức chuyên môn theo hướng chuyên sâu, gắn với thực tiễn và hợp tác quốc tế, kết hợp các kỹ năng cần thiết. Trên 95% NH tốt nghiệp có việc làm phù hợp với ngành đào tạo.

d. Về chất lượng đội ngũ GV: Tổng số GV của Khoa tính đến tháng 4/2026 là 23 GV cơ hữu, trong đó có 19 GV tham gia giảng dạy trực tiếp ngành NNTQ bao gồm 4 GV có trình độ Tiến sĩ (21,05%), 15 GV có trình độ Thạc sĩ. Đội ngũ GV trong Khoa có năng lực chuyên môn tốt, nghiệp vụ sư phạm giỏi. Bằng sự nỗ lực và quyết tâm của tập thể GV, sinh viên, Khoa được tặng thưởng nhiều phần thưởng cao quý. Trong giai đoạn 2020-2025, Khoa được Bộ Công Thương tặng 2 Bằng khen; UBND tỉnh Hải Dương tặng 01 Bằng khen; BGDĐT tặng 01 bằng khen; 04 chiến sĩ thi đua cấp Bộ; 02 GV được Bộ Công Thương tặng Bằng khen, 01 GV được UBND tỉnh Hải Dương tặng bằng khen, 01 GV được Đoàn TNCS HCM tỉnh đoàn Hải Dương, Trung ương đoàn tặng bằng khen. Hằng năm 100% GV trong Khoa đều được đánh giá xếp loại GV và đạt loại khá trở lên. Các GV luôn tâm huyết với nghề nghiệp, hết lòng vì NH.

e. Về cơ sở vật chất: khoa DL&NN hiện có đủ số phòng chức năng phục vụ cho các hoạt động của Khoa, hệ thống phòng chức năng được thiết kế đầy đủ ánh sáng, trang thiết bị, đảm bảo điều kiện làm việc cho GV trong Khoa. Khoa hiện có 4 phòng làm việc với tổng diện tích 238m^2 đạt bình quân 10,3m^2/GV, đảm bảo diện tích phòng làm việc cho GV theo quy định. Khoa hiện đang quản lý 03 phòng thực hành ngoại ngữ với tổng diện tích 339m^2. Các phòng thực hành ngoại ngữ được trang bị đầy đủ các thiết bị cần thiết, hiện đại phục vụ tốt cho đào tạo như hệ thống máy tính, thiết bị nghe nhìn, hệ thống phần mền chuyên dụng, điều hòa v.v...

g. Về đào tạo kỹ năng thực hành thực nghiệm: Các phòng thực hành của Khoa đặt tại tầng 5 nhà B1, trong đó các phòng thực hành được đầu tư các trang thiết bị tiên tiến, hiện đại phù hợp với chuyên ngành đào tạo của Khoa và phục vụ tốt nhu cầu học giảng dạy, học tập và rèn luyện chuyên môn của đội ngũ GV và SV.

h. Về CTĐT: Đến tháng 12/2025, khoa DL&NN đào tạo 04 CTĐT trình độ đại học bao gồm: Ngôn ngữ Anh, Ngôn ngữ Trung Quốc (NNTQ), Sư phạm Tiếng Trung Quốc và Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành. CTĐT trình độ đại học đã được điều chỉnh theo quy định của Trường và thống nhất về mặt cấu trúc với CTĐT của các ngành kinh tế - xã hội khác.

i. Về NCKH, CGCN: Giai đoạn 2020 - 2025, khoa DL&NN đã chủ trì và tham gia thực hiện 01 đề tài cấp bộ/tỉnh, 18 đề tài NCKH cấp cơ sở (GV thực hiện 11 đề tài; SV thực hiện 7 đề tài). GV trong Khoa đã công bố được 04 bài báo trên tạp chí khoa

học quốc tế, 30 bài trên tạp chí khoa học trong nước, 04 bài trong hội thảo khoa học ngoài nước và 24 bài trong hội thảo khoa học trong nước. Trong giai đoạn đánh giá khoa DL&NN có 8 sản phẩm sáng tạo KHCN của GV và NH được công nhận và đạt giải tại Hội thi sáng tạo KHCN cấp trường, tất cả các sản phẩm KHCN nêu trên đều được ứng dụng vào trong giảng dạy.

k. Về hợp tác quốc tế, quan hệ doanh nghiệp

- *Hợp tác trong nước:* khoa DL&NN đã ký kết hợp tác với một số doanh nghiệp như: Cty TNHH Regina Miracle International Việt Nam; Ngân Công ty TNHH Luxshare - ICT Việt Nam; Công ty TNHH Eastech Việt Nam; Công ty TNHH QJT Viet Nam international limited company; Tập đoàn Flamingo - Flamingo Đại Lải; Công ty TNHH Dịch vụ du lịch lữ hành xuyên Việt; Công Ty TNHH Thương Mại và Du lịch An Tâm,… Thông qua hợp tác với doanh nghiệp để giúp NH ngành NNTQ có điều kiện học tập, thực tập trải nghiệm tại doanh nghiệp nhằm nâng cao kỹ năng thực hành chuyên môn, thực hành nghề nghiệp cho NH, từ đó mở thêm cơ hội việc làm cho NH sau khi tốt nghiệp.

- *Hợp tác quốc tế:* khoa DL&NN đã đón tiếp đoàn khách quốc tế đến tham quan, làm việc về hợp tác đào tạo, NCKH và chuyển giao công nghệ như Trường Đại học Kiện Hành, Trường Đại học Hoa Hạ, Trường Đại học Minh Tân, Trường Đại học Trung Hoa, Trường Đại học Minh Truyền (Đài Loan), Trường Đại học Bách khoa Quế Lâm, Trường Đại học Nam Ninh, Học viện Sư phạm Kỹ thuật và Công nghệ Quảng Tây (Trung Quốc), Cơ quan hợp tác Quốc tế Nhật Bản JICA; Trường Đại học Hankuk (Hàn Quốc); học viện Nhật ngữ Quốc tế Kobe (Nhật Bản),… Thông qua hoạt động này bước đầu để NH, GV có cơ hội được thực tập trải nghiệm và trao đổi học thuật.

Cùng với lịch sử xây dựng và phát triển Trường ĐHSĐ, Khoa DL&NN là đơn vị đào tạo nguồn nhân lực có uy tín, chất lượng. Hàng năm, Khoa cung cấp cho xã hội một lực lượng đông đảo các cử nhân, đáp ứng yêu cầu cho sự phát triển KT - XH của đất nước và địa phương.

2. SỰ CẦN THIẾT MỞ ĐÀO TẠO TỪ XA NGÀNH NGÔN NGỮ ANH (MÃ NGÀNH 7220201)

2.1. Phù hợp với nhu cầu xã hội, thị trường lao động và xu thế hội nhập

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế sâu rộng, tiếng Anh đã trở thành "ngôn ngữ chung" trong hầu hết các lĩnh vực, từ thương mại, khoa học - công nghệ đến ngoại giao và giáo dục. Điều này đặt ra yêu cầu tất yếu đối với việc phát triển nguồn nhân lực có năng lực ngoại ngữ, đặc biệt là tiếng Anh.

Về khoảng cách năng lực quốc gia, theo Chỉ số thông thạo tiếng Anh toàn cầu năm 2025, Việt Nam xếp thứ 64/123 quốc gia, thuộc nhóm năng lực trung bình. Thực trạng này cho thấy còn tồn tại khoảng cách đáng kể so với các quốc gia trong khu vực như Singapore hay Philippines, từ đó ảnh hưởng trực tiếp đến năng lực cạnh tranh quốc gia trong bối cảnh hội nhập.

Về nhu cầu thị trường lao động, sự gia tăng mạnh mẽ của dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) đã tạo ra áp lực lớn về nhu cầu nhân lực chất lượng cao. Năm 2024, tổng vốn FDI đăng ký vào Việt Nam đạt gần 40 tỷ USD, với hơn 36.000 dự án còn hiệu lực. Các doanh nghiệp có yếu tố nước ngoài đều yêu cầu nhân sự có khả năng sử dụng tiếng Anh trong giao tiếp, đàm phán và quản lý, qua đó làm gia tăng nhu cầu tuyển dụng nhân lực ngành Ngôn ngữ Anh.

Bên cạnh đó, lợi thế về thu nhập và cơ hội nghề nghiệp cũng là yếu tố quan trọng thúc đẩy nhu cầu học tập ngành này. Các khảo sát cho thấy khoảng 70-80% tin tuyển dụng trong khối doanh nghiệp FDI yêu cầu tiếng Anh; đồng thời, người lao động có năng lực ngoại ngữ thường có mức thu nhập cao hơn từ 10-40% so với các vị trí tương đương không yêu cầu ngoại ngữ.

Đặc biệt, định hướng chiến lược của Chính phủ Việt Nam trong giai đoạn 2025-2035 xác định tiếng Anh là ngôn ngữ thứ hai trong trường học, hướng tới việc phổ cập khả năng sử dụng tiếng Anh trong học tập và làm việc. Điều này càng khẳng định tính cấp thiết của việc mở rộng quy mô và đa dạng hóa hình thức đào tạo ngành Ngôn ngữ Anh.

Ngoài ra, kết quả khảo sát thực tế của Nhà trường cho thấy sự đồng thuận rất cao từ thị trường: 80% chuyên gia và 77,8% doanh nghiệp đánh giá việc đào tạo ngành Ngôn ngữ Anh là "rất cần thiết"; khoảng 76-79% dự báo nhu cầu tuyển dụng tiếp tục tăng và 87% doanh nghiệp có nhu cầu tuyển dụng nhân lực ngành này. Đây là minh chứng rõ ràng cho nhu cầu xã hội cấp thiết đối với ngành đào tạo này.

2.2. Phù hợp với tính tất yếu của chuyển đổi số và ưu việt của mô hình đào tạo từ xa

Trong bối cảnh chuyển đổi số đang diễn ra mạnh mẽ trên phạm vi toàn cầu, mô hình đào tạo từ xa (ĐTTX) không còn là phương án thay thế mà đã trở thành xu thế tất yếu của giáo dục đại học hiện đại. Tại Việt Nam, tầm quan trọng của đào tạo từ xa đã được Đảng và Nhà nước cụ thể hóa qua hệ thống hành lang pháp lý chặt chẽ. Điển hình là Thông tư 10/2017/TT-BGDĐT, sau thay bằng Thông tư 28/2023/TT-BGĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo đã quy định về quản lý đào tạo từ xa trình độ đại học, tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ sở giáo dục triển khai mô hình này một cách bài bản. Thêm vào đó, Quyết định 131/QĐ-TTg năm 2022 và Chiến lược phát triển giáo dục giai đoạn 2021-2030 đã nhấn mạnh yêu cầu tăng cường ứng dụng công nghệ số, xây dựng một nền giáo dục mở, linh hoạt và công bằng cho mọi đối tượng.

Một trong những ưu điểm nổi bật của đào tạo từ xa là tính linh hoạt và khả năng cá nhân hóa cao. Người học có thể chủ động lựa chọn thời gian, địa điểm và tiến độ học tập, phù hợp với những người đang đi làm hoặc có hoàn cảnh không cho phép tham gia đào tạo tập trung. Điều này góp phần mở rộng cơ hội tiếp cận giáo dục đại học cho nhiều đối tượng trong xã hội.

Bên cạnh đó, mô hình này mang lại hiệu quả kinh tế rõ rệt khi giúp giảm đáng kể chi phí đi lại, ăn ở và thời gian học tập. Đồng thời, các cơ sở đào tạo cũng tối ưu hóa chi phí vận hành, nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực.

Với sự phát triển của công nghệ thông tin, chất lượng đào tạo từ xa ngày càng được nâng cao. Các hệ thống quản lý học tập (LMS), nền tảng học trực tuyến như Zoom, Team ..., cùng với học liệu số đa phương tiện cho phép người học tiếp cận nội dung đào tạo có chất lượng tương đương với đào tạo trực tiếp. Đặc biệt, việc ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong hỗ trợ học ngoại ngữ (như luyện phát âm, phản hồi tự động) đã góp phần nâng cao hiệu quả học tập.

Trong nền kinh tế số, tiếng Anh và kỹ năng số được xem là hai năng lực cốt lõi. Khi hơn 80% nội dung trên Internet được thể hiện bằng tiếng Anh, việc học ngoại ngữ thông qua môi trường trực tuyến không chỉ giúp người học nâng cao năng lực ngôn ngữ mà còn phát triển kỹ năng công nghệ - yếu tố then chốt để thích ứng với thị trường lao động hiện đại.

Do đó, việc triển khai chương trình đào tạo từ xa ngành Ngôn ngữ Anh là sự kết hợp tất yếu giữa nhu cầu học tập ngoại ngữ và xu thế chuyển đổi số, góp phần đào tạo nguồn nhân lực vừa giỏi chuyên môn, vừa thành thạo kỹ năng số.

2.3. Phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn, hệ giá trị cốt lõi và chiến lược phát triển của Nhà trường

Phù hợp sứ mạng của Nhà trường: Việc mở ngành Ngôn ngữ Anh theo hình thức đào tạo từ xa không phải là một quyết định mang tính riêng lẻ mà là kết quả của quá trình hoạch định chiến lược dựa trên sứ mạng phát triển lâu dài của Nhà trường. Với định hướng là cơ sở giáo dục đại học đa ngành, định hướng ứng dụng, Nhà trường luôn xác định nhiệm vụ trọng tâm là đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao, có phẩm chất đạo đức, có năng lực chuyên môn và đặc biệt là năng lực số nhằm đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của xã hội hiện đại. Việc triển khai chương trình đào tạo từ xa ngành Ngôn ngữ Anh không chỉ góp phần đáp ứng nhu cầu ngày càng gia tăng về nguồn nhân lực có khả năng sử dụng tiếng Anh trong bối cảnh hội nhập quốc tế sâu rộng mà còn tạo môi trường thuận lợi để người học phát triển năng lực số thông qua quá trình học tập trên các nền tảng công nghệ. Đồng thời, đây cũng là minh chứng rõ nét cho vai trò phục vụ cộng đồng của Nhà trường khi mở rộng cơ hội tiếp cận giáo dục đại học cho các đối tượng người học đa dạng như người đi làm, người học ở xa hoặc không có điều kiện theo học tập trung, qua đó góp phần gắn kết chặt chẽ hoạt động đào tạo với nhu cầu thực tiễn của xã hội.

Phù hợp với tầm nhìn đến năm 2045: Theo định hướng phát triển, Nhà trường đặt mục tiêu đến năm 2045 trở thành đại học đổi mới sáng tạo, giữ vai trò nòng cốt trong hệ sinh thái đổi mới sáng tạo của địa phương và khu vực. Việc phát triển chương trình đào tạo từ xa chính là một bước đột phá trong tư duy tổ chức đào tạo, tận dụng hiệu quả các thành tựu của khoa học - công nghệ nhằm nâng cao chất lượng và khả năng tiếp cận giáo dục. Ngành Ngôn ngữ Anh, với đặc thù là ngành học mang tính hội

nhập cao và có phạm vi ứng dụng rộng trong nhiều lĩnh vực, sẽ góp phần quan trọng trong việc nâng cao uy tín, thương hiệu của Nhà trường trong hệ thống giáo dục đại học. Đồng thời, việc triển khai chương trình đào tạo từ xa ngành này cũng thể hiện sự nhất quán với triết lý giáo dục mà Nhà trường theo đuổi, hướng tới đào tạo người học phát triển toàn diện, sáng tạo và có khả năng thích ứng linh hoạt với môi trường làm việc toàn cầu.

Cụ thể hóa giá trị cốt lõi của Nhà trường: Mô hình đào tạo từ xa ngành Ngôn ngữ Anh là môi trường thuận lợi để cụ thể hóa hệ giá trị cốt lõi của Nhà trường theo định hướng "học đi đôi với hành", lấy người học làm trung tâm và chú trọng năng lực thực tiễn qua tiêu chuẩn "6 Thực". Trước hết, tinh thần *"thực học"* được đề cao khi người học có thể tiếp cận tri thức mọi lúc, mọi nơi, lấy năng lực thực tế làm trung tâm thay vì bằng cấp hình thức. Quá trình học tập luôn gắn liền với các tình huống nghề nghiệp, giúp học viên *"thực hành"* và ứng dụng kiến thức vào công việc hàng ngày. Môi trường số tạo ra sự tương tác đa chiều, thúc đẩy sự *"thực chung"* giữa người học, giảng viên và các chuyên gia từ doanh nghiệp. Sự linh hoạt trong phương thức học tập đòi hỏi người học phải có tính kỷ luật, sự tự giác và lòng *"thực tâm"* với con đường cầu thị của chính mình. Cuối cùng, chương trình hướng tới mục tiêu *"thực nghiệp"* bằng cách trang bị những kỹ năng nghề nghiệp thực tế để lập thân, lập nghiệp, và cổ vũ tinh thần "thực tiễn", không ngừng vươn lên thông qua việc học tập suốt đời. Với tất cả những lý do trên, việc mở ngành Ngôn ngữ Anh hệ đào tạo từ xa là bước đi chiến lược, phù hợp với định hướng tổng thể, góp phần hiện thực hóa mục tiêu xây dựng một môi trường giáo dục hiện đại, gắn kết chặt chẽ giữa công nghệ, con người và nhu cầu xã hội.

Dựa vào những cơ sở đã trình bày ở trên, Khoa Du lịch và Ngoại ngữ đề xuất Trường ĐHSĐ cho phép thực hiện đề án ĐTTX trình độ đại học ngành NNA. Chủ chương ĐTTX trình độ đại học ngành NNA đã được Hội đồng trường thông qua tại Nghị quyết số 98/NQ-HĐT ngày 13/10/2025.

3. ĐIỀU KIỆN MỞ ĐÀO TẠO TỪ XA TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NGÀNH NGÔN NGỮ ANH

3.1. Căn cứ pháp lý xây dựng chương trình đào tạo

- Luật Giáo dục đại học số 125/2025/QH15 ngày 10/12/2025;
- Quyết định 1982/QĐ - TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam;
- Thông tư 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/03/2021 của BGDĐT về Ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;
- Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của BGDĐT về Quy định về chuẩn CTĐT; xây dựng, thẩm định và ban hành CTĐT các trình độ của giáo dục đại học;
- Thông tư 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 của BGDĐT về Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ và tiến sĩ;

- Thông tư 09/2022/TT-BGDĐT ngày 6/6/2022 của BGDĐT về Quy định danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học;

- Thông tư số 12/2024/TT-BGDĐT ngày 10/10/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

- Thông tư số 28/2023/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo từ xa trình độ đại học;

- Quyết định Số 376/QĐ-TTg ngày 24/3/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường ĐHSĐ;

- Quyết định số 2382/QĐ-BCT ngày 08/9/2020; sửa đổi, bổ sung một số điều tại Quyết định số 1124/QĐ-BCT ngày 01/4/2021 của Bộ Công Thương về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Sao Đỏ;

- Nghị quyết số 378-NQ/ĐU ngày 05/5/2025 của Ban chấp hành Đảng bộ Trường Đại học Sao Đỏ về chủ trương mở đào tạo từ xa ngành Công nghệ thông tin, ngành Ngôn ngữ Trung Quốc, ngành Ngôn ngữ Anh trình độ đại học;

- Nghị quyết số 85/NQ-HĐT ngày 20/6/2025 của Hội đồng trường Trường Đại học Sao Đỏ nhiệm kỳ 2020-2025 về chủ trương đào tạo từ xa ngành Công nghệ thông tin, Ngôn ngữ Anh, Ngôn ngữ Trung Quốc;

- Nghị quyết số 98/NQ-HĐT ngày 13/10/2025 của Hội đồng trường Trường Đại học Sao Đỏ về việc phê duyệt chủ trương đào tạo từ xa ngành Công nghệ thông tin, Ngôn ngữ Trung Quốc, ngành Ngôn ngữ Anh;

- Kế hoạch số 140/KH-ĐHSĐ ngày 23/9/2025 của Trường Đại học Sao Đỏ về việc xây dựng đề án đào tạo từ xa ngành Ngôn ngữ Trung Quốc, ngành Ngôn ngữ Anh, ngành Công nghệ thông tin trình độ đại học;

- Quyết định số 541/QĐ-ĐHSĐ ngày 13/10/2025 của Trường Đại học Sao Đỏ về việc thành lập thành lập Hội đồng xây dựng đề án đào tạo từ xa trình độ đại học.

3.2. Chương trình đào tạo tham khảo

CTĐT từ xa ngành NNA đã xây dựng có tham khảo, đối sánh với CTĐT của 04 trường Đại học trong nước và 02 trường đại học nước ngoài (*Bảng 1*). Các nội dung tham khảo bao gồm: thời lượng của các CTĐT, các mục tiêu và chuẩn đầu ra (CĐR), các khối kiến thức trong CTĐT và các môn học/học phần trong các CTĐT.

Bảng 1. Các cơ sở đào tạo có CTĐT đã tham khảo

STT	Tên trường	Tên CTĐT đã tham khảo	Ghi chú
I	**Trường ĐH trong nước**		
1	Đại học Huế - Trường Đại học Ngoại ngữ	Cử nhân Ngôn ngữ Anh Hệ đào tạo từ xa	https://huflis.edu.vn/vi/index.php/tin-tuc/chuong-trinh-dao-

STT	Tên trường	Tên CTĐT đã tham khảo	Ghi chú
			tao-tu-xa-cac-nganh-ngon-ngu:-anh-trung-phap-tai-truong
2	Đại học Hà Nội (HANU)	Đào tạo từ xa ngành Ngôn ngữ Anh	Khung chương trình đào tạo ngành ngôn ngữ anh - Hinh thuc Tu Xa 2024.pdf
3	Đại học Thái Nguyên (TNU) - Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp	Ngôn ngữ Anh hệ đào tạo từ xa	https://daihocthainguyen.edu.vn/nganh-dao-tao/dai-hoc-tu-xa-ngon-ngu-anh/
4	Đại học Hoa Sen	Ngôn ngữ Anh hệ đào tạo từ xa	https://www.hoasen.edu.vn/online/wp-content/uploads/sites/56/2026/01/PLCTDT-TAD.pdf
II	**Trường ĐH Quốc tế**		
1	European Univerity Cyprus	Cử nhân Ngôn ngữ Anh	English Studies - Online Bachelor's Degree
2	Hong Kong Metropolitian University	Cử nhân Ngôn ngữ Anh	Bachelor of Language Studies (English) - School of Education and Languages - Hong Kong Metropolitan University

3.3. Nội dung chương trình đào tạo

Trên cơ sở đề xuất và phê duyệt chủ trương mở ĐTTX ngành NNA. Hiệu trưởng trường ĐHSĐ đã chỉ đạo và tổ chức xây dựng, thẩm định, ban hành CTĐT từ xa trình độ đại học ngành NNA đảm bảo theo các quy định pháp luật hiện hành về điều kiện, trình tự, thủ tục mở đào tạo từ xa và đáp ứng chuẩn CTĐT theo lĩnh vực, nhóm ngành, ngành đào tạo, phù hợp với Khung trình độ quốc gia.

CTĐT từ xa ngành NNA trình độ đại học đã được xây dựng có nội dung cụ thể như sau:

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SAO ĐỎ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tên chương trình : Ngôn ngữ Anh
Ngành đào tạo : Ngôn ngữ Anh
(English language)
Mã ngành : 7220201
Trình độ đào tạo : Đại học
Phương thức đào tạo : Mạng máy tính và viễn thông

1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân Ngôn ngữ Anh có phẩm chất chính trị, đạo đức; có sức khỏe tốt; trách nhiệm với nghề nghiệp; thích nghi với môi trường làm việc đa văn hoá; có ý thức phục vụ cộng đồng; có kiến thức tổng quan về các lĩnh vực văn hóa, xã hội; có kiến thức chuyên môn toàn diện, có kỹ năng nghe, nói, đọc, viết, biên dịch, phiên dịch tiếng Anh; có khả năng tự học và sáng tạo trong hoạt động nghề nghiệp; có năng lực làm việc độc lập, sáng tạo, làm việc theo nhóm hiệu quả, thích ứng với các điều kiện làm việc; có trách nhiệm với bản thân, xã hội và có khả năng sử dụng công nghệ thông tin thành thạo, khả năng học tập suốt đời.

1.2. Mục tiêu cụ thể

1.2.1. Kiến thức

1.2.1.1. Kiến thức giáo dục đại cương

1.2.1.1a. Có kiến thức cơ bản về khoa học chính trị, pháp luật, kinh tế - xã hội, quốc phòng và an ninh để vận dụng và giải quyết các vấn đề thực tiễn.

1.2.1.1b. Có kiến thức cơ bản về khoa học xã hội và nhân văn, tin học và ngoại ngữ để tiếp thu kiến thức giáo dục chuyên nghiệp và học tập nâng cao trình độ.

1.2.1.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp

1.2.1.2a. Có kiến thức cơ bản về các lĩnh vực ngôn ngữ Anh như ngữ âm học, từ vựng học, ngữ pháp học, phân tích ngôn ngữ, phương pháp dạy học ngoại ngữ và so sánh đối chiếu về ngôn ngữ.

1.2.1.2 b. Có kiến thức chuyên sâu về các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết và kỹ thuật biên dịch, phiên dịch tiếng Anh tương đương với bậc 5 của khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam.

1.2.1.2c. Có kiến thức cơ bản về quản lý và điều hành hoạt động chuyên môn.

1.2.2. Kỹ năng

1.2.2.1. Có kỹ năng giao tiếp tiếng Anh thành thạo và biên dịch, phiên dịch tiếng Anh.

1.2.2.2. Có kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá và năng lực dẫn dắt chuyên môn để giải quyết vấn đề liên quan đến ngành Ngôn ngữ Anh.

1.2.2.3. Ứng dụng được phần mềm tin học và có năng lực ngoại ngữ tiếng Trung bậc 3/6 khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam.

1.2.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

1.2.3.1. Có năng lực làm việc độc lập, sáng tạo, làm việc theo nhóm và chịu trách nhiệm trong công việc và có ý thức phục vụ cộng đồng.

1.2.3.2. Có năng lực định hướng, lập kế hoạch, điều phối, quản lý, hướng dẫn, giám sát, đánh giá và đưa ra kết luận các công việc thuộc chuyên môn nghề nghiệp.

1.2.4. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp

Sinh viên tốt nghiệp được cấp bằng Cử nhân Ngôn ngữ Anh và đảm nhận được công việc ở các vị trí: Cán bộ quản lí, chuyên viên, phiên dịch viên, biên dịch viên,

nhân viên văn phòng tại các cơ quan, doanh nghiệp có sử dụng tiếng Anh; làm công tác giảng dạy, nghiên cứu tại các cơ sở đào tạo, viện nghiên cứu và theo học ở các trình độ cao hơn.

2. CHUẨN ĐẦU RA

2.1. Kiến thức

2.1.1. Hiểu được những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, pháp luật, quốc phòng - an ninh và giáo dục thể chất để giải quyết các vấn đề thực tiễn trong cuộc sống và công việc.

2.1.2. Vận dụng được kiến thức cơ bản về khoa học xã hội và nhân văn cùng với ngoại ngữ tiếng Trung để tiếp thu hiệu quả kiến thức giáo dục chuyên nghiệp và học tập nâng cao trình độ.

2.1.3. Ứng dụng công nghệ thông tin trong học tập, xử lý công việc chuyên môn, thích nghi với môi trường làm việc hiện đại và đáp ứng yêu cầu về chuyển đổi số (đạt Chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản theo Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông Quy định chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin và đạt bậc 4 của các miền năng lực theo Thông tư số 02/2025/TT-BGDĐT ngày 24/01/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định Khung năng lực số cho người học).

2.1.4. Vận dụng được kiến thức ngữ âm học, từ vựng học, ngữ pháp học và văn hóa trong tiếng Anh để thực hành hiệu quả các kỹ năng ngôn ngữ trong các bối cảnh giao tiếp liên văn hoá và học thuật.

2.1.5. Áp dụng được kiến thức nghe, nói, đọc, viết tiếng Anh để giao tiếp hiệu quả và thực hiện các nhiệm vụ nghiệp vụ trong biên dịch, phiên dịch trong môi trường học thuật và nghề nghiệp.

2.1.6. Tổng hợp được các kiến thức chuyên môn về ngôn ngữ và kỹ năng nghiệp vụ để lập kế hoạch, tổ chức và giám sát các hoạt động chuyên môn.

2.2. Kỹ năng

2.2.1. Vận dụng thành thạo kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết tiếng Anh để thực hiện hiệu quả các công việc và giao tiếp trong môi trường xã hội và nghề nghiệp đa dạng.

2.2.2. Thực hiện được hoạt động biên dịch và phiên dịch Anh - Việt, Việt - Anh chính xác và phù hợp ngữ cảnh trong các lĩnh vực văn hóa, kinh tế, chính trị và xã hội.

2.2.3. Vận dụng linh hoạt kiến thức ngôn ngữ học tiếng Anh (ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp) và hiểu biết văn hóa để giao tiếp và thực hiện hoạt động biên - phiên dịch hiệu quả trong các tình huống giao tiếp và công việc cụ thể.

2.2.4. Phân tích rõ ràng các vấn đề chuyên môn và đề xuất giải pháp một cách dễ hiểu cho người khác, đồng thời đánh giá được chất lượng công việc của bản thân và hiệu quả làm việc nhóm trong bối cảnh hoạt động học thuật và nghề nghiệp trong lĩnh vực Ngôn ngữ Anh.

2.2.5. Hợp tác hiệu quả với các thành viên và thích ứng nhanh chóng với môi trường làm việc mới để dẫn dắt nhóm, khởi nghiệp, tạo việc làm cho bản thân và người khác trong

bối cảnh nghề nghiệp thay đổi và hội nhập.

2.2.6. Sử dụng được tiếng Trung Quốc đạt tối thiểu bậc 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam để phục vụ công việc chuyên môn và giao tiếp trong môi trường đa ngôn ngữ.

2.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

2.3.1. Có sức khỏe, vận dụng được năng lực làm việc độc lập, sáng tạo và làm việc theo nhóm, đồng thời chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm với tập thể trong bối cảnh nghề nghiệp thay đổi và môi trường làm việc đa dạng.

2.3.2. Thực hiện được việc hướng dẫn, giám sát, đánh giá và đưa ra kết luận đối với các công việc chuyên môn trong quá trình làm việc thực tiễn.

2.3.3. Tự định hướng và phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu và đưa ra, bảo vệ được các quan điểm cá nhân có cơ sở trong hoạt động chuyên môn và công việc thực tiễn.

2.3.4. Lập kế hoạch và điều phối hiệu quả các nguồn lực, đồng thời đánh giá và cải tiến được các hoạt động chuyên môn trong các bối cảnh công việc thực tiễn.

3. THỜI GIAN ĐÀO TẠO THEO KẾ HOẠCH HỌC TẬP CHUẨN TOÀN KHÓA:

4,0 năm (đối với người học tốt nghiệp THPT);

2,0 ÷- 3,0 năm (đối với người học tốt nghiệp đại học, cao đẳng, trung cấp).

4. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA: 130 tín chỉ (chưa bao gồm GDQP, AN và giáo dục thể chất).

5. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH: Người đã tốt nghiệp trung học phổ thông; người đã tốt nghiệp trình độ trung cấp, đã học và thi đạt yêu cầu đủ khối lượng kiến thức văn hóa trung học phổ thông theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; người đã tốt nghiệp trình độ cao đẳng; Người tốt nghiệp trình độ đại học.

6. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

Thực hiện theo quy chế đào tạo trình độ đại học (phương thức tổ chức đào tạo theo tín chỉ, hình thức đào tạo chính quy) và các văn bản hiện hành, được cụ thể hóa theo quy chế đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Sao Đỏ.

7. THANG ĐIỂM: Sử dụng thang điểm 10 được quy đổi thành thang điểm 4 và điểm chữ

8. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

STT *No*	**Mã học phần** *Course code*	**Tên học phần** *Course*	**Tín chỉ** *Credit*		
			Tổng *Total*	**LT** *Lecture*	**TH** *Practice*
8.1		**KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG** ***General education knowledge***	**45**	**31**	**14**
8.1.1		**Lý luận chính trị** ***Political theory***	**11**	**11**	**0**
1	CTRI 004	Triết học Mác - Lênin *Marxist-Leninist philosophy*	3	3	0

2	CTRI 002	Kinh tế chính trị Mác - Lênin *Marxist-Leninist political economy*	2	2	0
3	CTRI 001	Chủ nghĩa xã hội khoa học *Scientific socialism*	2	2	0
4	CTRI 003	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam *History of the Communist Party of Vietnam*	2	2	0
5	CTRI 005	Tư tưởng Hồ Chí Minh *Ho Chi Minh's Ideology*	2	2	0
8.1.2		**Khoa học xã hội - nhân văn** ***Social sciences and humanities***	**8**	**8**	**0**
8.1.2.1		**Phần bắt buộc**	**6**	**6**	**0**
6	KHXH 001	Dẫn luận ngôn ngữ *Introduction to linguistics*	2	2	0
7	VNH 001	Cơ sở văn hoá Việt Nam *Vietnamese cultural foundation*	2	2	0
8	KHXH 006	Pháp luật đại cương *General laws*	2	2	0
8.1.2.2		**Phần tự chọn có hướng dẫn** *(chọn 1 trong 3 học phần sau)* ***Guided elective module*** *(select one of the following four courses)*	**2**	**2**	**0**
9	KHXH 002	Khởi nghiệp kinh doanh *Entrepreneurship*	2	2	0
10	KHXH 005	Nghiệp vụ lễ tân ngoại giao *Diplomatic protocol and reception*	2	2	0
11	KHXH 007	Phương pháp nghiên cứu khoa học *Research methodology*	2	2	0
8.1.3		**Ngoại ngữ 2** ***Second language***	**8**	**8**	**0**
12	TTRUNG 022	Tiếng Trung Quốc 1 *Chinese 1*	2	2	0
13	TTRUNG 023	Tiếng Trung Quốc 2 *Chinese 2*	3	3	0
14	TTRUNG 024	Tiếng Trung Quốc 3 *Chinese 3*	3	3	0
8.1.4		**Tin học** ***Information technology***	**5**	**3**	**2**
15	TINCB 007	Tin học cơ bản *Basic informatics*	3	2	1
16	CNTT 011	Ứng dụng công nghệ số và trí tuệ nhân	2	1	1

		tạo *Applications of Digital Technology and Artificial Intelligence*			
8.1.5		**Kỹ năng mềm** ***Soft skill***	**2**	**1**	**1**
17	KNM 010	Kỹ năng mềm *Soft Skills*	2	1	1
8.1.6		**Giáo dục thể chất** *(chọn 3 trong 5 nội dung)* *Physical education (select three of the following five courses)*	**3**	**0**	**3**
18	GDTC 001	Bóng chuyền hơi *Soft volleyball*	1	0	1
19	GDTC 002	Bóng đá *Football*	1	0	1
20	GDTC 006	Cầu lông *Badminton*	1	0	1
21	GDTC 004	Khiêu vũ thể thao *Dancesport*	1	0	1
22	GDTC 005	Pickleball *Pickleball*	1	0	1
8.1.7		**Giáo dục quốc phòng và an ninh** ***National defense and security education***	**8 TC (165 tiết)**		
23	GDQP	Giáo dục quốc phòng và an ninh *National defense and security education*	8 TC (165 tiết)		
8.2		**KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP** ***Professional education knowledge***	**96**	**44**	**52**
8.2.1		**Kiến thức cơ sở ngành** ***Basic industry knowledge***	**11**	**11**	**0**
24	NNA 003	Ngữ âm học *Phonetics*	2	2	0
25	NNA 004	Ngữ nghĩa học *Semantics*	2	2	0
26	NNA 005	Ngữ pháp tiếng Anh *English Grammar*	3	3	0
27	NNA 006	Từ vựng học *Lexicology*	2	2	0
28	NNA 586	Giao tiếp liên văn hoá *Intercultural communication*	2	2	0
8.2.2		**Kiến thức ngành**	**65**	**33**	**32**

		Professional knowledge			
8.2.2.1		**Phần bắt buộc** ***Compulsory subjects***	**63**	**31**	**32**
29	NNA 066	Nghe Tiếng Anh 1 *English Listening 1*	2	1	1
30	NNA 072	Nói Tiếng Anh 1 *English Speaking 1*	2	1	1
31	NNA 060	Đọc Tiếng Anh 1 *English Reading 1*	2	1	1
32	NNA 080	Viết Tiếng Anh 1 *English Writing 1*	2	1	1
33	NNA 067	Nghe Tiếng Anh 2 *English Listening 2*	2	1	1
34	NNA 073	Nói Tiếng Anh 2 *English Speaking 2*	2	1	1
35	NNA 061	Đọc Tiếng Anh 2 *English Reading 2*	2	1	1
36	NNA 081	Viết Tiếng Anh 2 *English Writing 2*	2	1	1
37	NNA 068	Nghe Tiếng Anh 3 *English Listening 3*	2	1	1
38	NNA 074	Nói Tiếng Anh 3 *English Speaking 3*	2	1	1
39	NNA 062	Đọc Tiếng Anh 3 *English Reading 3*	2	1	1
40	NNA 082	Viết Tiếng Anh 3 *English Writing 3*	2	1	1
41	NNA 069	Nghe Tiếng Anh 4 *English Listening 4*	2	1	1
42	NNA 075	Nói Tiếng Anh 4 *English Speaking 4*	2	1	1
43	NNA 063	Đọc Tiếng Anh 4 *English Reading 4*	2	1	1
44	NNA 083	Viết Tiếng Anh 4 *English Writing 4*	2	1	1
45	NNA 070	Nghe Tiếng Anh 5 *English Listening 5*	2	1	1
46	NNA 076	Nói Tiếng Anh 5 *English Speaking 5*	2	1	1
47	NNA 064	Đọc Tiếng Anh 5 *English Reading 5*	2	1	1

48	NNA 084	Viết Tiếng Anh 5 *English Writing 5*	2	1	1
49	NNA 071	Nghe Tiếng Anh 6 *English Listening 6*	2	1	1
50	NNA 077	Nói Tiếng Anh 6 *English Speaking 6*	2	1	1
51	NNA 064	Đọc Tiếng Anh 6 *English Reading 6*	2	1	1
52	NNA 085	Viết Tiếng Anh 6 *English Writing 6*	2	1	1
53	NNA 056	Tiếng Anh tổng hợp *English Integreted skills*	3	3	0
54	NNA 058	Biên dịch Tiếng Anh 1 *English Translation 1*	3	1	2
55	NNA 059	Biên dịch Tiếng Anh 2 *English Translation 2*	3	1	2
56	NNA 078	Phiên dịch Tiếng Anh 1 *English Interpretation 1*	3	1	2
57	NNA 079	Phiên dịch Tiếng Anh 2 *English Interpretation 2*	3	1	2
8.2.2.2		**Phần tự chọn có hướng dẫn** *(chọn 1 trong 4 học phần sau)* ***Guided elective module*** *(select one of the following four courses)*	**2**	**2**	**0**
58	NNA 028	Phân tích diễn ngôn *Discourse analysis*	2	2	0
59	NNA 022	Ngôn ngữ học đối chiếu *Contrastive linguistics*	2	2	0
60	NNA 016	Kỹ năng thuyết trình tiếng Anh *English presentation skill*	2	2	0
61		Phương pháp giảng dạy tiếng Anh *English teaching methodology*	2	2	0
8.2.3		**Thực tập và khóa luận tốt nghiệp** ***Internship and Graduation thesis***	**20**	**0**	**20**
62	NNA 402	Thực tập biên, phiên dịch Tiếng Anh *English Translation, interpretation internship*	3	0	3
63	NNA403	Thực tập tốt nghiệp *Internship*	7	0	7
64	NNA 401	Khóa luận tốt nghiệp *(hoặc học thêm 2 học phần chuyên môn sau)*	10	0	10

		Graduation thesis (or study 2 following courses)			
65	NNA 050	Thực hành biên dịch doanh nghiệp Tiếng Anh *English Business translation practice*	5	0	5
66	NNA 051	Thực hành phiên dịch doanh nghiệp Tiếng Anh *English Business interpretation practice*	5	0	5
Tổng (Tín chỉ) ***Total (credits)***			**141**	**75**	**66**

9. MA TRẬN TÍCH HỢP HỌC PHẦN - CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

STT	Mã học phần	Học phần	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo															
			Kiến thức						Kỹ năng						Mức tự chủ và trách nhiệm			
			2.1.1	2.1.2	2.1.3	2.1.4	2.1.5	2.1.6	2.2.1	2.2.2	2.2.3	2.2.4	2.2.5	2.2.6	2.3.1	2.3.2	2.3.3	2.3.4
1.	CTRI 004	Triết học Mác - Lênin (Marxist-Leninist philosophy)	2									3			3			
2.	CTRI 002	Kinh tế chính trị Mác - Lênin (Marxist-Leninist political economy)	2									3			3			
3.	CTRI 001	Chủ nghĩa xã hội khoa học (Scientific socialism)	2									3			3			
4.	CTRI 003	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (History of the Communist Party of Vietnam)	2									3			3			
5.	CTRI 005	Tư tưởng Hồ Chí Minh (Ho Chi Minh Ideology)	2									3			3			
6.	KHXH 001	Dẫn luận ngôn ngữ (Introduction to linguistics)		3						3					3			
7.	VNH 001	Cơ sở văn hoá Việt Nam (Vietnamese cultural foundation)		3						3					3			
8.	KHXH 006	Pháp luật đại cương (General laws)	2									3			3			
9.	KHXH 005	Nghiệp vụ lễ tân ngoại giao (Diplomatic protocol and		3						3					3			

STT	Mã học phần	Học phần	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo															
			Kiến thức						Kỹ năng						Mức tự chủ và trách nhiệm			
			2.1.1	2.1.2	2.1.3	2.1.4	2.1.5	2.1.6	2.2.1	2.2.2	2.2.3	2.2.4	2.2.5	2.2.6	2.3.1	2.3.2	2.3.3	2.3.4
		reception)																
10.	KHXH 361	Phương pháp nghiên cứu khoa học (Research methodology)		3						3					3			
11.	QTRI 112	Khởi nghiệp kinh doanh (Entrepreneurship)		3						3					3			
12.	TTRUNG 022	Tiếng Trung Quốc 1 (Chinese 1)		2										3	3			
13.	TTRUNG 023	Tiếng Trung Quốc 2 (Chinese 2)		2										3	3			
14.	TTRUNG 024	Tiếng Trung Quốc 3 (Chinese 3)		3										3	4			
15.	TINCB 007	Tin học cơ bản (Basic informatics)			3										3			
16.	CNTT 011	Ứng dụng công nghệ số và AI *(Applications of Digital Technology and Artificial Intelligence)*			3										3			
17.	KNM 008	Kỹ năng mềm (Soft skill)										3			3			
18.	GDTC 001	Bóng chuyền hơi (Soft volleyball)	2									3			4			
19.	GDTC 002	Bóng đá (Football)	2									3			4			
20.	GDTC 006	Cầu lông (Badminton)	2									3			4			
21.	GDTC 004	Khiêu vũ thể thao	2									3			4			

STT	Mã học phần	Học phần	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo															
			Kiến thức						Kỹ năng						Mức tự chủ và trách nhiệm			
			2.1.1	2.1.2	2.1.3	2.1.4	2.1.5	2.1.6	2.2.1	2.2.2	2.2.3	2.2.4	2.2.5	2.2.6	2.3.1	2.3.2	2.3.3	2.3.4
		(Dancesport)																
22.	GDTC 005	Pickleball (Pickleball)	2									3			4			
23.	GDQPAN	Giáo dục quốc phòng và an ninh (National defense and security education)	2												3			
24.	NNA 003	Ngữ âm học (Phonetics)				2				3					4		4	
25.	NNA 004	Ngữ nghĩa học (Semantics)				3				4					4		4	
26.	NNA 005	Ngữ pháp tiếng Anh (English Grammar)				3					4				4			
27.	NNA 006	Từ vựng học (Lexicology)				2				4					3		3	
28.	NNA 586	Giao tiếp liên văn hoá (Intercultural communication)				3				4					4		4	
29.	NNA 066	Nghe Tiếng Anh 1 (English Listening 1)					2		3		3				3			
30.	NNA 072	Nói Tiếng Anh 1 (English Speaking 1)					2		3						3			
31.	NNA 060	Đọc Tiếng Anh 1 (English Reading 1)					2		3						3			
32.	NNA 080	Viết Tiếng Anh 1 (English Writing 1)					2		3						3			
33.	NNA 067	Nghe Tiếng Anh 2 (English Listening 2)				2			3						3			
34.	NNA 073	Nói Tiếng Anh 2 (English					2		3						3			

STT	Mã học phần	Học phần	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo															
			Kiến thức						Kỹ năng						Mức tự chủ và trách nhiệm			
			2.1.1	2.1.2	2.1.3	2.1.4	2.1.5	2.1.6	2.2.1	2.2.2	2.2.3	2.2.4	2.2.5	2.2.6	2.3.1	2.3.2	2.3.3	2.3.4
		Speaking 2)																
35.	NNA 061	Đọc Tiếng Anh 2 (English Reading 2)					2		3						3			
36.	NNA 081	Viết Tiếng Anh 2 (English Writing 2)					2		3						3			
37.	NNA 068	Nghe Tiếng Anh 3 (English Listening 3)					2		3						3			
38.	NNA 074	Nói Tiếng Anh 3 (English Speaking 3)					3		3						3			
39.	NNA 062	Đọc Tiếng Anh 3 (English Reading 3)					3		3						3			
40.	NNA 082	Viết Tiếng Anh 3 (English Writing 3)					3		3						3			
41.	NNA 069	Nghe Tiếng Anh 4 (English Listening 4)					3		4		4				4		4	
42.	NNA 075	Nói Tiếng Anh 4 (English Speaking 4)					3		4						4			
43.	NNA 063	Đọc Tiếng Anh 4 (English Reading 4)					3		4						4			
44.	NNA 083	Viết Tiếng Anh 4 (English Writing 4)					3		4						4			
45.	NNA 070	Nghe Tiếng Anh 5 (English Listening 5)					3		4		4				4			
46.	NNA 076	Nói Tiếng Anh 5 (English Speaking 5)					3		4						4			

STT	Mã học phần	Học phần	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo															
			Kiến thức						Kỹ năng						Mức tự chủ và trách nhiệm			
			2.1.1	2.1.2	2.1.3	2.1.4	2.1.5	2.1.6	2.2.1	2.2.2	2.2.3	2.2.4	2.2.5	2.2.6	2.3.1	2.3.2	2.3.3	2.3.4
47.	NNA 064	Đọc Tiếng Anh 5 (English Reading 5)					3		4						4			
48.	NNA 084	Viết Tiếng Anh 5 (English Writing 5)					3		4						4			
49.	NNA 071	Nghe Tiếng Anh 6 (English Listening 6)					3		4						4			
50.	NNA 077	Nói Tiếng Anh 6 (English Speaking 6)					3		4		4				4			
51.	NNA 064	Đọc Tiếng Anh 6 (English Reading 6)					3		4						4			
52.	NNA 085	Viết Tiếng Anh 6 (English Writing 6)					3		4						4			
53.	NNA 056	Tiếng Anh tổng hợp (English Integreted skills)					3		3						3			
54.	NNA 058	Biên dịch Tiếng Anh 1 (English Translation 1)				4	4	4		4	4	4	4		4	4	4	4
55.	NNA 059	Biên dịch Tiếng Anh 2 (English Translation 2)					4		4	4	4				4	4		
56.	NNA 078	Phiên dịch Tiếng Anh 1 (English Interpretation 1)				3	3			4	4				4			
57.	NNA 079	Phiên dịch Tiếng Anh 2 (English Interpretation 2)				2	3	4		4	3	4	5		3	4	5	5
58.	NNA 028	Phân tích diễn ngôn (Discourse analysis)				2	2				3				3			
59.	NNA 022	Ngôn ngữ học đối chiếu				3					4				4		4	

STT	Mã học phần	Học phần	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo															
			Kiến thức						Kỹ năng						Mức tự chủ và trách nhiệm			
			2.1.1	2.1.2	2.1.3	2.1.4	2.1.5	2.1.6	2.2.1	2.2.2	2.2.3	2.2.4	2.2.5	2.2.6	2.3.1	2.3.2	2.3.3	2.3.4
		(Contrastive linguistics)																
60.	NNA 016	Kỹ năng thuyết trình tiếng Anh (English presentation skill)				2					3				4			
61.		Phương pháp giảng dạy tiếng Anh (English teaching methodology)																
62.	NNA 402	Thực tập biên, phiên dịch tiếng Anh (English Translation, interpretation internship)				4	4	4		5	5	6			5	5	5	
63.	NNA 403	Thực tập tốt nghiệp (Internship)				3	3	4				4	4		4	4	5	5
64.	NNA 401	Khóa luận tốt nghiệp (Graduation thesis)				3	3	4				4	4		4	4	5	5
65.	NNA 050	Thực hành biên dịch doanh nghiệp tiếng Anh (English Business translation practice)						6		6					6			
66.	NNA 051	Thực hành phiên dịch doanh nghiệp Tiếng Anh (English Business interpretation practice)					6	6		6					6			

10. KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO CHUẨN

HK1: 19TC	HK2: 17TC	HK3: 17TC	HK4: 18TC	HK5: 19TC	HK6: 18TC	HK7: 16TC	HK8: 17TC
Nghe TA 1 NNA 066 (2,1,1)	**Nghe TA 2** NNA 067 (2,1,1)	**Nghe TA 3** NNA 068 (2,1,1)	**Nghe TA 4** NNA 069 (2,1,1)	**Nghe TA 5** NNA 070 (2,1,1)	**Nghe TA 6** NNA 071 (2,1,1)		**Thực tập TN** NNA 403 (7,07)
Nói TA 1 NNA 072 (2,1,1)	**Nói TA 2** NNA 073 (2,1,1)	**Nói TA 3** NNA 074 (2,1,1)	**Nói TA 4** NNA 075 (2,1,1)	**Nói TA 5** NNA 076 (2,1,1)	**Nói TA 6** NNA 077 (2,1,1)	**Giao tiếp liên văn hoá** NNA (2,2,0)	**Khoá luận tốt nghiệp** NNA 401 (10,0,10)
Đọc TA 1 NNA 060 (2,1,1)	**Đọc TA 2** NNA 061 (2,1,1)	**Đọc TA 3** NNA 062 (2,1,1)	**Đọc TA 4** NNA 063 (2,1,1)	**Đọc TA 5** NNA 064 (2,1,1)	**Đọc TA 6** NNA 065 (2,1,1)	**Ngữ nghĩa học** NNA 004 (2,2,0)	Sinh viên không làm KLTN lựa chọn thêm 2 học phần thay thế: **1. Thực tập biên dịch doanh nghiệpTA** NNA 050 (5,0,5) **2. Thực tập phiên dịch doanh nghiệp TA** NNA 051 (5,0,5)
Viết TA 1 NNA 080 (2,1,1)	**Viết TA 2** NNA 081 (2,1,1)	**Viết TA 3** NNA 082 (2,1,1)	**Viết TA 4** NNA 083 (2,1,1)	**Viết TA 5** NNA 084 (2,1,1)	**Viết TA 6** NNA 085 (2,1,1)	**Từ vựng học** NNA 006 (2,2,0)	
TA tổng hợp NNA 056 (3,3,0)	**KNM** KNM 008 (2,1,1)	**T Trung Quốc 1** TTRUNG 022 (2,1,1)	**T Trung Quốc 2** TTRUNG 023 (3,2,1)	**T Trung Quốc 3** TTRUNG 024 (3,2,1)	**Cơ sở VH VN** VNH 011 (2,2,0)	**Thực tập Biên, phiên dịch TA** NNA 402 (3,0,3)	
GDQP và AN GDQP (4,0,4)	**GDQP và AN** GDQP (4,0,4)	**Pháp luật ĐC** KHXH 006 (2,2,0)	**Dẫn luận ngôn ngữ** KHXH 001 (2,2,0)	**Biên dịch 1** NNA 058 (3,1,2)	**Biên dịch 2** NNA 059 (3,1,2)	**Ngữ pháp TA** NNA 313 (3,3,0)	
Triết học M.Lênin CTRI 004 (3,3,0)	**Kinh tế CT M.Lênin** CTRI 002 (2,2,0)	**CNXHKH** CTRI 001 (2,2,0)	**Lịch sử ĐCSVN** CTRI 003 (2,2,0)	**Phiên dịch 1** NNA 078 (3,1,2)	**Phiên dịch 2** NNA 079 (3,1,2)	**Ngữ âm học** NNA 003 (2,2,0)	
		Tư tưởng HCM CTRI 005 (2,2,0)	**Tin học CB** TINCB 005 (3,2,1)	Ứng dụng công nghệ số và AI 2(1,1)	***Tự chọn 1/4 h.p 8.1.2.2 (2,2,0)***		
GDTC GDTC (1,0,1)	**GDTC** GDTC (1,0,1)	**GDTC** GDTC (1,0,1)					

3.4. Kế hoạch thực hiện chương trình đào tạo

Kế hoạch đào tạo được thiết kế các học phần theo từng học kỳ, phù hợp với từng khối, từng bậc kiến thức, đảm bảo về các điều kiện tiêu quyết. Một năm học có 2 học kỳ, mỗi học kỳ sinh viên được học từ 17 - 19 tín chỉ. Cụ thể kế hoạch đào tạo được thực hiện theo từng kỳ như sau *(Bảng 2)*:

Bảng 2. Kế hoạch đào tạo và phân công giảng viên giảng dạy đào tạo từ xa trình độ đại học ngành NNA

TT	**Mã số** học phần	**Tên** học phần	**Số tín chỉ**			học phần **tiên quyết**	**Phân công** giảng viên **giảng dạy**
			Tổng	**LT**	**TH**		
	Kỳ 1						
1	NNA 066	Nghe Tiếng Anh 1	2	1	1	Không	Tăng Thị Hồng Minh
2	NNA 072	Nói Tiếng Anh 1	2	1	1	Không	Trần Thị Mai Hương
3	NNA 060	Đọc Tiếng Anh 1	2	1	1	Không	Vũ Thị Lương
4	NNA 080	Viết Tiếng Anh 1	2	1	1	Không	Trịnh Thị Chuyên
5	NNA 056	Tiếng Anh tổng hợp	3	3	0	Không	Trần Hoàng Yến Phạm Thị Thu Hà
6	GDQP	Giáo dục quốc phòng và an ninh	4	0	4	Không	Hà Đình Soát Vũ Tiến Hiếu
7	GDTC	Giáo dục thể chất 1	1	0	1	Không	Hà Đình Soát Vũ Tiến Hiếu
8	CTRI 004	Triết học Mác Lê Nin	3	3	0	Không	Phạm Xuân Đức, Trần Thị Hồng Nhung
		Cộng	**19**	**10**	**9**		
	Kỳ 2						
9	NNA 067	Nghe Tiếng Anh 2	2	1	1	Nghe 1	Nguyễn Thị Phượng Trần Hoàng Yến
10	NNA 073	Nói Tiếng Anh 2	2	1	1	Nói 1	Phạm Thị Huyền Trang Phạm Thị Thu Hà
11	NNA 061	Đọc Tiếng Anh 2	2	1	1	Đọc 1	Vũ Thị Lương
12	NNA 081	Viết Tiếng Anh 2	2	1	1	Viết 1	Trần Thị Mai Hương
13	CTRI 002	Kinh tế CT MLN	2	2	0	Triết học Mác - Lênin	Nguyễn Mạnh Tưởng Vũ Văn Đông Phạm Thị Hồng Hoa
14	GDTC1	Giáo dục thể chất 2	1	0	1	Giáo dục thể chất 1	Hà Đình Soát Phạm Anh Dũng
15	GDQP	Giáo dục quốc phòng và an ninh	4	0	4	Không	Hà Đình Soát Vũ Tiến Hiếu
16	KNM	KNM	2	1	1	Không	Phạm Xuân Đức Phạm Thị Hồng Hoa
		Cộng	**17**	**7**	**10**		
	Kỳ 3						

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ			học phần tiên quyết	Phân công giảng viên giảng dạy
			Tổng	LT	TH		
17	NNA 068	Nghe Tiếng Anh 3	2	1	1	Nghe 2	Trần Thị Mai Hương Đặng Thị Minh Phương
18	NNA 074	Nói Tiếng Anh 3	2	1	1	Nói 2	Trần Hoàng Yến
19	NNA 062	Đọc Tiếng Anh 3	2	1	1	Đọc 2	Đặng Thị Thanh
20	NNA 082	Viết Tiếng Anh 3	2	1	1	Viết 2	Trịnh Thị Chuyên Nguyễn Thị Phượng
21	CTRI 005	Tư tưởng HCM	2	2	0	Triết học Mác - Lênin	Phạm Xuân Đức Nguyễn Mạnh Tưởng
22	CTRI 001	CNXHKH	2	2	0	Triết học Mác - Lênin, Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Phùng Thị Lý Nguyễn Thị Nhan
23	TTRUNG 022	Tiếng Trung Quốc 1	2	2	0	Không	Nguyễn Thị Lan Phạm Thị Hồng Trang
24	KHXH 006	Pháp luật đại cương	2	2	0	Không	Phạm Thị Mai Nguyễn Thị Hải Hà Đỗ Thị Thùy
25	GDTC 003	GDTC 3	1	0	1	Giáo dục thể chất 2	Hà Đình Soát Vũ Tiến Hiếu
		Cộng	**17**	**12**	**5**		
	Kỳ 4						
26	NNA 069	Nghe Tiếng Anh 4	2	1	1	Nghe 3	Tăng Thị Hồng Minh
27	NNA 075	Nói Tiếng Anh 4	2	1	1	Nói 3	Trần Thị Mai Hương Phạm Thị Huyền Trang
28	NNA 063	Đọc Tiếng Anh 4	2	1	1	Đọc 3	Ngô Thị Mỹ Bình Vũ Thị Lương
29	NNA 083	Viết Tiếng Anh 4	2	1	1	Viết 3	Trịnh Thị Chuyên
30	CTRI 003	LSĐCSVN	2	2	0	Triết học Mác - Lênin, Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Nguyễn Thị Hải Hà Đỗ Thị Thùy

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ			học phần tiên quyết	Phân công giảng viên giảng dạy
			Tổng	LT	TH		
31	TINCB 007	Tin học CB	3	2	1	Không	Hoàng Thị Ngọc Diệp, Hoàng Thị Ngát
32	TTRUNG 023	Tiếng Trung Quốc 2	3	3	0	Tiếng Trung Quốc 1	Bùi Thị Trang Phạm Thị Hồng Trang
33	KHXH 001	Dẫn luận ngôn ngữ	2	2	0	Không	Nguyễn Thị Sao
		Cộng	**18**	**13**	**5**		
	Kỳ 5						
34	NNA 070	Nghe Tiếng Anh 5	2	1	1	Nghe 4	Tăng Thị Hồng Minh
35	NNA 076	Nói Tiếng Anh 5	2	1	1	Nói 4	Trần Hoàng Yến Đặng Thị Minh Phương
36	NNA 064	Đọc Tiếng Anh 5	2	1	1	Đọc 4	Vũ Thị Lương Ngô Thị Mỹ Bình
37	NNA 084	Viết Tiếng Anh 5	2	1	1	Viết 4	Phạm Thị Thu Hà Trịnh Thị Chuyên
38	NNA 058	Biên dịch Tiếng Anh 1	3	1	2	Không	Trần Thị Mai Hương
39	NNA 078	Phiên dịch Tiếng Anh 1	3	1	2	Không	Trần Hoàng Yến
40	TTRUNG 024	Tiếng Trung Quốc 3	3	3	0	Tiếng Trung Quốc 2	Nguyễn Thị Xuyên Nguyễn Thị Lan
41	CNTT 011	Ứng dụng công nghệ số và AI	2	1	1	Tin học cơ bản	Phạm Văn Kiên
		Cộng	**19**	**10**	**9**		
	Kỳ 6						
42	NNA 071	Nghe Tiếng Anh 6	2	1	1	Nghe 5	Đặng Thị Thanh Nguyễn Thị Phượng
43	NNA 077	Nói Tiếng Anh 6	2	1	1	Nói 5	Tăng Thị Hồng Minh
44	NNA 065	Đọc Tiếng Anh 6	2	1	1	Đọc 5	Trần Hoàng Yến
45	NNA 085	Viết Tiếng Anh 6	2	1	1	Viết 5	Trần Thị Mai Hương Ngô Thị Mỹ Bình
46	NNA 059	Biên dịch Tiếng Anh 2	3	1	2	Biên dịch 1	Vũ Thị Lương
47	NNA 079	Phiên dịch Tiếng Anh 2	3	1	2	Phiên dịch 1	Trần Hoàng Yến
48	VNH 011	Cơ sở văn hoá Việt Nam	2	2	0	Không	Nguyễn Đăng Tiến Nguyễn Thị Sao
Tự chọn: Chọn 1/3 học phần sau:			*2*	*2*	*0*	*Không*	

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ			học phần tiên quyết	Phân công giảng viên giảng dạy
			Tổng	LT	TH		
50	KHXH002	*Khởi nghiệp kinh doanh*					Vũ Thị Hường
51	KHXH005	*Nghiệp vụ lễ tân ngoại giao*					Nguyễn Thị Sao Nguyễn Thị Hương Huyền
52	KHXH007	*Phương pháp nghiên cứu khoa học*					Nguyễn Đăng Tiến, Nguyễn Thị Mai
		Cộng	**18**	**10**	**8**		
	Kỳ 7						
Tự chọn: Chọn 1/3 học phần sau:			*2*	*2*	*0*	*Không*	
53	NNA 028	*Phân tích diễn ngôn*					Trịnh Thị Chuyên
54	NNA 022	*Ngôn ngữ học đối chiếu Việt Anh*					Vũ Thị Lương
55	NNA 016	*Kĩ năng thuyết trình tiếng Anh*					Trần Thị Mai Hương
56		*Phương pháp giảng dạy tiếng Anh*					Vũ Thị Lương
57	NNA 003	Ngữ âm học	2	2	0	Không	Phạm Thị Hyền Trang Đặng Thị Thanh
58	NNA 006	Từ vựng học	2	2	0	Không	Trịnh Thị Chuyên
59	NNA 313	Ngữ pháp Tiếng Anh	3	3	0	Không	Tăng Thị Hồng Minh
60	NNA 004	Ngữ nghĩa học	2	2	0	Không	Vũ Thị Lương
61	NNA 586	Giao tiếp liên văn hoá	2	2	0	Không	Vũ Thị Lương Phạm Thị Thu Hà
62	NNA 402	Thực tập biên, phiên dịch Tiếng Anh	3	0	3	Không	Đặng Thị Thanh
		Cộng	**16**	**13**	**3**		
	Kỳ 8						
63	NNA 403	Thực tập TN	7	0	7	Không	Tăng Thị Hồng Minh Trịnh Thị Chuyên Vũ Thị Lương Trần Hoàng Yến
64	NNA 401	Khóa luận TN	10	0	10	Không	Tăng Thị Hồng Minh Trịnh Thị Chuyên Vũ Thị Lương Trần Hoàng Yến
65	NNA 050	Thực hành biên dịch doanh nghiệp tiếng Anh	5	0	5	Không	Đặng Thị Thanh Nguyễn Thị Phượng

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ			học phần tiên quyết	Phân công giảng viên giảng dạy
			Tổng	LT	TH		
66	NNA 051	Thực hành phiên dịch doanh nghiệp tiếng Anh	5	0	5	Không	Trần Hoàng Yến Đặng Thị Minh Phương
	Cộng		**17**	**0**	**17**		
	Tổng		**141**	**75**	**66**		

3.5. Hướng dẫn thực hiện chương trình đào tạo

- Hướng dẫn lập kế hoạch học tập và đăng ký học phần

Công tác lập kế hoạch đào tạo được thực hiện một cách khoa học, dựa trên cấu trúc các học phần trong chương trình đào tạo từ xa trình độ đại học ngành Ngôn ngữ Anh. Nhà trường tiến hành xây dựng lộ trình đào tạo toàn khóa, kế hoạch chi tiết cho từng năm học và triển khai tiến độ thực hiện cụ thể theo từng tuần, từng tháng. Quy trình này nhằm đảm bảo tính thống nhất về mục tiêu và nội dung giáo dục theo quy định hiện hành của giáo dục đại học.

Vào đầu khóa học, sinh viên sẽ được Phòng Đào tạo và Tuyển sinh cung cấp kế hoạch đào tạo tổng thể toàn khóa. Tài liệu này đóng vai trò là kim chỉ nam, liệt kê chi tiết các học phần bắt buộc và tự chọn phân bổ theo từng học kỳ. Một năm học được chia làm hai học kỳ chính. Trước mỗi kỳ học, sinh viên sẽ nhận được sự hỗ trợ, tư vấn chuyên sâu từ đội ngũ cố vấn học tập, Ban lãnh đạo Bộ môn và Khoa quản lý ngành để định hướng lộ trình học tập phù hợp với năng lực và điều kiện cá nhân.

Dựa trên kế hoạch đào tạo và sự tư vấn của khoa chuyên môn, sinh viên thực hiện đăng ký các học phần thông qua hệ thống quản lý đào tạo trực tuyến của Nhà trường. Trước khi học kỳ mới bắt đầu, Nhà trường cùng giáo viên chủ nhiệm và cố vấn học tập sẽ thông báo công khai danh mục các học phần dự kiến tổ chức kèm theo thời khóa biểu tương ứng. Sinh viên có trách nhiệm hoàn tất thủ tục đăng ký học phần trên hệ thống theo đúng thời hạn quy định, đảm bảo các học phần đăng ký phải tuân thủ đúng lộ trình và kế hoạch đào tạo đã ban hành.

- Hướng dẫn tổ chức thi kết thúc và tích lũy điểm học phần

Công tác tổ chức thi và đánh giá kết quả học tập đối với hình thức đào tạo từ xa ngành Ngôn ngữ Anh được thực hiện nghiêm ngặt theo các quy định hiện hành của Trường Đại học Sao Đỏ, đảm bảo tính công bằng và chất lượng tương đương với hình thức đào tạo chính quy.

Việc đánh giá kết quả học tập của sinh viên bao gồm các điểm thành phần và điểm thi kết thúc học phần. Trong đó, điểm chuyên cần được giảng viên đánh giá dựa trên mức độ tương tác, tham gia thảo luận trực tuyến của sinh viên trên hệ thống học tập và kết quả các bài kiểm tra định kỳ sau khi kết thúc các chương/bài.

Đối với kỳ thi kết thúc học phần, Nhà trường tổ chức thi tập trung tại cơ sở chính hoặc tại các trạm đào tạo từ xa liên kết dưới sự giám sát trực tiếp của cán bộ coi thi.

Đặc biệt, để đảm bảo chất lượng đầu ra, đề thi được trích xuất từ ngân hàng đề thi chung của Nhà trường, áp dụng đồng bộ với hệ đào tạo chính quy. Mọi quy trình từ tổ chức thi, cách thức tính điểm đến xếp hạng tốt nghiệp đều tuân thủ nghiêm ngặt các quy chế đào tạo hiện hành của Trường Đại học Sao Đỏ.

Điểm tổng kết học phần được xác định bằng tổng điểm của các thành phần đánh giá nhân với trọng số tương ứng đã quy định trong đề cương chi tiết. Điểm học phần được tính theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân và được giảng viên cập nhật trực tiếp vào phần mềm quản lý đào tạo. Sau đó, hệ thống sẽ tự động quy đổi từ thang điểm 10 sang thang điểm chữ và thang điểm 4 để phục vụ việc xét học vụ và xếp loại tốt nghiệp. Chi tiết cách quy đổi điểm được thực hiện theo bảng thống kê dưới đây *(Bảng 3)*:

Bảng 3. Cách quy đổi điểm học phần

Điểm số theo thang điểm 10	**Điểm chữ**	**Điểm số theo thang điểm 4**
9,0 - 10,0	A+	4,0
8,5 - 8,9	A	3,7
8,0 - 8,4	B+	3,5
7,0 - 7,9	B	3,0
6,5 - 6,9	C+	2,5
5,5 - 6,4	C	2,0
5,0 - 5,4	D+	1,5
4,0 - 4,9	D	1,0
nhỏ hơn 4,0	F	0,0

- *Hướng dẫn xét công nhận tốt nghiệp:*

+ Sinh viên phải học hết chương trình đào tạo từ xa trình độ đại học ngành Ngôn ngữ Anh, phải tích lũy đủ số tín chỉ theo quy định trong CTĐT đại học.

+ Hiệu trưởng căn cứ vào kết quả tích lũy của sinh viên để quyết định cho sinh viên làm khóa luận tốt nghiệp hoặc học một số học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp và tổ chức xét công nhận tốt nghiệp.

- *Hình thức đào tạo và cấp bằng:*

CTĐT từ xa được thực hiện thông qua phương thức đào tạo mạng máy tính và viễn thông. Chương trình đào tạo được xây dựng trên cơ sở chương trình đào tạo đang áp dụng cho hình thức đào tạo chính quy của Trường Đại học Sao Đỏ đã được phê duyệt.

Chương trình được thiết kế linh hoạt, mềm dẻo để người học có thể chủ động trong việc lựa chọn các module học các học phần. Các chương trình đào tạo được quản lý theo quy trình chuẩn, có kiểm định chất lượng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và được thiết kế theo học phần/tín chỉ để đảm bảo tính liên thông.

Khi tốt nghiệp chương trình này, sinh viên sẽ được cấp bằng đại học chính quy. Trong Bằng hoặc/và Bảng điểm có thể ghi tên ngành, chuyên ngành đào tạo.

3.6. Kế hoạch tuyển sinh, đào tạo và bảo đảm chất lượng đào tạo

** Kế hoạch tuyển sinh, đào tạo*

Căn cứ theo Quy chế tuyển sinh của BGDĐT và đề án tuyển sinh hằng năm của Trường Đại học Sao Đỏ.

Thông tin tuyển sinh của ngành:

- Tên ngành đào tạo: Ngôn ngữ Anh
- Mã ngành: 7220201
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Phương thức tổ chức đào tạo: Từ xa
- Mã trường tuyển sinh: SDU
- Phương thức tuyển sinh:

* Đối với thí sinh tốt nghiệp THPT và tương đương

+ Xét tuyển thẳng theo quy chế tuyển sinh hiện hành.

+ Xét tuyển dựa vào kết quả thi tốt nghiệp THPT hằng năm. Các tổ hợp môn xét tuyển sinh:

D01: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh

C04: Ngữ văn, Toán, Địa lí

D04: Ngữ văn, Toán, Tiếng Trung

C14: Ngữ văn, Toán, GDCD

D15: Ngữ văn, Địa lí, Tiếng Anh

X01: Ngữ văn, Toán, GDKT&PL

D66: Ngữ văn, GDCD, Tiếng Anh

X74: Ngữ văn, Địa lí, GDKT&PL

D71: Ngữ văn, GDCD, Tiếng Trung

X78: Ngữ văn, GDKT&PL, Tiếng Anh

C00: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí

X90: Ngữ văn, GDKT&PL, Tiếng Trung

C03: Ngữ văn, Toán, Lịch sử

+ Xét tuyển dựa vào kết quả học tập bậc THPT.

+ Xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi Đánh giá năng lực do Đại học Quốc gia Hà Nội tổ chức; Kỳ thi Đánh giá tư duy do Đại học Bách khoa Hà Nội tổ chức.

+ Xét tuyển kết hợp: giữa kết quả thi THPT và kết quả học tập bậc THPT

* Đối với thí sinh đã tốt nghiệp trung cấp; cao đẳng; đại học hoặc tương đương: Xét điểm trung bình tích lũy toàn khóa học trình độ cao đẳng hoặc trình độ đại học.

- Hình thức tuyển sinh: xét tuyển

- Thời gian tuyển sinh: tuyển sinh liên tục trong năm, khai giảng mỗi năm từ 8-10 đợt, tùy thuộc vào số lượng đăng ký và nhu cầu của các đối tác.

- Chỉ tiêu tuyển sinh: được xác định cụ thể trong đề án tuyển sinh hàng năm của Trường ĐHSĐ.

- Đối tượng tuyển sinh: Người đã tốt nghiệp trung học phổ thông; người đã tốt nghiệp trình độ trung cấp và đã học và thi đạt yêu cầu đủ khối lượng kiến thức văn hóa trung học phổ thông theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; người đã tốt nghiệp trình độ cao đẳng; Người tốt nghiệp trình độ đại học.

- Tổng khối lượng kiến thức toàn khóa: 130 tín chỉ (không bao gồm học phần Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng và an ninh).

- Thời gian đào tạo: 4,0 năm (đối với người học tốt nghiệp THPT); 2,0-3,0 năm (đối với người học tốt nghiệp đại học, cao đẳng, trung cấp)

** Kế hoạch đảm bảo chất lượng đào tạo*

Trường ĐHSĐ cam kết đảm bảo chất lượng thông qua thường xuyên đổi mới và hội nhập trong đào tạo; sáng tạo và năng động trong nghiên cứu và chuyển giao công nghệ; gắn lý thuyết với thực hành để trang bị đầy đủ kiến thức và kỹ năng cho người học khi ra trường đạt hiệu quả cao trong công việc, có năng lực lãnh đạo và thích ứng với thay đổi. Trường ĐHSĐ cam kết xây dựng hệ thống quản trị hiệu quả, chuyên nghiệp, trách nhiệm, sáng tạo và luôn đổi mới. Hoạt động quản lý của Trường sẽ được quy trình hóa, tin học hóa, áp dụng các phương thức quản trị cập nhật và được giám sát, đánh giá thường xuyên.

Nhà trường có bộ phận đảm bảo chất lượng chuyên trách, hằng năm: Xây dựng, triển khai kế hoạch hoạt động đảm bảo chất lượng theo bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng; tổ chức khảo sát, lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan; phối hợp với các đơn vị công khai các điều kiện bảo đảm chất lượng, kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng trên website và hệ thống cơ sở dữ liệu giáo dục đại học của BGDĐT.

Nhà trường có bộ phận đảm bảo chất lượng chuyên trách, hằng năm: Xây dựng, triển khai kế hoạch hoạt động đảm bảo chất lượng theo bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng; tổ chức khảo sát, lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan; phối hợp với các đơn vị công khai các điều kiện bảo đảm chất lượng, kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng trên website và hệ thống cơ sở dữ liệu giáo dục đại học của BGDĐT. Năm 2017 Nhà trường đã hoàn thành công tác tự đánh giá và được trung tâm Kiểm định CLGD thuộc hiệp hội các trường ĐH, cao đẳng Việt Nam đánh giá ngoài và cấp giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng cơ sở giáo dục. Năm 2023 Nhà trường đã thực hiện kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục (chu kỳ 2) theo bộ tiêu chuẩn của BGDĐT. Từ năm 2022 Nhà trường đã thực hiện kiểm định chất lượng CTĐT, đến nay, Nhà trường có 09 CTĐT trình độ đại học được trung tâm KĐCLGD thuộc hiệp

hội các trường ĐH, cao đẳng Việt Nam cấp giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục do Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành gồm: Công nghệ kỹ thuật cơ khí; Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử; CNKT ô tô; Công nghệ thông tin; Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa; Quản trị kinh doanh; Kế toán; Công nghệ dệt, May và Ngôn ngữ Trung Quốc.

Nhà trường thực hiện việc lấy ý kiến phản hồi của người học một cách định kỳ nhằm đánh giá các điều kiện bảo đảm chất lượng đào tạo và hiệu quả học tập đối với từng lớp học phần. Hoạt động khảo sát được triển khai thông qua Hệ thống khảo sát chính thức của Nhà trường, tạo điều kiện thuận lợi để người học tham gia đóng góp ý kiến một cách khách quan, minh bạch và hiệu quả. Kết quả thu thập được là căn cứ quan trọng để Nhà trường kịp thời điều chỉnh, nâng cao chất lượng giảng dạy và cải thiện các điều kiện hỗ trợ học tập trong chương trình đào tạo từ xa ngành Ngôn ngữ Anh.

Việc lấy ý kiến phản hồi của người học được thực hiện vào các thời điểm sau khi kết thúc từng học phần và sau khi hoàn thành khóa học nhằm bảo đảm đánh giá đầy đủ, toàn diện về quá trình đào tạo. Kết quả khảo sát, bao gồm cả nội dung phản hồi và mức độ đánh giá của người học, được tổng hợp và thông báo đến các đơn vị chức năng, trưởng khoa, trưởng bộ môn và giảng viên có liên quan, làm cơ sở cho việc điều chỉnh, cải tiến và nâng cao chất lượng đào tạo.

Mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra của CTĐT từ xa ngành Ngôn ngữ Anh trình độ đại học tại Trường Đại học Sao Đỏ được xây dựng hoàn toàn tương đồng với chương trình đào tạo chính quy cùng ngành, bảo đảm tính thống nhất về chất lượng và yêu cầu năng lực đối với người học. Tuy nhiên, trong chương trình đào tạo từ xa, đề cương chi tiết các học phần được điều chỉnh phù hợp với đặc thù của hình thức đào tạo này, đặc biệt về phương pháp dạy - học, thời lượng tổ chức giảng dạy, hệ thống học liệu và phương thức đánh giá kết quả học tập. Trong đó, hoạt động dạy và học chủ yếu được triển khai thông qua nền tảng mạng máy tính và viễn thông, nhằm tạo điều kiện linh hoạt, thuận tiện cho người học nhưng vẫn bảo đảm đạt được các mục tiêu và chuẩn đầu ra đã đề ra.

Các điều kiện bảo đảm giảng dạy của chương trình đào tạo từ xa được chú trọng đầu tư, trong đó đội ngũ giảng viên có trình độ chuyên môn cao, giàu kinh nghiệm và nền tảng công nghệ hỗ trợ đào tạo được xây dựng đồng bộ, hiện đại. Nhờ đó, chất lượng đào tạo của chương trình đào tạo từ xa ngành Ngôn ngữ Anh được bảo đảm và đáp ứng tốt nhu cầu của xã hội.

Bộ học liệu của chương trình đào tạo từ xa bao gồm giáo trình, tài liệu học tập, đề cương chi tiết học phần, slide bài giảng, video bài giảng và bộ câu hỏi kết thúc học phần; tất cả đều được số hóa dưới các định dạng phù hợp như PDF, video… và được hội đồng thẩm định thông qua trước khi đưa vào sử dụng. Các học phần do giảng viên Trường Đại học Sao Đỏ trực tiếp giảng dạy, bảo đảm chất lượng và tính thống nhất trong đào tạo.

Nội dung và hình thức thi kết thúc học phần của chương trình đào tạo từ xa được thực hiện giống như chương trình đào tạo chính quy.

4. ĐIỀU KIỆN ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN, CÁN BỘ KHOA HỌC THAM GIA THỰC HIỆN CTĐT TỪ XA TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NGÀNH NGÔN NGỮ ANH.

4.1. Đội ngũ giảng viên, cán bộ khoa học tham gia thực hiện CTĐT

Nhà trường có đội ngũ giảng viên, cán bộ khoa học đủ về số lượng, đảm bảo về chất lượng để tổ chức thực hiện CTĐT từ xa ngành Ngôn ngữ Anh trình độ đại học, đáp ứng yêu cầu đội ngũ giảng viên theo quy định về chuẩn CTĐT ngành Ngôn ngữ Anh trình độ đại học.

Đội ngũ giảng viên tham gia thực hiện CTĐT ngành Ngôn ngữ Anh có 33 giảng viên trong đó có 7 tiến sĩ (01 tiến sĩ ngành phù hợp), 26 thạc sĩ *(Bảng 4)*. Đội ngũ giảng viên tham gia thực hiện CTĐT từ xa ngành Ngôn ngữ Anh, trình độ đại học là những người có trình độ chuyên môn cao, có thâm niên giảng dạy và tâm huyết với sự nghiệp giáo dục và đào tạo, đồng thời đảm bảo các yêu cầu về điều kiện mở đào tạo từ xa trình độ đại học của BGDĐT theo quy định tại Khoản 2, Điều 10 Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 và Điều 3, Điều 4 Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022, Thông tư số 12/2024/TT-BGDĐT ngày 10/10/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT, cụ thể như sau:

- Có 01 tiến sĩ ngành phù hợp là giảng viên cơ hữu chịu trách nhiệm chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện CTĐT: TS. Phạm Thị Thu Hà, ngành đào tạo Ngôn ngữ Anh trường Đại học Mở Hà Nội; kinh nghiệm giảng dạy hơn 16 năm tại các Trường đại học.

- Có 07 tiến sĩ là giảng viên cơ hữu có ngành và chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy chương trình, trong đó mỗi thành phần của chương trình đều có giảng viên với chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy, cụ thể:

+ Chủ trì giảng dạy Khối kiến thức giáo dục đại cương: TS. Phạm Xuân Đức - chuyên ngành Triết học; TS. Phùng Thị Lý - Chuyên ngành Chủ nghĩa xã hội khoa học; TS. Vũ Văn Đông - chuyên ngành Kinh tế chính trị; TS. Phạm Thị Hồng Hoa, chuyên ngành đào tạo Kinh tế Quốc tế; TS. Nguyễn Đăng Tiến - Chuyên ngành Địa lí tài nguyên và môi trường; TS. Phạm Thị Hồng Trang - Chuyên ngành ngôn ngữ học và ngôn ngữ ứng dụng.

+ Chủ trì giảng dạy Khối kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành: TS. Phạm Thị Thu Hà - chuyên ngành đào tạo Ngôn ngữ Anh.

Có 33 giảng viên cơ hữu thực hiện CTĐT từ xa ngành Ngôn ngữ Anh *(Bảng 4, Bảng 5)*. Số lượng đội ngũ giảng viên cơ hữu hiện tại của Trường đảm nhận được 100% khối lượng CTĐT từ xa ngành Ngôn ngữ Anh. Nhà trường thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp, chính sách để thu hút, tuyển dụng, bổ nhiệm, phát triển đội ngũ giảng viên như: Xây dựng cơ chế, chính sách đãi ngộ về điều kiện làm việc, học tập nâng cao trình độ, thu nhập để thu hút nhân lực chất lượng cao, đặc biệt là đội ngũ giảng viên có trình độ tiến sĩ và đang làm nghiên cứu sinh.

Bảng 4. Danh sách giảng viên, nhà khoa học tham gia giảng dạy các học phần trong CTĐT từ xa ngành NNA

STT	**Họ và tên, ngày sinh**	**Số CMND, CCCD hoặc Hộ chiếu; Quốc tịch**	**Chức danh khoa học, năm phong**	**Trình độ, nước, năm tốt nghiệp**	**Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp**	**Tuyển dụng/hợp đồng từ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian, hợp đồng thỉnh giảng, ngày ký; thời gian; gồm cả dự kiến**		**Mã số bảo hiểm**	**Kinh nghiệm** (thời gian) giảng dạy theo trình độ (năm)	**Số công trình khoa học đã công bố: cấp**	
						Tuyển dụng	**Hợp đồng**			**Bộ**	**Cơ sở**
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*
1	Phạm Xuân Đức; 10/02/1980	030080006874, Việt Nam		Tiến sĩ, Việt Nam, 2023	Triết học	12/4/2004		8604006557	19	0	4
2	Trần Thị Hồng Nhung, 21/06/1979	008179000195, Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2013	Triết học	31/6/2007		1404000694	16	0	2
3	Phạm Thị Hồng Hoa, 23/05/1977	038177001190, Việt Nam		Tiến sĩ, Việt Nam, 2018	Kinh tế quốc tế	22/02/2002		8603000550	21	0	4
4	Vũ Văn Đông	033082002650		Tiến sĩ, Việt Nam, 2021	Kinh tế chính trị	31/10/2008		3009000027	17	0	0
5	Nguyễn Mạnh Tưởng, 12/11/1977	030077022061, Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2007	Quản trị kinh doanh	01/10/2001		8602000416	22	0	4
6	Phùng Thị Lý, 08/10/1982	030182001953, Việt Nam		Tiến sĩ, Việt Nam, 2020	Chủ nghĩa xã hội khoa học	15/5/2007		8607011062	16	0	4
7	Nguyễn Thị Hải Hà, 07/11/1977	030177001003, Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2013	Lịch sử	06/11/2006		8601001179	17	0	3
8	Đỗ Thị Thùy, 13/6/1985	027185000717, Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2014	Triết học	05/10/2009		3009030031	14	0	5
9	Phạm Thị Mai, 20/02/1982	034182025661, Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2015	Luật học	06/7/2006		8607002523	17	0	4
10	Hà Đình Soát, 17/5/1981	034081003889, Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2015	Khoa học giáo dục	18/10/2004		8605004057	19	0	3

STT	Họ và tên, ngày sinh	Số CMND, CCCD hoặc Hộ chiếu; Quốc tịch	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Tuyển dụng/hợp đồng từ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian, hợp đồng thỉnh giảng, ngày ký; thời gian; gồm cả dự kiến		Mã số bảo hiểm	Kinh nghiệm (thời gian) giảng dạy theo trình độ (năm)	Số công trình khoa học đã công bố: cấp	
						Tuyển dụng	Hợp đồng			Bộ	Cơ sở
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*
11	Phạm Anh Dũng, 04/06/1981	033081004401, Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2018	Giáo dục học thể dục thể thao	01/10/2002		8603000563	21	0	2
12	Vũ Tiến Hiếu, 19/11/1986	030086002232, Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2015	Khoa học giáo dục	31/10/2008		3009000024	15	0	3
13	Hoàng Thị Ngát, 13/6/1985	030185010323, Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2014	Khoa học máy tính	21/5/2008		3008013544	15	0	4
14	Vũ Bảo Tạo, 17/3/1979	030079002276, Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2013	Công nghệ thông tin	01/4/2003		8603004150	20	0	5
15	Phạm Văn Kiên, 21/11/1979	030079001643, Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2007	Giáo dục nghề nghiệp	01/6/2005		8604006563	18	2	15
16	Phạm Thị Thu Hà 19/9/1984	037184003906		Tiến sĩ, Việt Nam, 2025	Ngôn ngữ Anh	01/4/2025		0112238204	16	0	0
17	Nguyễn Thị Sao, 26/01/1983	030183009751, Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2012	Du lịch học	27/9/2006		8607002549	17	0	3
18	Nguyễn Thị Hương Huyền, 20/10/1982	034182002363, Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2011	Văn hóa học	21/8/2006		8607002530	17	0	5
19	Nguyễn Đăng Tiến, 16/02/1980	030080000438, Việt Nam		Tiến sĩ, Việt Nam, 2016	Địa lý tài nguyên và môi trường	21/8/2006		8607002528	17	0	2
20	Trịnh Thị Chuyên, 05/6/1981	024181012807, Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2010	Lý luận và phương pháp giảng dạy	11/8/2003		8604001210	20	0	0

STT	Họ và tên, ngày sinh	Số CMND, CCCD hoặc Hộ chiếu; Quốc tịch	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Tuyển dụng/hợp đồng từ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian, hợp đồng thỉnh giảng, ngày ký; thời gian; gồm cả dự kiến		Mã số bảo hiểm	Kinh nghiệm (thời gian) giảng dạy theo trình độ (năm)	Số công trình khoa học đã công bố: cấp	
						Tuyển dụng	Hợp đồng			Bộ	Cơ sở
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*
					tiếng Anh						
21	Trần Thị Mai Hương, 04/02/1985	022185002624, Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2017	Ngôn ngữ Anh	26/6/2009		3009029647	14	0	2
22	Vũ Thị Lương, 02/01/1978	030178010123, Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2012	Lý luận và phương pháp giảng dạy tiếng Anh	16/8/2001		8602000412	22	0	0
23	Trần Hoàng Yến, 01/02/1982	030182012548, Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2012	Lý luận và phương pháp giảng dạy tiếng Anh	10/4/2007		8607011060	16	0	1
24	Tăng Thị Hồng Minh, 15/10/1985	031185009958, Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2014	Lý luận và phương pháp giảng dạy tiếng Anh	08/10/2010		3109000093	13	0	2
25	Đặng Thị Thanh 25/06/1979	030179017761, Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2012	Lý luận và phương pháp giảng dạy tiếng Anh	01/08/2005		4310105043675	21	0	1
26	Nguyễn Thị Phượng 30/10/1982	030182005590, Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2017	Lý luận và phương pháp giảng dạy tiếng Anh	10/9/2009		3008021011	22	0	0
27	Ngô Thị Mỹ Bình 08/08/1984	030184007626 Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2010	Lý luận và phương pháp giảng dạy tiếng Anh	15/8/2007		8607020901	20	0	1

STT	Họ và tên, ngày sinh	Số CMND, CCCD hoặc Hộ chiếu; Quốc tịch	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Tuyển dụng/hợp đồng từ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian, hợp đồng thỉnh giảng, ngày ký; thời gian; gồm cả dự kiến		Mã số bảo hiểm	Kinh nghiệm (thời gian) giảng dạy theo trình độ (năm)	Số công trình khoa học đã công bố: cấp	
						Tuyển dụng	Hợp đồng			Bộ	Cơ sở
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*
28	Phạm Thị Huyền Trang 13/3/1988	030188011647, Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2014	Lý luận và phương pháp giảng dạy tiếng Anh	05/11/2010		3010017788	16	0	2
29	Phạm Thị Hồng Trang, 16/8/1990	015190005580, Việt Nam		Tiến sĩ, Trung Quốc, 2022	Ngôn ngữ học và ngôn ngữ học ứng dụng	17/6/2020		1520702759	3	0	0
30	Đặng Thị Minh Phương	030179006702, Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2010	Lý luận và phương pháp giảng dạy tiếng Anh	4/2003		8603004152	21	0	1
31	Bùi Thị Trang, 17/5/1987	030187020642, Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2014	Lý luận và phương pháp giảng dạy tiếng Trung Quốc	01/12/2010		3011020981	13	0	3
32	Nguyễn Thị Lan, 07/8/1980	030180014220, Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2013	Lý luận và phương pháp giảng dạy tiếng Trung Quốc	27/9/2006		8607002548	17	0	8
33	Vũ Thị Hường 21/07/1984	030184009039		Thạc sĩ, Việt Nam, 2009	Quản trị kinh doanh	29/10/2006		8607002553	19	0	8

Bảng 5. Danh sách giảng viên, nhà khoa học tham gia giảng dạy các học phần, môn học trong CTĐT từ xa của ngành NNA

STT	Họ và tên	Học phần/môn học giảng dạy	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình/chuyên môn phù chủ trì giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
				Bắt buộc		Tự chọn		
				Học trực tiếp	Học trực tuyến	Học trực tiếp	Học trực tuyến	
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*
1	Phạm Xuân Đức	Triết học Mác-Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Kỹ năng mềm	Kỳ 1, Kỳ 2, Kỳ 3		x			
2	Trần Thị Hồng Nhung	Triết học Mác-Lênin	Kỳ 1		x			
3	Phạm Thị Hồng Hoa	Kinh tế chính trị Mác-Lênin, Kỹ năng mềm	Kỳ 2		x			
4	Nguyễn Mạnh Tưởng	Kinh tế chính trị Mác-Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh,	Kỳ 2, Kỳ 3		x			
5	Phùng Thị Lý	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Kỳ 3		x			
6	Vũ Văn Đông	Kinh tế chính trị	Kỳ 2		x			
7	Nguyễn Thị Hải Hà	Lịch sử ĐCSVN, Pháp luật đại cương	Kỳ 3, Kỳ 4		x			
8	Đỗ Thị Thùy	Pháp luật đại cương	Kỳ 3		x			
9	Phạm Thị Mai	Pháp luật đại cương	Kỳ 3		x			
10	Hà Đình Soát	Giáo dục QP - AN 1, Giáo dục QP - AN 2, Giáo dục thể chất 2, 3	Kỳ 1, Kỳ 2, Kỳ 3		x			
11	Phạm Anh Dũng	Giáo dục QP - AN 2	Kỳ 2		x			

STT	Họ và tên	Học phần/môn học giảng dạy	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình/chuyên môn phù chủ trì giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
				Bắt buộc		Tự chọn		
				Học trực tiếp	Học trực tuyến	Học trực tiếp	Học trực tuyến	
12	Vũ Tiến Hiếu	Giáo dục QP - AN 1, Giáo dục QP - AN 2, Giáo dục thể chất 2, 3	Kỳ 1, Kỳ 2, Kỳ 3		x			
13	Hoàng Thị Ngát	Tin học cơ bản	Kỳ 4		x			
14	Vũ Bảo Tạo	Tin học cơ bản	Kỳ 4		x			
15	Phạm Văn Kiên	Ứng dụng công nghệ số và AI	Kỳ 5		x			
16	Phạm Thị Thu Hà	Tiếng Anh tổng hợp, Nói Tiếng Anh 2, Biên dịch Tiếng Anh 1, Giao tiếp liên văn hoá, Đọc Tiếng Anh 1, Đọc Tiếng Anh 3, Viết Tiếng Anh 2, Nói Tiếng Anh 3	Kỳ 1, Kỳ 2, Kỳ 3, Kỳ 5, Kỳ 6		x			Giảng viên cơ hữu chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo.
17	Nguyễn Thị Sao	Dẫn luận ngôn ngữ, Cơ sở văn hóa Việt Nam.	Kỳ 6		x			
18	Nguyễn Thị Hương Huyền	Cơ sở văn hóa Việt Nam, Nghiệp vụ lễ tân ngoại giao	Kỳ 4, Kỳ 6		x			
19	Nguyễn Đăng Tiến	Phương pháp nghiên cứu khoa học.	Kỳ 6		x			
20	Trịnh Thị Chuyên	Viết Tiếng Anh 1, Viết Tiếng Anh 3, Viết Tiếng Anh 4, Viết Tiếng Anh 5, Từ vựng học	Kỳ 1, Kỳ 3, Kỳ 4, Kỳ 5		x			

STT	Họ và tên	Học phần/môn học giảng dạy	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình/chuyên môn phù chủ trì giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
				Bắt buộc		Tự chọn		
				Học trực tiếp	Học trực tuyến	Học trực tiếp	Học trực tuyến	
21	Trần Thị Mai Hương	Viết Tiếng Anh 2, Nghe Tiếng Anh 3, Nói Tiếng Anh 1, Nói Tiếng Anh 4, Biên dịch Tiếng Anh 1, Kỹ năng thuyết trình tiếng Anh, Tiếng Anh du lịch khách sạn, Viết Tiếng Anh 6	Kỳ 1, Kỳ 2, Kỳ 3, Kỳ 5, Kỳ 6, Kỳ 7		x			
22	Vũ Thị Lương	Đọc Tiếng Anh 1, Đọc Tiếng Anh 2, Đọc Tiếng Anh 4, Ngữ nghĩa học, Đọc Tiếng Anh 5, Biên dịch Tiếng Anh 2, Ngôn ngữ học đối chiếu, Phương pháp giảng dạy tiếng Anh	Kỳ 1, Kỳ 2, Kỳ 5, Kỳ 6, Kỳ 7		x			
23	Trần Hoàng Yến	Tiếng Anh tổng hợp, Nghe Tiếng Anh 2, Nói Tiếng Anh 3, Phiên dịch Tiếng Anh 1, Nói Tiếng Anh 5, Phiên dịch Tiếng Anh 2, Đọc Tiếng Anh 6	Kỳ 1, Kỳ 2, Kỳ 3, Kỳ 5, Kỳ 6, Kỳ 7		x			
24	Tăng Thị Hồng Minh	Nghe Tiếng Anh 1, Nghe Tiếng Anh 4, Ngữ pháp Tiếng Anh, Nghe Tiếng Anh 5, Nói Tiếng Anh 6	Kỳ 1, Kỳ 4, Kỳ 5, Kỳ 6, Kỳ 7		x			
25	Đặng Thị Thanh	Ngữ âm học, Đọc Tiếng Anh 3, Nghe Tiếng Anh 6	Kỳ 3, Kỳ 6, Kỳ 7		x			

STT	Họ và tên	Học phần/môn học giảng dạy	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình/chuyên môn phù chủ trì giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
				Bắt buộc		Tự chọn		
				Học trực tiếp	Học trực tuyến	Học trực tiếp	Học trực tuyến	
26	Ngô Thị Mỹ Bình	Đọc Tiếng Anh 4, Đọc Tiếng Anh 5, Viết Tiếng Anh 6, Thực hành biên dịch doanh nghiệp	Kỳ 4, Kỳ 5, Kỳ 6, Kỳ 7		x			
27	Phạm Thị Huyền Trang	Nói Tiếng Anh 2, Ngữ âm học, Nói Tiếng Anh 4	Kỳ 2, Kỳ 3, Kỳ 4		x			
28	Phạm Thị Hồng Trang	Tiếng Trung Quốc 1, Tiếng Trung Quốc 2	Kỳ 2, Kỳ 3		x			
29	Nguyễn Thị Phượng	Nghe Tiếng Anh 2, Viết Tiếng Anh 3, Nghe Tiếng Anh 6	Kỳ 2, Kỳ 3, Kỳ 6		x			
30	Đặng Thị Minh Phương	Nghe Tiếng Anh 3, Nói Tiếng Anh 4, Thực hành phiên dịch doanh nghiệp	Kỳ 3, Kỳ 4, Kỳ 7		x			
31	Bùi Thị Trang	Tiếng Trung Quốc 2, Tiếng Trung Quốc 3	Kỳ 3, Kỳ 4		x			
32	Nguyễn Thị Lan	Tiếng Trung Quốc 1, Tiếng Trung Quốc 3	Kỳ 3, Kỳ 5		x			
33	Vũ Thị Hường	Khởi nghiệp kinh doanh	Kỳ 6		x			

4.2. Các công trình khoa học của đội ngũ giảng viên, nhà khoa học

Nghiên cứu khoa học là một trong những nhiệm vụ chính của giảng viên, thể hiện trình độ và năng lực của đội ngũ. Trường Đại học Sao Đỏ luôn quan tâm và đẩy mạnh công tác nghiên cứu khoa học trong cán bộ, giảng viên và sinh viên. Số lượng đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ của Nhà trường ngày càng có chất lượng, hiệu quả. Số lượng đề tài được triển khai áp dụng vào thực tiễn nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ tăng lên theo hằng năm, trong đó có nhiều đề tài cấp Bộ, Tỉnh được nghiệm thu và chuyển giao công nghệ. Số lượng bài báo khoa học của cán bộ cơ hữu trong Nhà trường được đăng trên các tạp chí chuyên ngành trong 5 năm gần đây cũng tăng lên. Nhiều bài báo có chất lượng cao được đăng trên các tạp chí có chỉ số ISI, scopus, các tạp chí có uy tín trong nước, quốc tế.

Đối với đội ngũ cán bộ giảng viên thực hiện CTĐT từ xa ngành Ngôn ngữ Anh dự kiến, ngoài trình độ chuyên môn cao, có kinh nghiệm trong đào tạo còn có năng lực nghiên cứu khoa học, đã tham gia và chủ nhiệm nhiều đề tài các cấp, có nhiều bài báo khoa học đăng trên các tạp chí khoa học trong nước và quốc tế *(Bảng 6, Bảng 7).*

Bảng 6. Danh sách công trình nghiên cứu khoa học của giảng viên tham gia giảng dạy ngành NNA

STT	Số QĐ, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ/Đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Số QĐ, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài	Ghi chú
1	Số 312/QĐ-ĐHSĐ, 30/8/2019 01.KHCN/19-20	Cấp cơ sở	Nghiên cứu kỹ thuật thực tế tăng cường ứng dụng xây dựng phần mềm quảng bá hình ảnh trường Đại học Sao Đỏ	ThS. Hoàng Thị An	193/QĐ-ĐHSĐ, 03/06/2020	6/2020	Đạt	1. Nguyễn Thị Ánh Tuyết 2. Nguyễn Thị Bích Ngọc 3. Hoàng Thị Ngát	
2	Số 312/QĐ-ĐHSĐ, 30/8/2019 04.KHCN/19-20	Cấp cơ sở	Nghiên cứu, xây dựng ứng dụng phần mềm quản lý ký túc xá trường Đại học Sao Đỏ	ThS. Phạm Thị Hường	193/QĐ-ĐHSĐ, 03/06/2020	6/2020	Xuất sắc	1. Phạm Văn Kiên 2. Hoàng Thị Ngọc Diệp	
3	Số 312/QĐ-ĐHSĐ, 30/8/2019 07.KHCN/19-20	Cấp cơ sở	Nghiên cứu ảnh hưởng của từ Hán Việt đến việc học từ vựng của sinh viên ngành Ngôn ngữ Trung Quốc Trường Đại học Sao Đỏ	ThS. Nguyễn Thị Hoa	193/QĐ-ĐHSĐ, 03/06/2020	6/2020	Đạt	1. Bùi Thị Trang 2. Nguyễn Thị Xuyên	
4	312/QĐ-ĐHSĐ, 30/8/2019 15.KHCN/19-20	Cấp cơ sở	Nghiên cứu đổi mới nội dung và phương pháp dạy học phần Triết học Mác - Lênin cho sinh viên ĐHSĐ	ThS. Phạm Xuân Đức	193/QĐ-ĐHSĐ, 03/06/2020	04/7/2020	Đạt	1. Nguyễn Mạnh Tưởng 2. Trần Thị Hồng Nhung 3. Nguyễn Thị Hiền	
5	312/QĐ-ĐHSĐ, 30/8/2019 16.KHCN/19-20	Cấp cơ sở	Nghiên cứu các yếu tố tác động của hoạt động thể dục thể thao đối với sức khỏe cán bộ, giảng viên và sinh viên trường ĐHSĐ	ThS. Hà Đình Soát	193/QĐ-ĐHSĐ, 03/06/2020	15/7/2020	Đạt	1. Vũ Tiến Hiếu 2. Nguyễn Đức Thuấn 3. Quán Thanh Tùng 4. Phạm Anh Dũng	
6	Số 483/QĐ-	Cấp	Văn hóa sử dụng mạng xã hội của	ThS.	199/QĐ-			1. Nguyễn Thị Hiền	

STT	Số QĐ, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ/Đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Số QĐ, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài	Ghi chú
	ĐHSĐ, 28/10/2020 10.KHCN/20-21	cơ sở	sinh viên trường ĐHSĐ	Nguyễn Mạnh Tưởng	ĐHSĐ, 02/6/2021	24/9/2021	Đạt	2. Phạm Thị Mai	
7	Số 483/QĐ-ĐHSĐ, 28/10/2020 11.KHCN/20-21	Cấp cơ sở	Nghiên cứu và áp dụng hoạt động ngoại khóa vào việc giảng dạy các học phần lý luận chính trị tại trường ĐHSĐ	TS. Phạm Thị Hồng Hoa	307/QĐ-ĐHSĐ, 16/8/2021	24/9/2021	Đạt	1. Nguyễn Thị Tình 2. Đỗ Thị Thùy 3. Đặng Thị Dung	
8	Số 483/QĐ-ĐHSĐ, 28/10/2020 17.KHCN/20-21	Cấp cơ sở	Nghiên cứu, xây dựng phần mềm quản lý thiết bị, công cụ, dụng cụ Trường Đại học Sao Đỏ	Phạm Thị Hường	199/QĐ-ĐHSĐ, 02/6/2021	02/6/2021	Xuất sắc	1. Phạm Văn Kiên 2. Vũ Bảo Tạo	
9	Số 483/QĐ-ĐHSĐ, 28/10/2020 18.KHCN/20-21	Cấp cơ sở	Nghiên cứu, xây dựng phần mềm tạo trợ lý ảo Trường Đại học Sao Đỏ	Phạm Thị Hường	199/QĐ-ĐHSĐ, 02/6/2021	02/6/2021	Đạt	1. Hoàng Thị Ngát 2. Nguyễn Phúc Hậu	
10	Tỉnh QĐ số 128, 08/8/2022	Cấp tỉnh	Xây dựng, áp dụng bộ chỉ số KPI trong giao và đánh giá hiệu quả công việc tại các trường cao đẳng, đại học trên địa bàn tỉnh Hải Dương	TS. Nguyễn Thị Kim Nguyên	Số10/2021/TLHĐ	08/08/2022	Khá	1. Nguyễn Thị Nhan 2. Phùng Thị Lý 3. Phạm Văn Dự 4. Nguyễn Thị Thanh Bình 5. Nguyễn Viết Tuân 6. Lê Thị Mai 7. Nguyễn Thị Thanh Nhài 8. Nguyễn Thanh Bình	

STT	Số QĐ, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ/Đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Số QĐ, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài	Ghi chú
								9. Tạ Thị Thúy Ngân	
11	Số 483/QĐ-ĐHSĐ, 28/10/2020 21.KHCN/20-21	Cấp cơ sở	Giải pháp nâng cao khả năng nói tiếng Anh của sinh viên không chuyên trường ĐHSĐ	ThS. Đặng Thị Minh Phương	199/QĐ-ĐHSĐ, 02/6/2021	02/6/2021	Đạt	1. Trần Hoàng Yến 2. Tăng Thị Hồng Minh	
12	Số 483/QĐ-ĐHSĐ, 28/10/2020 22.KHCN/20-21	Cấp cơ sở	Giải pháp nâng cao hiệu qyar hoạt động trải nghiệm cho sinh viên ngành Việt Nam học, trường ĐHSĐ	ThS. Nguyễn Thị Hương Huyền	481/QĐ-ĐHSĐ, 6/12/2021	12/12/2021	Đạt	Nguyễn Thị Sao	
13	Số 434/QĐ-ĐHSĐ, 28/10/2021 25.KHCN/21-22	Cấp cơ sở	Đa dạng hóa phương pháp giảng dạy học phần Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam tại trường ĐHSĐ	TS. Phạm Thị Hồng Hoa	232/QĐ-ĐHSĐ, 31/5/2022	6/2022	Đạt	1. Nguyễn Thị Tình 2. Đặng Thị Dung 3. Đỗ Thị Thùy	
14	Số 434/QĐ-ĐHSĐ, 28/10/2021 26.KHCN/21-22	Cấp cơ sở	Xây dựng mô hình liên kết các hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng cho sinh viên trường ĐHSĐ	ThS. Nguyễn Thị Hải Hà	327/QĐ-ĐHSĐ, 30/6/2022	07/7/2022	Đạt	1. Phạm Xuân Đức 2. Nguyễn Thị Hiền 3. Phạm Thị Mai 4. Lê Thị Huyền	
14	Số 434/QĐ-ĐHSĐ, 28/10/2021 27.KHCN/21-22	Cấp cơ sở	Nghiên cứu xây dựng giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động Thể dục thể thao của viên chức và sinh viên Trường ĐHSĐ	ThS. Nguyễn Đức Thuấn	327/QĐ-ĐHSĐ, 30/6/2022	07/7/2022	Đạt	1. Nguyễn Mạnh Tưởng 2. Hà Đình Soát 3. Vũ Tiến Hiếu 4. Quán Thanh Tùng	
16	Số 434/QĐ-	Cấp	Thành lập bản đồ tài nguyên du	TS. Nguyễn	284/QĐ-	06/2022	Đạt	1. Nguyễn Thị Lan	

STT	Số QĐ, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ/Đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Số QĐ, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài	Ghi chú
	ĐHSĐ, 28/10/2021 28.KHCN/21-22	cơ sở	lịch khu vực Quảng Ninh - Hải Phòng phục vụ phát triển du lịch.	Đăng Tiến	ĐHSĐ, 24/06/2022			2. Bùi Thị Trang	
17	Số 434/QĐ-ĐHSĐ, ngày 28/10/2021, 29.KHCN/21-22	Cấp cơ sở	Ứng dụng phương pháp dạy học theo dự án để phát triển kỹ năng giao tiếp tiếng Anh cho sinh viên trường Đại học Sao Đỏ	Phạm Thị Huyền Trang	Số 284/ QĐ-ĐHSĐ, ngày 24/06/2022	06/2022	Đạt	Trần Thi Mai Hương	
18	Số 434/QĐ-ĐHSĐ, ngày 28/10/2021, 08.KHCN/21-22	Cấp cơ sở	Xây dựng hệ thống quản lý hồ sơ viên chức và hỗ trợ đánh giá hiệu quả công việc của viên chức Trường Đại học Sao Đỏ	Vũ Bảo Tạo	Số 266/QĐ-ĐHSĐ, ngày 21/06/2022	21/6/2022	Đạt	1. Vũ Bảo Tạo 2. Nguyễn Thị Thu 3. Nguyễn Phúc Hậu	
19	Số 434/QĐ-ĐHSĐ, ngày 28/10/2021, 11.KHCN/21-22	cấp cơ sở	Ứng dụng trí tuệ nhân tạo xây dựng thư viện số	Phạm Thị Hường	Số 266/QĐ-ĐHSĐ, ngày 21/6/2022	22/6/2022	Đạt	Phạm Văn Kiên	
20	554/QĐ-ĐHSĐ, 28/10/2022 10.KHCN/22-23	Cấp cơ sở	Xây dựng các sản phẩm du lịch nông thôn phục vụ phát triển nông thôn mới của tỉnh Hải Dương.	TS. Nguyễn Đăng Tiến	Số 271/QĐ-ĐHSĐ, ngày 23/06/2023	25/06/2023	Đạt	1. Nguyễn Thị Lan 2. ThS.Bùi Thị Trang	
21	554/QĐ-ĐHSĐ, 28/10/2022 11.KHCN/22-23	Cấp cơ sở	Xây dựng kỹ năng nghiệp vụ bổ trợ (kỹ năng tổ chức hoạt náo) cho sinh viên ngành du lịchở trường ĐHSĐ	ThS. Nguyễn Thị Sao	Số 271/QĐ-ĐHSĐ, ngày 23/06/2023	25/6/2023	Đạt	1. Nguyễn Thị Hương Huyền 2. Nguyễn Thị Xuyên	

STT	Số QĐ, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ/Đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Số QĐ, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài	Ghi chú
22	554/QĐ-ĐHSĐ, 28/10/2022 12.KHCN/22-23	Cấp cơ sở	Tính triết học trong ca dao, tục ngữ Việt Nam và vận dụng vào quá trình giảng dạy học phần Triết học - Mác Lênin tại trường ĐHSĐ	ThS. Phùng Thị Lý	222/QĐ-ĐHSĐ, 26/52023	6/7/2023	Đạt	1. Phạm Xuân Đức 2. Nguyễn Thị Hải Hà 3. Phạm Thị Mai	
23	594/QĐ-ĐHSĐ, 30/11/2022 51.KHCN/22-23	Cấp cơ sở	Vận dụng kiến thức liên môn trong giảng dạy học phần Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam cho sinh viên Trường Đại học Sao Đỏ	ThS. Nguyễn Thị Tình	222/QĐ-ĐHSĐ, 26/52023	5/30/2023	Đạt	1. Phạm Thị Hồng Hoa 2. Đỗ Thị Thùy 3. Đặng Thị Dung	
24	Số 554/QĐ-ĐHSĐ, ngày 28/10/2022, 13.KHCN/22-23	Cấp cơ sở	Nghiên cứu, xây dựng phần mềm quản lý công trình khoa học trường Đại học Sao Đỏ	Phạm Thị Hường	Số 222/QĐ-ĐHSĐ, ngày 26/5/2023	08/6/2023	Xuất sắc	1. Phạm Văn Kiên 2. Nguyễn Thị Bích Ngọc	
25	Số 476/QĐ-ĐHSĐ, ngày 30/10/2024, 06.KHCN/23-24	Cấp cơ sở	Nghiên cứu, xây dựng hệ thống xử lý yêu cầu lấy số thứ tự tự động.	Vũ Bảo Tạo	Số 197/QĐ-ĐHSĐ, ngày 21/5/2024	24/5/2024	Đạt	1. Phạm Văn Kiên 2. Phạm Thị Hường 3. Vũ Trí Võ	
26	Số 476/QĐ-ĐHSĐ, ngày 30/10/2024, 10.KHCN/23-24	Cấp cơ sở	Nghiên cứu sự ứng xử của dân cư địa phương với hoạt động du lịch tại tỉnh Hải Dương	Nguyễn Thị Thảo	Số 270/QĐ-ĐHSĐ, ngày 17/6/2024	20/6/2024	Đạt	1. Nguyễn Thị Lan 2. Nguyễn Thị Xuyên	
27	Số 476/QĐ-ĐHSĐ, ngày	Cấp cơ sở	Nghiên cứu vận dụng giá trị văn hóa truyền thống của thành phố Chí	Phạm Xuân Đức	Số 197/QĐ-ĐHSĐ, ngày	24/5/2024	Đạt	1. Phùng Thị Lý 2. Đỗ Thị Thùy	

STT	Số QĐ, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ/Đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Số QĐ, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài	Ghi chú
	30/10/2024, 15.KHCN/23-24		Linh trong giảng dạy các học phần lý luận chính trị cho sinh viên ở Trường Đại học Sao Đỏ hiện nay.		21/5/2024			3. Đặng Thị Dung	
28	Số 565/QĐ-ĐHSĐ, ngày 28/10/2024, 03.KH31CN/24-25	Cấp cơ sở	Nghiên cứu , xây dựng ứng dụng quản lý đảng viên Đảng bộ Trường Đại học Sao Đỏ	ThS. Phạm Thị Hường	Số 232/QĐ-ĐHSĐ, ngày 26/5/2025	28/5/2025	Đạt	1. Phạm Văn Kiên 2. Hoàng Thị An	
29	Số 565/QĐ-ĐHSĐ, ngày 28/10/2024, 02.KHCN/24-25	Cấp cơ sở	Nghiên cứu, xây dựng phần mềm dạy và học cho học phần tiếng Trung căn bản 2 tại Trường Đại học Sao Đỏ	ThS. Phạm Thị Hường	Số 232/QĐ-ĐHSĐ, ngày 26/5/2025	28/5/2025	Đạt	1. Nguyễn Thị Ánh Tuyết 2. Nguyễn Thị Lan 3. Hoàng Thị Ngọc Diệp	
30	Số 565/QĐ-ĐHSĐ, ngày 28/10/2024, 04.KHCN/24-25	Cấp cơ sở	Nghiên cứu, xây dựng website hỗ trợ học vật lý lớp 10 cho học sinh trương THPT Nguyễn Thị Duệ hướng theo giáo dục STEM	Ths. Phạm Văn Kiên	Số 232/QĐ-ĐHSĐ, ngày 26/5/2025	28/5/2025	Đạt	1. Hoàng Thị Ngọc Diệp 2. Hoàng Thị Ngát 3. Phạm Thị Tâm 4. Nguyễn Thị Bích Ngọc	
31	Số 565/QĐ-ĐHSĐ, ngày 28/10/2024, 15.KHCN/24-25	Cấp cơ sở	Nghiên cứu và vận dụng các phương pháp dạy học tích cực trong giảng dạy các học phần tiếng anh căn bản cho sinh viên trường Đại học Sao Đỏ	Ths. Trần Thị Mai Hương	Số 232/QĐ-ĐHSĐ, ngày 26/5/2025	29/5/2025	Đạt	1. Đặng Thị Thanh 2. Tăng Thị Hồng Minh	
32	Số 565/QĐ-	Cấp	Nghiên cứu, vận dụng giá trị đạo	Ths.	Số 216/QĐ-	28/5/2025	Đạt	1. Nguyễn Mạnh Tưởng	

STT	Số QĐ, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ/Đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Số QĐ, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài	Ghi chú
	ĐHSĐ, ngày 28/10/2024, 16.KHCN/24-25	cơ sở	đức truyền thống dân tộc cho sinh viên trường Đại học Sao Đỏ trong bối cảnh hiện nay	Nguyễn Thị Hiền	ĐHSĐ, ngày 19/5/2024			2. Trần Thị Hồng Nhung	
33	Số 565/QĐ-ĐHSĐ, ngày 28/10/2024, 17.KHCN/24-25	Cấp cơ sở	Nghiên cứu, xây dựng hệ thống tình huống áp dụng trong giảng dạy học phần kỹ năng mềm cho sinh viên trường Đại học Sao Đỏ hiện nay	TS. Phùng Thị Lý	Số 216/QĐ-ĐHSĐ, ngày 19/5/2024	28/5/2025	Đạt	1. Phạm Thị Hồng Hoa 2. Nguyễn Thị Mai	
34	Số 565/QĐ-ĐHSĐ, ngày 28/10/2024, 18.KHCN/24-25	Cấp cơ sở	Nghiên cứu, vận dụng tư tưởng triết học trong tác phẩm Truyện Kiều của Nguyễn Du vào giảng dạy học phần Triết học Mác - Lênin cho sinh viên ở Trường Đại học Sao Đỏ hiện nay	Ths. Đỗ Thị Thùy	Số 216/QĐ-ĐHSĐ, ngày 19/5/2024	28/5/2025	Đạt	1. Phạm Xuân Đức 2. Nguyễn Thị Hải Hà	
35	Số 565/QĐ-ĐHSĐ, ngày 28/10/2024, 19.KHCN/24-25	Cấp cơ sở	Nghiên cứu, ứng dụng các bài tập bổ trợ nhằm năng cao hiệu quả thi đấu cho đội bóng chuyền hơi nữ sinh viên trường Đại học Sao Đỏ.	Ths. Hà Đình Soát	Số 216/QĐ-ĐHSĐ, ngày 19/5/2024	28/5/2025	Đạt	1. Vũ Tiến Hiếu	

Bảng 7. Danh sách các công trình bài báo, sách chuyên khảo 5 năm gần nhất của đội ngũ giảng viên, nhà khoa học

STT	Công trình khoa học	Thành viên tham gia
1	Phạm Thị Thu Hà (2022), Theoretical background of street name study, Tạp chí Kinh Doanh và Công Nghệ	1. TS. Phạm Thị Thu Hà
2	Phạm Thị Thu Hà (2022), Some key concepts in the study of street names in England and Vietnam, Tạp chí Khoa học trường Đại học Mở Hà Nội	1. TS. Phạm Thị Thu Hà
3	Phạm Thị Thu Hà (2022), Theoretical framework for the study of street names in England and Vietnam, 2022-International Graduate Research Symposium.	1. TS. Phạm Thị Thu Hà
4	Phạm Thị Thu Hà (2022), Teaching British culture and civilization at university: obstacles, and suggestions, Báo cáo hội thảo "Viettesol International Convention 2022"	1. TS. Phạm Thị Thu Hà
5	Phạm Thị Thu Hà (2022), A potential methodology for comparing and contrasting street names in England and Vietnam, Báo cáo hội thảo 19th AsiaCALL International Conference	1. TS. Phạm Thị Thu Hà
6	Phạm Thị Thu Hà (2024), The meanings of street names in England, Tạp chí Kinh Doanh và Công Nghệ	1. TS. Phạm Thị Thu Hà
7	Phạm Thị Thu Hà (2025), Street Names in England and Vietnam (Sách chuyên khảo), Nhà xuất bản Khoa học xã hội.	1. TS. Phạm Thị Thu Hà
8	Đặng Thị Dung, Trịnh Thị Chuyên, Nguyễn Thị Tình (2020), "Tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục đạo đức cách mạng, lối sống văn hoá cho thanh niên và vận dụng của Đảng ta trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá hiện nay", Tạp chí Nghiên cứu khoa học, Trường ĐHSĐ, ISSN 1859-4190, Số 1 (68), tr 121-128.	1. ThS. Đặng Thị Dung 2. ThS. Trịnh Thị Chuyên
9	Đỗ Thị Thùy, Đặng Thị Dung (2022), "Xây dựng và phát triển con người theo tinh thần Đại hội XIII cảu Đảng - liên hệ trong giảng dạy Triết học Mác - Lê nin tại Trường ĐHSĐ", Tạp chí Nghiên cứu khoa học, Trường ĐHSĐ, ISSN 1859-4190, Số 1 (76), tr 113-119.	1. ThS. Đỗ Thị Thùy 2. ThS. Đặng Thị Dung
10	Phạm Đức Khẩn, Vũ Thị Lương, Nguyễn Huy Hoàn (2020), "Thiết bị đo nồng độ NH3 cho các trang trại chăn nuôi sử dụng vi điều khiển AVR", Tạp chí Nghiên cứu khoa học, Trường ĐHSĐ, ISSN 1859-4190, Số 1 (68), tr 18-23.	1. ThS. Vũ Thị Lương
11	Nguyễn Thị Sao, Tăng Thị Hồng Minh (2020), "Giải pháp đào tạo hướng dẫn viên du lịch chất lượng cao đáp ứng nhu cầu nhân lực cho các doanh nghiệp du lịch", Tạp chí Nghiên cứu khoa học, Trường ĐHSĐ, ISSN 1859-4190, Số 2 (69), tr 97-105.	1. ThS. Nguyễn Thị Sao, 2. ThS. Tăng Thị Hồng Minh
12	Nguyễn Thị Sao, Nguyễn Thị Xuyên, Tăng Thị Hồng Minh (2022), "Ứng dụng công nghệ 4.0 trong hoạt động	1. ThS. Nguyễn Thị Sao

STT	Công trình khoa học	Thành viên tham gia
	marketing địa phương nhằm phát triển du lịch của tỉnh Hải Dương", Tạp chí Nghiên cứu khoa học, Trường ĐHSĐ, ISSN 1859-4190, Số 3 (78), tr 98-106.	2. ThS. Nguyễn Thị Xuyên 3. ThS. Tăng Thị Hồng Minh
13	Phạm Xuân Đức (2020), "Học tập phong cách diễn đạt của Hồ Chí Minh trong giảng dạy lý luận chính trị ở Việt Nam", Tạp chí Nghiên cứu khoa học, Trường ĐHSĐ, ISSN 1859-4190, Số 2 (69), tr 113-119.	1. TS. Phạm Xuân Đức
14	Phạm Xuân Đức (2022), "Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng và sự vận dụng của Đảng bộ thành phố Chí Linh hiện nay", Tạp chí Nghiên cứu khoa học, Trường ĐHSĐ, ISSN 1859-4190, Số 1 (76), tr 106-112.	1. TS. Phạm Xuân Đức
15	Phạm Xuân Đức (2023), "Quan điểm của Đảng cộng sản Việt Nam trong văn kiện Đại hội XIII về phát huy giá trị văn hóa, sức mạnh con người Việt Nam và sự vận dụng quan điểm đó ở tỉnh Hải Dương", Tạp chí Nghiên cứu khoa học, Trường ĐHSĐ, ISSN 1859-4190, Số 1 (80), tr 121-128.	TS. Phạm Xuân Đức
16	Phùng Thị Lý, Nguyễn Thị Hải Hà, Phạm Xuân Đức, Phạm Thị Mai (số tháng 4, 2023), "Vận dụng ca dao, tục ngữ Việt Nam trong giảng dạy học phần triết học Mác -Lênin tại trường ĐHSĐ hiện nay", Tạp chí Giáo dục và xã hội.	1. Phùng Thị Lý 2. ThS. Nguyễn Thị Hải Hà 3. Phạm Xuân Đức 4. ThS. Phạm Thị Mai
17	Phùng Thị Lý, Giáo dục trẻ em trong các gia đình công nhân làm việc tại các doanh nghiệp FDI vùng đồng bằng sông Hồng hiện nay	Sách chuyên khảo, NXB KH&KT
18	Phùng Thị Lý, Phát triển giáo dục hướng đến hình thành nguồn nhân lực thích ứng với bối cảnh mới, tạp chí Kinh tế và dự báo.	Sách chuyên khảo, NXB Thế giới
19	Phùng Thị Lý, Nguyễn Thị Hải Hà (2022), "Tư tưởng Hồ Chí Minh về tôn trọng trí thức, tôn trọng nhân tài và sự vận dụng tư tưởng đó ở Việt Nam hiện nay", Tạp chí Nghiên cứu khoa học, Trường ĐHSĐ, ISSN 1859-4190, Số 2 (77), tr 108-114.	1. ThS. Phùng Thị Lý 2. ThS. Nguyễn Thị Hải Hà
20	Nguyễn Thị Hải Hà (2022), "Giải pháp nâng cao chất lượng tự học học phần lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam cho sinh viên trường ĐHSĐ", Tạp chí Nghiên cứu khoa học, Trường ĐHSĐ, ISSN 1859-4190, Số 2 (77), tr 58-107.	1. ThS. Nguyễn Thị Hải Hà
21	Nguyễn Thị Hải Hà, Phạm Xuân Đức, Phạm Thị Mai, Nguyễn Thị Hiền, Lê Thị Huyền (2022), "Hoạt động kết nối phục vụ cộng đồng của sinh viên Trường ĐHSĐ: thực trạng và giải pháp", Tạp chí Nghiên cứu khoa học, Trường ĐHSĐ, ISSN 1859-4190, Số 2 (77), tr 115-122.	1. ThS. Nguyễn Thị Hải Hà 2. TS. Phạm Xuân Đức 3. ThS. Phạm Thị Mai

STT	Công trình khoa học	Thành viên tham gia
		4. ThS. Nguyễn Thị Hiền
22	Nguyễn Thị Hải Hà (2023), Tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, kiên quyết và thường xuyên đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, cơ hội chính trị, Tạp chí Giáo dục và xã hội.	1. ThS. Nguyễn Thị Hải Hà
23	Nguyễn Thị Hải Hà (số 1, 2020), Yếu tố tác động đến xây dựng gia đình văn hóa ở tỉnh Hải Dương hiện nay, Tạp chí Khoa học Trường Đại học Sư phạm Vinh.	1. ThS. Nguyễn Thị Hải Hà
24	Phạm Thị Hồng Hoa, Nguyễn Thị Tình (2022), "Nguồn nhân lực Việt Nam - góc nhìn từ thực trạng giáo dục phổ thông", Tạp chí Nghiên cứu khoa học, Trường ĐHSĐ, ISSN 1859-4190, Số 1 (76), tr 67-75.	1. TS. Phạm Thị Hồng Hoa
25	Phạm Thị Hồng Hoa, Nguyễn Thị Hiền (2022), "Vận dụng quy lật từ sự thay đổi về lượng dẫn đến thay đổi về chất và ngược lại vào quá trình học tập của sinh viên Trường ĐHSĐ hiện nay", Tạp chí Nghiên cứu khoa học, Trường ĐHSĐ, ISSN 1859-4190, Số 3 (78), tr 122-128.	1. TS. Phạm Thị Hồng Hoa 2. ThS. Nguyễn Thị Hiền
26	Phạm Thị Hồng Hoa, Nguyễn Thị Hiền (2022), "Vận dụng quy lật từ sự thay đổi về lượng dẫn đến thay đổi về chất và ngược lại vào quá trình học tập của sinh viên Trường ĐHSĐ hiện nay", Tạp chí Nghiên cứu khoa học, Trường ĐHSĐ, ISSN 1859-4190, Số 3 (78), tr 122-128.	1. TS. Phạm Thị Hồng Hoa 2. ThS. Nguyễn Thị Hiền
27	Nguyễn Minh Tuấn, Phạm Thị Hồng Hoa (2022), "Cơ hội và thách thức trong phát triển thương mại sạch hơn tại Việt Nam", Tạp chí Nghiên cứu khoa học, Trường ĐHSĐ, ISSN 1859-4190, Số 4 (79), tr 74-81.	1. TS. Phạm Thị Hồng Hoa
28	Phạm Thị Hồng Hoa (2020), "Chính sách an sinh xã hội của Thái Lan và một số bài học cho Việt Nam", Tạp chí Nghiên cứu khoa học, Trường ĐHSĐ, ISSN 1859-4190, Số 4 (71), tr 88-98.	1. TS. Phạm Thị Hồng Hoa
29	Phạm Thị Hồng Hoa (2021), "Giảm nghèo và phát triển bền vững ở Việt Nam", Tạp chí Nghiên cứu khoa học, Trường ĐHSĐ, ISSN 1859-4190, Số 1 (72), tr 83-90.	1. TS. Phạm Thị Hồng Hoa
30	Phạm Thị Hồng Hoa, Nguyễn Minh Tuấn (2023), "Bàn về năng lực của giảng viên trong chuyển đổi số giáo dục đại học", Tạp chí NCKH, Trường ĐH Sao Đỏ, ISSN 1859-4190, Số 4 (83)	1. TS. Phạm Thị Hồng Hoa 2. TS. Nguyễn Minh Tuấn
31	Đỗ Thị Thùy, Phạm Thị Mai (2021), "Giáo dục đạo đức mới trong việc phát triển nhân cách cho thanh niên tỉnh Hải Dương trong bối cảnh mới hiện nay", Tạp chí Nghiên cứu khoa học, Trường ĐHSĐ, ISSN 1859-4190, Số 3 (74), tr 110-119.	1. ThS. Đỗ Thị Thùy 2. ThS. Phạm Thị Mai
32	Phạm Thị Mai, Đỗ Thị Thùy (2022), "Xây dựng và rèn luyện tác phong công nghiệp cho sinh viên Trường ĐHSĐ trong thời kỳ Cách mạng công nghiệp 4.0", Tạp chí Nghiên cứu khoa học, Trường ĐHSĐ, ISSN 1859-	1. ThS. Phạm Thị Mai 2. ThS. Đỗ Thị Thùy

STT	Công trình khoa học	Thành viên tham gia
	4190, Số 4 (79), tr 106-112.	
33	Phạm Văn Dự, Trần Thị Hồng Nhung, Vũ Văn Chương (2021), "Giá trị và ý nghĩa thời đại tư tưởng nhân văn Việt Nam thế kỉ XVIII", Tạp chí Nghiên cứu khoa học, Trường ĐHSĐ, ISSN 1859-4190, Số 3 (74), tr 120-128.	1. ThS. Trần Thị Hồng Nhung
34	Vũ Văn Đông, Trần Thị Hồng Nhung (2022), "Bàn về phát triển nguồn nhân lực phục vụ nông nghiệp bền vững của một số vùng và hướng gợi mở cho Đồng bằng sông Hồng", Tạp chí Nghiên cứu khoa học, Trường ĐHSĐ, ISSN 1859-4190, Số 2 (77), tr 71-77.	1. ThS. Trần Thị Hồng Nhung
35	Vũ Văn Đông, Phạm Anh Dũng (2023), "Mối quan hệ giữa phát triển kinh tế và giải quyết các vấn đề xã hội ở Hải Dương hiện nay", Tạp chí Nghiên cứu khoa học, Trường ĐHSĐ, ISSN 1859-4190, Số 1 (80), tr 110-116.	1. Vũ Văn Đông 2. ThS. Phạm Anh Dũng
36	Vũ Văn Đông, Trần Thị Hồng Nhung (Số 4 (87, năm 2024), Lý luận của chủ nghĩa Mác-Lênin về giải phóng phụ nữ và sự vận dụng của Đảng Cộng sản Việt Nam, Tạp chí NCKH, Trường ĐH Sao Đỏ.	1. TS. Vũ Văn Đông 2. ThS. Trần Thị Hồng Nhung
37	Vũ Văn Đông (Số 4 (87, năm 2024), Lý luận về hàng hóa sức lao động của C. Mác và giá trị trong phát triển thị trường lao động thời kỳ Cách mạng công nghiệp 4.0 ở nước ta, Tạp chí NCKH, Trường ĐH Sao Đỏ.	1. TS. Vũ Văn Đông
38	Vũ Văn Đông (Số 3 (82, năm 2023), Xu hướng chuyển dịch nguồn nhân lực phục vụ phát triển nông nghiệp bền vững ở Hải Dương hiện nay - những vấn đề đặt ra, Tạp chí NCKH, Trường ĐH Sao Đỏ.	1. TS. Vũ Văn Đông
39	Bùi Thị Trang, Nguyễn Thị Lan (2020), "Một vài suy nghĩ về việc dạy thành ngữ tiếng hán cho sinh viên giai đoạn cao cấp", Tạp chí Nghiên cứu khoa học, Trường ĐHSĐ, ISSN 1859-4190, Số 3 (70), tr 108-114.	1. ThS. Bùi Thị Trang 2. ThS. Nguyễn Thị Lan
40	Nguyễn Thị Lan, Bùi Thị Trang (2021), "Một vài suy nghĩ về việc dạy kỹ năng nghe hiểu tiếng Trung Quốc cho sinh viên trình độ sơ cấp khoa du lịch và ngoại ngữ Trường ĐHSĐ", Tạp chí Nghiên cứu khoa học, Trường ĐHSĐ, ISSN 1859-4190, Số 2 (73), tr 89-95.	1. ThS. Nguyễn Thị Lan 2. ThS. Bùi Thị Trang
41	Đặng Thị Minh Phương, Trần Hoàng Yến, Tăng Thị Hồng Minh (2021), "Nghiên cứu thực trạng kỹ năng nói tiếng Anh và đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao kỹ năng nói tiếng Anh của sinh viên không chuyên trường ĐHSĐ", Trường ĐHSĐ, ISSN 1859-4190, Số 1 (72), 91-98.	1. ThS. Trần Hoàng Yến 2. ThS. Tăng Thị Hồng Minh
42	Phạm Thị Hồng Trang (2021), So sánh từ Hán Việt tốt nghĩa xấu nghĩa với gốc Hán, Tạp chí nghiên cứu và giảng dạy (Trung Quốc), ISSN0030-1996, Kỳ 14, trang 313	TS. Phạm Thị Hồng Trang
43	Phạm Thị Hồng Trang, Nguyễn Thị Lan (2024), "Phương pháp dịch các yếu tố văn hóa trong học phần Biên dịch Trung -Việt tại trường ĐHSĐ", Tạp chí Khoa học Quản lý và Công nghệ， Số 29 quý ii/2024, tr 94-96.	1. TS. Phạm Thị Hồng Trang 2. ThS. Nguyễn Thị Lan

STT	Công trình khoa học	Thành viên tham gia
44	Hoàng Thị An, Phạm Văn Kiên (2021), "Ứng dụng Detectron2 trong phân loại quả cà chua", Tạp chí Nghiên cứu khoa học, Trường ĐHSĐ, ISSN 1859-4190, Số 3 (74), tr 24-30.	1. ThS. Phạm Văn Kiên
45	Nguyễn Thị Quyên, Vũ Bảo Tạo, Hoàng Thị An (2022), "Giảm nhiễu trong mạng hỗn tạp 5G dựa trên thuật toán phân bố tốc độ", Tạp chí Nghiên cứu khoa học, Trường ĐHSĐ, ISSN 1859-4190, Số 2 (77), tr 19-18.	1. ThS. Vũ Bảo Tạo
46	Vũ Thị Lương, Trịnh Thị Chuyên (số 1, 2022), "Áp dụng các hoạt động ngoại khóa trong dạy học tiếng Anh nhằm nâng cao kỹ năng giao tiếp cho sinh viên Trường ĐHSĐ", Tạp chí Nghiên cứu khoa học, Trường ĐHSĐ, ISSN 1859-4190, Số 1 (76), tr 92-99.	1. ThS. Vũ Thị Lương 2. ThS. Trịnh Thị Chuyên
47	Vũ Thị Lương, Trịnh Thị Chuyên (2023), "Sử dụng trò chơi ngôn ngữ nhằm nâng cao chất lượng đào tạo Tiếng Anh tại Trường ĐHSĐ", Trường ĐHSĐ, ISSN 1859-4190. Số 1 (80), tr 103-109.	1. ThS. Vũ Thị Lương, 2. ThS. Trịnh Thị Chuyên
48	Trịnh Thị Chuyên, Vũ Thị Lương (2025), "Áp dụng phương pháp thảo luận nhóm trong giảng dạy Tiếng Anh cho sinh viên trường ĐHSĐ", Tạp chí Giáo dục và Xã hội.	1. ThS. Trịnh Thị Chuyên 2. ThS. Vũ Thị Lương
49	Tăng Thị Hồng Minh (2025), "Nghĩa hàm ẩn trong quảng cáo trực tuyến, so sánh đối chiếu giữa tiếng Anh và tiếng Việt", Tạp chí Ngôn ngữ và Đời sống.	1. ThS. Tăng Thị Hồng Minh
50	Tăng Thị Hồng Minh, Trần Thị Mai Hương, Đặng Thị Thanh (2025), "Nghiên cứu và vận dụng các phương pháp dạy học tích cực trong giảng dạy các học phần tiếng Anh căn bản cho sinh viên trường ĐHSĐ", Tạp chí NCKH, Trường ĐH Sao Đỏ, ISSN 1859-4190, Quý 2/2025.	1. ThS. Tăng Thị Hồng Minh, 2. ThS. Trần Thị Mai Hương, 3. ThS. Đặng Thị Thanh
51	Nguyễn Thị Thảo, Trần Thị Mai Hương, Tăng Thị Hồng Minh (2023), "Chuyển đổi số - những thách thức và cơ hội cho sự phát triển du lịch Việt Nam", Tạp chí Nghiên cứu khoa học, Trường ĐHSĐ, ISSN 1859-4190, Q3/2023.	1. ThS. Trần Thị Mai Hương, 2. ThS. Tăng Thị Hồng Minh
52	Tăng Thị Hồng Minh (2024), "Từ những cách dùng "ạ, nhé ạ, cái, chiếc" luận bạn về cách dùng từ của giới trẻ hiện nay", Tạp chí Giáo dục và xã hội.	2. ThS. Tăng Thị Hồng Minh
53	Nguyễn Thị Sao, Tăng Thị Hồng Minh (2024), "Giáo dục trực tuyến - xu hướng đào tạo du lịch trong bối cảnh hội nhập phát triển kinh tế", Tạp chí NCKH, Trường ĐH Sao Đỏ, ISSN 1859-4190, Quý 2/2024	1. ThS. Nguyễn Thị Sao, 2. ThS. Tăng Thị Hồng Minh
54	Trần Hoàng Yến, Đặng Thị Thanh (2024), "Làng văn hoá và xây dựng làng văn hoá trong xây dựng nông thôn mới ở tỉnh Hải Dương hiện nay", Tạp chí Giáo dục và Xã hội, tháng 7 năm 2024 (kỳ 2), tr.280-286.	1. ThS. Trần Hoàng Yến 2. ThS. Đặng Thị Thanh
55	Phạm Thị Hồng Trang (2025), "Sử dụng trích đoạn phim trong việc nâng cao kỹ năng nói tiếng Trung Quốc của	1. TS. Phạm Thị Hồng Trang

STT	Công trình khoa học	Thành viên tham gia
	học sinh sinh viên trong các cơ sở giáo dục đại học", Tạp chí NCKH, Trường ĐH Sao Đỏ, ISSN 1859-4190, Quý 2/2025.	
56	Tăng Thị Hồng Minh, Trần Thị Mai Hương, Đặng Thị Thanh (2025), "Nghiên cứu và vận dụng các phương pháp dạy học tích cực trong giảng dạy các học phần tiếng Anh căn bản cho sinh viên trường ĐHSĐ", Tạp chí NCKH, Trường ĐH Sao Đỏ, ISSN 1859-4190, Quý 2/2025.	1. ThS. Tăng Thị Hồng Minh, 2. ThS. Trần Thị Mai Hương, 3. ThS. Đặng Thị Thanh
57	Trần Thị Mai Hương, Nguyễn Thị Thảo (2022), "Phát triển du lịch bền vững thành phố Chí Linh trong xu thế hội nhập toàn cầu", Tạp chí Nghiên cứu khoa học, Trường ĐHSĐ, ISSN 1859-4190, Số 2 (77), tr 92-100.	1. ThS. Trần Thị Mai Hương 2. ThS. Nguyễn Thị Thảo
58	Nguyễn Thị Thảo, Trần Thị Mai Hương, Tăng Thị Hồng Minh (2023), "Chuyển đổi số - những thách thức và cơ hội cho sự phát triển du lịch Việt Nam", Tạp chí Nghiên cứu khoa học, Trường ĐHSĐ, ISSN 1859-4190, Q3/2023.	1. ThS. Trần Thị Mai Hương, 2. ThS. Tăng Thị Hồng Minh
59	Trần Hoàng Yến, Đặng Thị Thanh (2023), "Bảo tồn và phát triển làng nghề, làng nghề truyền thống của tỉnh Hải Dương trong bối cảnh tác động của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 hiện nay", Tạp chí Nghiên cứu khoa học, Trường ĐHSĐ, ISSN 1859-4190, Q4/2023.	1. ThS. Trần Hoàng Yến, 2. ThS. Đặng Thị Thanh
60	Trần Hoàng Yến, Đặng Thị Thanh (2024), "Làng văn hoá và xây dựng làng văn hoá trong xây dựng nông thôn mới ở tỉnh Hải Dương hiện nay", Tạp chí Giáo dục và Xã hội, tháng 7 năm 2024 (kỳ 2), tr.280-286.	1. ThS. Trần Hoàng Yến 2. ThS. Đặng Thị Thanh
61	Trần Hoàng Yến, Đặng Thị Thanh (2024), "Phát triển du lịch gắn với phát triển văn hoá ở tỉnh Hải Dương", Tạp chí NCKH, Trường ĐH Sao Đỏ, ISSN 1859-4190, Quý 4/2024	1. ThS. Trần Hoàng Yến, 2. ThS. Đặng Thị Thanh
62	Nguyễn Thị Nhan, Vũ Tiến Hiếu (2022), "Những nguyên tắc cơ bản trong nghiên cứu và giảng dạy chủ nghĩa Mác - Lênnin", Tạp chí Nghiên cứu khoa học, Trường ĐHSĐ, ISSN 1859-4190, Số 2 (77), tr 123-128.	1. ThS. Vũ Tiến Hiếu
63	Nguyễn Thị Hương Huyền, Nguyễn Thị Sao (2021), "Giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động trải nghiệm thực tế cho sinh viên chuyên ngành Hướng dẫn du lịch, Trường ĐHSĐ", Tạp chí Nghiên cứu khoa học, Trường ĐHSĐ, ISSN 1859-4190, Số 3 (74), tr 77-85.	1. Nguyễn Thị Hương Huyền 2. Nguyễn Thị Sao
64	Nguyễn Đăng Tiến (2023), "Xây dựng các sản phẩm du lịch đặc thù của tỉnh Hải Dương", Tạp chí Nghiên cứu khoa học, Trường ĐHSĐ, ISSN 1859-4190, Q3/2023.	1 TS. Nguyễn Đăng Tiến
65	Nguyễn Đăng Tiến (2023), "Đánh giá tài nguyên du lịch và điều kiện sinh khí hậu cho phát triển loại hình du lịch tham quan tự nhiên khu vực Quảng Ninh - Hải Phòng", Tạp chí Nghiên cứu khoa học, Trường ĐHSĐ, ISSN	1. TS. Nguyễn Đăng Tiến

STT	Công trình khoa học	Thành viên tham gia
	1859-4190, Số 1 (80), tr 95-102.	
66	Nguyễn Mạnh Tưởng (2022), "Thực trạng và giải pháp nâng cao hiệu quả chăn nuôi gà đồi cho các hộ nông dân ở thành phố Chí Linh tỉnh Hải Dương hiện nay", Tạp chí Nghiên cứu khoa học, Trường Đại học Sao Đỏ, ISSN 1859-4190, Số 4 (79), tr 82-86.	1. Nguyễn Mạnh Tưởng
67	Vũ Thị Hường (2022), " Thúc đẩy hoạt động xúc tiến Thương Mại điện tử nhằm mở rộng thị trường tiêu thụ nông sản trên địa bàn thành phố Chí Linh", Tạp chí nghiên cứu khoa học, Trường ĐHSĐ, ISSN 1859-4190, số 2 (77)	1. Vũ Thị Hường
68	Nguyễn Thị Ngọc Mai, Trần Quý Chinh, Trần Cương (2024), Tác động của chất lượng cung ứng dịch vụ logistics đến sự hài lòng của khách hàng: Nghiên cứu ở một số doanh nghiệp logistics trên địa bàn Hà Nội, Tạp chí Kinh tế và dự báo.	1. Nguyễn Thị Ngọc Mai 2. Trần Quý Chinh 3. Trần Cương
69	Nguyễn Thị Ngọc Mai, Lê Thị Huyền (Số 19, 2024), Giải pháp phát triển sản phẩm OCOP trên địa bàn tỉnh Hải Dương, Tạp chí Kinh tế và dự báo.	1. Nguyễn Thị Ngọc Mai 2. Lê Thị Huyền
70	Nguyễn Thị Ngọc Mai, Lê Thị Huyền, Các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định mua hàng đối với sản phẩm bánh trung thu của khách hàng tại Hà Nội, (Số 4 (87) năm 2024), Tạp chí NCKH, Trường Đại học Sao Đỏ.	1. Nguyễn Thị Ngọc Mai 2. Lê Thị Huyền
71	Nguyễn Thị Ngọc Mai, Đào tạo nguồn nhân lực số trong xây dựng và phát triển kinh tế số tại Việt Nam, (Số 4 (83), 2023), Tạp chí NCKH, Trường Đại học Sao Đỏ.	1. Nguyễn Thị Ngọc Mai
72	Vũ Thị Hường (2024)," Đẩy mạnh hoạt động E - Marketing trong phát triển du lịch chất lượng cao trên địa bàn tỉnh Hải Dương", Tạp chí nghiên cứu khoa học Trường ĐHSĐ (Số 2 (85)..	1. Vũ Thị Hường
73	Vũ Thị Hường (2025) "Ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong phát triển du lịch thông minh tại tỉnh Hải Dương", Tạp chí nghiên cứu Đại học Sao Đỏ, Số đặc biệt: 90.	1. Vũ Thị Hường
74	Vũ Thành Trung, Ngô Thị Mỹ Bình (2022), "Study on longitudinal motion dynamics of the vehicle in carsim software", Tạp chí NCKH Đại học Sao Đỏ, Số 3 (78) 2022	1. Vũ Thành Trung 2. Ngô Thị Mỹ Bình
75	Phạm Thị Thu Hà (2022), Theoretical background of street name study, Tạp chí Kinh Doanh và Công Nghệ	1. TS. Phạm Thị Thu Hà

4.3. Kế hoạch phát triển đội ngũ giảng viên

Đội ngũ giảng viên hiện tại của Trường đã đáp ứng và đảm nhận được 100% khối lượng CTĐT từ xa ngành NNA. Tuy nhiên, căn cứ vào chiến lược phát triển đội ngũ, Nhà trường/Khoa Du lịch và Ngoại ngữ đã xây dựng kế hoạch phát triển đội ngũ giảng viên đảm bảo về số lượng, chất lượng và cơ cấu để đáp ứng yêu cầu đào tạo và NCKH. Kế hoạch phát triển đội ngũ giảng viên đến năm 2030 bao gồm việc tuyển dụng, đào tạo bồi dưỡng, đánh giá và đưa ra các chế độ, chính sách đãi ngộ như:

- Hằng năm Nhà trường cử nhiều giảng viên đi học tập, bồi dưỡng nâng cao chuyên môn nghiệp vụ; tổ chức từ 20 - 25 chuyên đề bồi dưỡng về chuyên môn, phương pháp giảng dạy, phương pháp NCKH cho giảng viên.

- Tiếp tục chọn cử giảng viên đi làm nghiên cứu sinh ở trong nước và nước ngoài theo nhu cầu nhân lực của từng ngành. Đối với giảng viên ngành NNA dự kiến đến năm 2030 có thêm 02 Tiến sĩ để đáp ứng yêu cầu phát triển của ngành NNA.

- Tiếp tục tạo điều kiện cho giảng viên tham gia các hoạt động NCKH, tích cực tham gia hội nghị, hội thảo trong và ngoài nước, hỗ trợ giảng viên đạt học hàm và các chức danh nghề nghiệp.

- Nhà trường thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp, chính sách để thu hút, tuyển dụng, bổ nhiệm, phát triển đội ngũ giảng viên như: Xây dựng cơ chế, chính sách đãi ngộ về điều kiện làm việc, học tập nâng cao trình độ, thu nhập để thu hút nhân lực chất lượng cao, đặc biệt là đội ngũ giảng viên có trình độ tiến sĩ và đang làm nghiên cứu sinh.

- Hằng năm, đội ngũ giảng viên cơ hữu của Khoa/Trường được theo dõi đánh giá, điều chỉnh về số lượng và chất lượng.

5. ĐIỀU KIỆN VỀ CƠ SỞ VẬT CHẤT MỞ CTĐT TỪ XA NGÀNH NGÔN NGỮ ANH

Nhà trường có đầy đủ đầy đủ hệ thống phòng học, phòng thực hành, thiết bị, thư viện, giáo trình, tài liệu học tập đáp ứng yêu cầu giảng dạy, học tập, nghiên cứu theo yêu cầu của CTĐT, đáp ứng yêu cầu về cơ sở vật chất theo quy định của chuẩn chương trình đào tạo từ xa ngành Ngôn ngữ Anh trình độ đại học.

5.1. Cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin và truyền thông phục vụ đào tạo từ xa

5.1.1. Hạ tầng kỹ thuật chung phục vụ đào tạo

Phòng kỹ thuật đủ diện tích để lắp đặt các thiết bị của hệ thống đào tạo từ xa, hệ thống máy chủ đảm bảo quá trình đào tạo từ xa diễn ra một cách liên tục, không bị gián đoạn *(Bảng 8).*

Bảng 8. Danh mục hạ tầng kỹ thuật trong quản lý đào tạo từ xa

TT	Danh mục hàng hóa	Ký mã hiệu	Xuất xứ	Đơn vị	SL
1	**Máy chủ** Hãng sản xuất: Dell	PowerEdge R750 Server	Malaysia	Bộ	02
2	**Hệ điều hành máy chủ Window Server** Hãng sản xuất: Microsoft	Windows Server 2022	Hồng Kông		

TT	Danh mục hàng hóa	Ký mã hiệu	Xuất xứ	Đơn vị	SL
2.1	Windows Svr Std 2022 64Bit English 1pk DSP OEI DVD 16Core Mã sản phẩm: P73-08328			Bộ	02
2.2	Windows Svr Std 2022 English 1pk DSP OEI 4Cr NoMedia/NoKey (POSOnly) add license Mã sản phẩm: P73-08441			Bộ	04
3	**Thiết bị chuyển mạch trung tâm** Hãng sản xuất: Cisco	C9300-24T (Part No: C9300-24T-E)	Trung Quốc	Bộ	02
4	**Thiết bị lưu trữ NAS** Hãng sản xuất: Synology	DS923+	Đài Loan	Bộ	01
5	**- Bộ lưu điện 3KVA** Hãng sản xuất: APC	SMC3000RMI2U	Philippines	Bộ	02
6	**Ổ cứng lưu trữ 4TB** Hãng sản xuất: Toshiba	N300	Philippines	Cái	04

5.1.2. Các phòng chuyên dụng và hệ thống phần cứng phục vụ CTĐT từ xa

Công tác đầu tư trang thiết bị phục vụ giảng dạy, NCKH luôn được nhà trường coi trọng. Phòng Studio được trang bị đầy đủ các thiết bị đảm bảo cho việc quay phim, ghi hình, giảng dạy trực tuyến (Bảng 9).

- Hệ thống Studio sản xuất học liệu, cụ thể như sau:

+ Tổng diện tích: 250m2

+ Danh sách sách phòng chức năng như sau: Tất cả các phòng được thiết kế theo đúng chức năng và đảm bảo tiêu câm, cách âm:

1. Phòng thu/ quay bài giảng và giảng dạy Online trực tiếp: 4 phòng

2. Trường quay lớn: 1 phòng

3. Phòng biên tập, chỉnh sửa: 1 phòng

4. Phòng làm việc chung cho giảng viên: 1 phòng

Bảng 9. Phòng học và trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy đào tạo từ xa

STT	Hạng mục	Số lượng	Thương hiệu	ĐVT	Năm sản xuất	Tình trạng	Ghi chú
1	**Phòng quay bài giảng**						
1.1	Máy quay Sony HXR/NX100	1	Sony	Chiếc	2021	Hoạt động bình thường	
1.2	Chân máy Benro Video Tripod KH2	1	Benro	Bộ	2021	Hoạt động bình thường	
1.3	Bộ trộn hình ATEM Mini Pro ISO	1	Blackmagic Design	Bộ	2021	Hoạt động bình thường	
1.4	Hệ thống Đèn và phông	1	China	Bộ	2021	Hoạt động	

STT	Hạng mục	Số lượng	Thương hiệu	ĐVT	Năm sản xuất	Tình trạng	Ghi chú
	xanh					bình thường	
1.5	Ti vi Sam Sung PS50A410	1	Việt Nam, 2009	Chiếc	2021	Hoạt động bình thường	
1.6	Giá treo TV di động		NB AVA1500-60	Bộ	2021	Hoạt động bình thường	
2	**Phòng hậu kỳ Video**	**1**					
	Máy tính chứa dữ liệu video	1		Bộ	2021	Hoạt động bình thường	
3	**Phòng thu**						
3.1	Hệ đèn trường quay	02	China	Chiếc	2024	Hoạt động bình thường	
3.2	Microphone Saramonic Blink 500 B2+	02	SARAMONIC	Chiếc	2024	Hoạt động bình thường	
3.3	Bộ nhắc lời ikan PT3700 17" Rod Mounted Teleprompter for Location and Studio	01	Ikan	Chiếc	2024	Hoạt động bình thường	

5.1.3. Hệ thống phần mềm phục vụ CTĐT từ xa

- Nhà trường có cổng thông tin điện tử với địa chỉ https://saodo.edu.vn/. Thông tin trên cổng thông tin điện tử luôn được cập nhật thường xuyên, công bố công khai các điều kiện đảm bảo chất lượng của cơ sở giáo dục, CTĐT,…

- Hệ thống LMS (Learning Management System) do Khoa Công nghệ thông tin của Nhà trường phát triển từ năm 2020 được sử dụng để quản lý dạy - học trực tuyến. Hệ thống LMS có thể quản lý đào đạo trực tuyến. Nhà trường có hệ thống kiểm tra, đánh giá kết quả học tập bảo đảm khách quan, trung thực; đánh giá được quá trình học tập; kiểm soát và xác thực được việc học, làm bài kiểm tra, thi và thực hiện các nhiệm vụ được giao trong chương trình học tập của người học. Hệ thống đào tạo từ xa được nâng cấp vào năm 2025 và được kết nối với hệ thống quản lý đào tạo của Nhà trường. Các modul cụ thể (*Bảng 10*).

Bảng 10. Hệ thống phần mềm đào tạo từ xa và quản lý đào tạo

STT	Module
1	**Phần mềm đào tạo từ xa**
1.1	Trang tin giảng dạy
1.2	Tài liệu bài giảng / Loại tài liệu
1.3	Tài liệu bài giảng / Bài giảng cá nhân
1.4	Tài liệu bài giảng / Kiểm duyệt bài giảng
1.5	Tài liệu bài giảng / Kho bài giảng
1.6	Tài liệu bài giảng trong Lớp học phần
1.7	Quản lý ngân hàng câu hỏi kiểm tra

STT	Module
1	**Phần mềm đào tạo từ xa**
1.8	Soạn thảo câu hỏi kiểm tra
1.9	Dạng câu hỏi Trắc nghiệm đơn
1.10	Dạng câu hỏi Trắc nghiệm NHÓM
1.11	Dạng câu hỏi TỰ LUẬN
1.12	Dạng câu hỏi TỰ LUẬN NHÓM
1.13	Quản lý đề, bài kiểm tra
1.14	Tạo đề, bài kiểm tra
1.15	Ra đề, bài kiểm tra trong lớp học phần giảng dạy
1.16	Bài giảng dành cho Sinh viên
1.17	Bài kiểm tra dành cho Sinh viên
1.18	Tích hợp Zoom (Teams) vào Cổng thông tin giảng dạy trực tuyến (SV & GV)
2	**Hệ thống phần mềm quản lý đào tạo**
2.1	Quản lý chương trình đào tạo
2.2	Quản lý Tuyển sinh
2.3	Quản lý Giảng viên - Phòng học
2.4	Quản lý khảo sát
2.5	Quản lý học vụ sinh viên
2.6	Quản lý thời khóa biểu
2.7	Quản lý kiểm soát giờ giảng và thanh toán vượt giờ của giảng viên
2.8	Quản lý tài chính học vụ
2.9	Quản lý thi trắc nghiệm
2.10	Quản lý nhân sự
2.11	Cổng thông tin nhân sự
2.12	Cổng thông tin sinh viên
2.13	Cổng hành chính điện tử
2.14	Cổng thông tin đăng ký xét tuyển

5.1.4. Cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ dạy và kiểm tra đánh giá ngoại ngữ

Đối với giảng dạy học ngoại ngữ nói chung, trong đó có việc đảm bảo điều kiện thực hiện chương trình đào tạo các ngành ngôn ngữ như Ngôn ngữ Trung Quốc, Ngôn ngữ Anh, Sư phạm Tiếng Trung Quốc, Nhà trường đầu tư 03 phòng thực hành ngoại ngữ với đầy đủ các trang thiết bị nghe nhìn, các phần mềm bản quyền trong giảng dạy tiếng Anh, tiếng Trung, tiếng Nhật (Bảng 9). Hệ thống các phòng thực hành ngoại ngữ đã giúp quản lý hỗ trợ học tập, cùng các thiết bị cần thiết đáp ứng yêu cầu giảng dạy, học tập, kiểm tra đánh giá và nghiên cứu khoa học theo yêu cầu của CTĐT ngành Ngôn ngữ Anh. Ngoài ra, Nhà trường có 4 phòng thi trắc nghiệm sử dụng phần mềm PMT-EMS có bản quyền tổ chức kiểm tra đánh giá trong quá trình tổ chức hoạt động đào tạo.

Bảng 11. Trung tâm nghiên cứu, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập theo yêu cầu của ngành đào tạo Ngôn ngữ Anh

Danh mục hỗ trợ nghiên cứu, thực nghiệm, thực hành, thực tập, luyện tập					**Học phần/môn học sử dụng**	**Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)**	**Số người học/máy, thiết bị**	**Ghi chú**
STT	**Tên gọi máy, thiết bị và mục đích sử dụng**	**Nước sản xuất**	**Số lượng**	**Đơn vị**				
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*
	Phòng thực hành ngoại ngữ số 1							
1	Máy tính để bàn dành cho giáo viênModel: i3-8100,	Việt Nam, 2019	1	Cái	Nghe Tiếng Anh 4, Nghe Tiếng Anh 5, Nghe Tiếng Anh 6, Nói Tiếng Anh 1, Nói Tiếng Anh 2, Nói Tiếng Anh 3, Nói Tiếng Anh 4, Nói Tiếng Anh 5, Nói Tiếng Anh 6, Biên dịch Tiếng Anh 1, Phiên dịch Tiếng Anh 1, Biên dịch Tiếng Anh 2, Phiên dịch Tiếng Anh 2, Tiếng Trung Quốc 1, Tiếng Trung Quốc 2, Tiếng Trung Quốc 3	Kỳ 1 ÷ Kỳ 6	1 sinh viên/máy	
2	Máy tính để bàn dành cho học viên Model: i3-810	Việt Nam, 2019	50	Cái				
3	Máy chiếu đa năngModel: VL-3100	Trung Quốc, 2019	1	Cái				
4	Hệ thống âm thanh hỗ trợ Model: V - 100	Trung Quốc, 2019	1	Cái				
5	Hệ thống điều khiển và bàn lập trình, chuyển đổi tín hiệu vào/ra. Model: V-580AV	Trung Quốc, 2019	1	Cái				
6	Phần mềm multimedia dùng cho Giáo viên điều khiển và quản lý lớp học ngôn ngữ Model: VL-7200T,	Trung Quốc, 2019	1	Cái				
	Phòng thực hành ngoại ngữ số 2							
1	Máy tính để bàn dành cho giáo	Việt Nam,	1	Cái	Tiếng Anh tổng hợp,	Kỳ 2 ÷ Kỳ 8	1 sinh	

Danh mục hỗ trợ nghiên cứu, thực nghiệm, thực hành, thực tập, luyện tập					Học phần/môn học sử dụng	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Số người học/máy, thiết bị	Ghi chú
STT	**Tên gọi máy, thiết bị và mục đích sử dụng**	**Nước sản xuất**	**Số lượng**	**Đơn vị**				
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*
	viênModel: i3-8100,	2019			Nghe 1, Nghe 2, Nghe 3, Nghe Tiếng Anh 4, Nghe Tiếng Anh 5, Nghe Tiếng Anh 6, Nói Tiếng Anh 1, Nói Tiếng Anh 2, Nói Tiếng Anh 3, Nói Tiếng Anh 4, Nói Tiếng Anh 5, Nói Tiếng Anh 6, Biên dịch Tiếng Anh 1, Phiên dịch Tiếng Anh 1, Biên dịch Tiếng Anh 2, Phiên dịch Tiếng Anh 2, Tiếng Trung Quốc 1, Tiếng Trung Quốc 2, Tiếng Trung Quốc 3		viên/máy	
2	Máy tính để bàn dành cho học viên Model: i3-810	Việt Nam, 2019	50	Cái				
3	Máy chiếu đa năngModel: VL-3100	Trung Quốc, 2019	1	Cái				
4	Hệ thống âm thanh hỗ trợ Model: V - 100	Trung Quốc, 2019	1	Cái				
5	Hệ thống điều khiển và bàn lập trình, chuyển đổi tín hiệu vào/ra. Model: V-580AV	Trung Quốc, 2019	1	Cái				
6	Phần mềm multimedia dùng cho Giáo viên điều khiển và quản lý lớp học ngôn ngữ Model: VL-7200T,	Trung Quốc, 2019	1	Cái				
	Phòng thực hành ngoại ngữ số 3							
1	Máy tính để bàn dành cho giáo viênModel: i3-8100,	Việt Nam, 2019	1	Cái	Nghe Tiếng Anh 4, Nghe Tiếng Anh 5, Nghe Tiếng Anh 6, Nói Tiếng Anh 1,	Kỳ 2 ÷ Kỳ 8	1 sinh viên/máy	
2	Máy tính để bàn dành cho học viên	Việt Nam,	50	Cái				

Danh mục hỗ trợ nghiên cứu, thực nghiệm, thực hành, thực tập, luyện tập					Học phần/môn học sử dụng	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Số người học/máy, thiết bị	Ghi chú
STT	**Tên gọi máy, thiết bị và mục đích sử dụng**	**Nước sản xuất**	**Số lượng**	**Đơn vị**				
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*
	Model: i3-810	2019			Nói Tiếng Anh 2, Nói Tiếng Anh 3, Nói Tiếng Anh 4, Nói Tiếng Anh 5, Nói Tiếng Anh 6, Biên dịch Tiếng Anh 1, Phiên dịch Tiếng Anh 1, Biên dịch Tiếng Anh 2, Phiên dịch Tiếng Anh 2, Tiếng Trung Quốc 1, Tiếng Trung Quốc 2, Tiếng Trung Quốc 3			
3	Máy chiếu đa năngModel: VL-3100	Trung Quốc, 2019	1	Cái				
4	Hệ thống âm thanh hỗ trợ Model: V - 100	Trung Quốc, 2019	1	Cái				
5	Hệ thống điều khiển và bàn lập trình, chuyển đổi tín hiệu vào/ra. Model: V-580AV	Trung Quốc, 2019	1	Cái				
6	Phần mềm multimedia dùng cho Giáo viên điều khiển và quản lý lớp học ngôn ngữ Model: VL-7200T,	Trung Quốc, 2019	1	Cái				

5.2. Thư viện, giáo trình, sách, tài liệu tham khảo

a. Thư viện

Thư viện Trường ĐHSĐ có đủ nguồn thông tin tư liệu và phương tiện để sinh viên tìm hiểu, tra cứu khi thực hiện nghiên cứu và học tập như giáo trình, tài liệu học tập, tài liệu tham khảo, tạp chí khoa học trong và ngoài nước

Trung tâm thư viện diện tích trên 988 m^2 với gần 3.000 đầu sách tham khảo bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài; thư viện điện tử của Nhà trường (http://lib.saodo.edu.vn), được kết nối với cơ sở dữ liệu của Trung tâm kết nối Tri thức số hiện đã có 122 thư viện số của cơ sở giáo dục đại học kết nối chia sẻ tài nguyên (https://hub.idk.org.vn) giúp cho SV, học viên của trường tra cứu, sử dụng tài liệu để nghiên cứu và học tập.

Hàng năm Nhà trường đầu tư hàng trăm triệu đồng để mua bổ sung và cập nhật sách và tài liệu nhằm tăng số lượng đầu sách cho thư viện.

Những phòng nghiệp vụ chủ yếu gồm:

** Phòng đọc tài liệu điện tử:*

- Số lượng máy tính: 50 máy

- Mục đích sử dụng: đọc, nghiên cứu các loại tài liệu điện tử, khai thác các tài liệu điện tử trên mạng Internet, thực hành, mô phỏng các giải pháp qua các phần mềm đã được cài đặt. Thư viện điện tử có thể liên kết với các tài liệu đã được số hóa và các tài liệu của các cơ sở đào tạo cùng lĩnh vực, cùng chuyên ngành đào tạo trong và ngoài nước.

- Danh mục chi tiết các thiết bị được cho trong *(Bảng 12).*

Bảng 12. Trang thiết bị tại phòng đọc tài liệu điện tử

STT	Tên gọi của máy, thiết bị	Số lượng	Nước sản xuất	Ghi chú
1	Máy tính đồng bộ Fujitsu	120	ĐNA	
2	Máy sever Fujitsu RX600 S4	03	Đài loan	
3.	Wiless AIR - AP 1252 AG-A-K9	05	Đài loan	
4.	Swich quang: KATALIST WS-C3750 G	05	Đài loan	
5.	Swich quang: KATALIST CE 500	08	Đài loan	
Trang thiết bị phục vụ nghe, nhìn, đồng bộ khác...				

** Phòng đọc tài liệu tổng hợp*

- Mục đích sử dụng: đọc các loại tài liệu sách, giáo trình, báo, tạp chí.

- Các trang thiết bị chính: phòng đọc tài liệu tổng hợp với trên 3.000 đầu sách, báo, tạp chí khoa học, phục vụ đồng thời trên 200 chỗ đọc.

- Đối với giáo trình, sách tham khảo phục vụ các học phần/môn học của CTĐT từ xa ngành NNA dự kiến mở: trên cơ sở kế thừa các giáo trình, tài liệu học tập, sách tham khảo dành cho các học phần trong CTĐT từ xa ngành NNA và việc bổ sung hằng năm về tài liệu giáo trình, sách tham khảo của Nhà trường. Việc triển khai giảng dạy các môn học/học phần trong CTĐT từ xa ngành NNA dự kiến mở đảm bảo theo quy định *(Bảng 13)*.

** Phòng hội thảo khoa học*

- Số lượng phòng: 01.

- Mục đích sử dụng: báo cáo khoa học, hội thảo khoa học, bảo vệ Luận văn tốt nghiệp.

- Các trang thiết bị chính: máy chiếu đa năng, màn hình tinh thể lỏng, máy tính, ..

Để phục vụ hoạt động học tập thể chất, nhu cầu thể dục, thể thao, rèn luyện nâng cao sức khỏe cho viên chức, giảng viên, sinh viên. Nhà trường đầu tư xây dựng sân bóng đá cỏ nhân tạo với diện tích 3.300m^2, 02 sân bóng chuyền da, 03 sân bóng chuyền hơi, 03 sân cầu lông và 08 sân pickleball. Nhà thể thao đa năng với diện tích xây dựng 1.080m^2, được thiết kế 3 tầng với trang thiết bị, dụng cụ hiện đại phục vụ giảng dạy và luyện tập thể chất.

Như vậy, Trường ĐHSĐ có cơ sở vật chất, thiết bị, thư viện, giáo trình đáp ứng được yêu cầu giảng dạy, học tập, nghiên cứu theo yêu cầu của CTĐT từ xa ngành NNA đáp ứng yêu cầu về cơ sở vật chất, công nghệ học liệu theo quy định của chuẩn CTĐT theo lĩnh vực, nhóm ngành, ngành đào tạo theo quy định hiện hành.

b. Giáo trình, tài liệu học tập

Bảng 13. Thống kê các giáo trình/sách tham khảo để sử dụng/tham khảo cho các học phần thuộc CTĐT từ xa Ngành NNA

STT	Tên giáo trình/sách	Tác giả	NXB, năm, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng/tham khảo	Mã học phần	Thời gian sử dụng (Kỳ, năm)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Tài liệu học tập Triết học Mác - Lênin	ĐHSĐ	Lưu hành nội bộ, 2023	25	Triết học Mác - Lênin	CTRI 004	Kỳ 1	
2	Giáo trình những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin	BGDĐT	Chính trị quốc gia, 2009, Việt Nam	15				
3	Tài liệu học tập Kinh tế chính trị Mác - Lênin	ĐHSĐ	Lưu hành nội bộ, 2023	25	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	CTRI 002	Kỳ 2	
4	Giáo trình Kinh tế chính trị Mác - Lênin	BGDĐT	Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2021	15				
5	Toàn tập, Tập 12, 18, 23, 25	C.Mác - Ph. Ăngghen	Chính trị quốc gia, 1995, Việt Nam	15				
6	Toàn tập, Tập 27	V.I. Lênin	Chính trị quốc gia, 1995, Việt Nam	15				
7	Tài liệu học tập Chủ nghĩa xã hội Khoa học	ĐHSĐ	Lưu hành nội bộ, 2023	25	Chủ nghĩa xã hội khoa học	CTRI 001	Kỳ 3	
8	Giáo trình đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	BGDĐT	Chính trị Quốc gia, 2009, Việt Nam	15				
9	Lịch sử Đảng cộng sảnViệt Nam	ĐHSĐ	Lưu hành nội bộ, 2023	25	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	CTRI 003	Kỳ 4	
10	Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	BGDĐT	Chính trị Quốc gia Sự thật, 2021, Việt Nam	15				
11	Giáo trình Đường lối cách mạng của Đảng Cộng Việt Nam	BGDĐT	Chính trị Quốc gia, 2018, Việt Nam	15				
12	Văn kiện Đại hội Đảng thời kỳ đổi	Đảng Cộng	Chính trị Quốc gia,	15				

STT	Tên giáo trình/sách	Tác giả	NXB, năm, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng/tham khảo	Mã học phần	Thời gian sử dụng (Kỳ, năm)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
	mới và hội nhập (Đại hội VI, VII, VIII, IX, X)	sản Việt Nam	2008, Việt Nam					
13	Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XI	Đảng Cộng sản Việt Nam	Chính trị Quốc gia, 2011, Việt Nam	15				
14	Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII	Đảng Cộng sản Việt Nam	Chính trị Quốc gia, 2016, Việt Nam	15				
15	Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII	Đảng Cộng sản Việt Nam	Chính trị Quốc gia, 2021, Việt Nam	15				
16	Tài liệu học tập Tư tưởng Hồ Chí Minh	ĐHSĐ	Lưu hành nội bộ, 2023	25	Tư tưởng Hồ Chí Minh	CTRI 005	Kỳ 3	
17	Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh	BGDĐT	Chính trị quốc gia, 2009, Việt Nam	15				
18	Giáo trình Từ Việt và Tiếng Việt thực hành	Lã Thị Bắc Lý, Phan Hồng Xuân, Nguyễn Thu Nga	Đại học Sư phạm,	20	Từ vựng và ngữ pháp tiếng Việt	KHXH 014	Kỳ 1	
19	Từ vựng học tiếng Việt	Nguyễn Thiện Giáp	Giáo dục, 2016, Việt Nam	15				
20	Cơ sở văn hóa Việt Nam	Trần Ngọc Thêm	Giáo dục, 2000, Việt Nam	20	Cơ sở văn hóa Việt Nam	VNH 001	Kỳ 1	
21	Tìm về bản sắn văn hóa Việt Nam	Trần Ngọc Thêm	Giáo dục, 2006, Việt Nam	15				
22	Cơ sở văn hóa Việt Nam	Trần Quốc Vượng	Giáo dục, 2006, Việt Nam	15				
23	Tài liệu học tập Pháp luật đại cương	ĐHSĐ	Lưu hành nội bộ, 2023	25	Pháp luật đại cương	KHXH 006	Kỳ 3	

STT	Tên giáo trình/sách	Tác giả	NXB, năm, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng/tham khảo	Mã học phần	Thời gian sử dụng (Kỳ, năm)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
24	Giáo trình Nhà nước và pháp luật	Nguyễn Cửu Việt	ĐHQG, 2004, Việt Nam	15				
25	Giáo trình Phương pháp nghiên cứu khoa học	ĐHSĐ	Lưu hành nội bộ, 2020	25	Phương pháp nghiên cứu khoa học	KHXH007	Kỳ 3	
26	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	Vũ Cao Đàm	Giáo dục, 2009, Việt Nam	25				
27	Tài liệu học tập Tin học đại cương	ĐHSĐ	Lưu hành nội bộ, 2023	25	Tin học cơ bản và chuyển đổi số	SP 006	Kỳ 4	
28	Giáo trình Tin học cơ bản	Nguyễn Việt Hương	Lao động - Xã hội, 2007	15				
29	Sổ tay học nhanh phím nóng trên máy tính	Thanh Hải	Hồng Đức, 2008, Việt Nam	15				
30	Soạn thảo văn bản trong Microsoft Offce Word 2003	Trần Hải Long	Thống kê, 2007, Việt Nam	15				
31	Thực hành Excel 2007	Thanh Hải	Hồng Đức, 2008, Việt Nam	15				
32	Thuật và xử lý sự cố trong Microsoft Windows XP	Nguyễn Thanh Hải	Văn hóa thông tin, 2008, Việt Nam	15				
33	20 bài thực hành Power Point 2007	Công Tuân	Văn hóa thông tin, 2008, Việt Nam	15				
34	Tài liệu học tập Kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm	ĐHSĐ	Lưu hành nội bộ, 2023	25	Kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm	KNM 005	Kỳ 2	
35	Nghệ thuật nói trước công chúng	Nguyễn Hiến Lê	Văn hóa Thông tin, 2006, Việt Nam	15				
36	Rèn luyện kỹ năng nói, giao tiếp và thuyết trình cho cán bộ đoàn thanh	Trần Văn Trung	Chính trị Quốc gia, 2010, Việt Nam	15				

STT	Tên giáo trình/sách	Tác giả	NXB, năm, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng/tham khảo	Mã học phần	Thời gian sử dụng (Kỳ, năm)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
	niên							
37	Kỹ năng quản trò & 325 trò chơi tập thể thanh thiếu niên	Trần Hoàng Trung	Văn hóa Thông tin, 2009, Việt Nam	15				
38	8 kỹ năng mềm thiết yếu chìa khóa đến thành công	Trần Thượng Tuấn, Nguyễn Minh Huy	Lao động, 2017, Việt Nam	15				
39	Tài liệu học tập Giáo dục thể chất	ĐHSĐ	Lưu hành nội bộ, 2023	25	Giáo dục thể chất	GDTC	Kỳ 2	
40	Giáo trình giảng dạy môn bóng đá	ĐHSĐ	Lưu hành nội bộ, 2023 Việt Nam	25				
41	GT giảng dạy môn cầu lông	ĐHSĐ	Lưu hành nội bộ, 2023 Việt Nam	25				
42	Tài liệu học tập bóng chuyền hơi	ĐHSĐ	Lưu hành nội bộ, 2023	25	Bóng chuyền hơi			
43	Giáo trình bóng chuyền	Đinh Văn Lẫm	Thể dục thể thao, 2006, Việt Nam	10				
44	Luật bóng chuyền hơi	Tổng cục TDTT	Thể thao và Du lịch, 2018, Việt Nam	10				
45	Giáo trình khiêu vũ thể thao	Nguyễn Kim Quỳnh	Đại học Quốc gia, 2019, Việt Nam	10	Kiêu vũ			
46	Luật thi đấu môn Khiêu vũ thể thao	Tổng cục Thể dục thể thao	Thể dục thể thao, 2015, Việt Nam	10				
47	Tài liệu học tập Giáo dục quốc phòng - an ninh	ĐHSĐ	Lưu hành nội bộ, 2023	25	Giáo dục quốc phòng và an ninh	GDQP	Kỳ 1, Kỳ 2	
48	Giáo trình quốc phòng - An ninh Tập	Bộ giáo dục	Giáo dục, 2009,	15				

STT	Tên giáo trình/sách	Tác giả	NXB, năm, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng/tham khảo	Mã học phần	Thời gian sử dụng (Kỳ, năm)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
	1	đào tạo -Bộ quốc phòng	Việt Nam					
49	Giáo trình quốc phòng - An ninh Tập 2		Giáo dục, 2009, Việt Nam	15				
50	Giáo trình giáo dục quốc phòng - an ninh, tập 1	Bộ giáo dục đào tạo -Bộ quốc phòng	Lưu hành nội bộ, 2013	25				
51	Giáo trình giáo dục quốc phòng - an ninh, tập 2	Bộ giáo dục đào tạo -Bộ quốc phòng	Lưu hành nội bộ, 2013	25				
52	Kiểm tra đánh giá trong giáo dục	Nguyễn Công Khanh (chủ biên)	Đại học Sư phạm, 2019, Việt Nam	10				
53	Giáo trình Hán ngữ (Tập 1 - Quyển thượng)	Dương Ký Châu	Đại học Ngôn ngữ Bắc Kinh, 2019, Trung Quốc	15	Tiếng Trung Quốc 1	SPTQ 005	Kỳ 2	
54	Giáo trình 345 câu khẩu ngữ tiếng Hán tập 1	Trần Hiền Thuần	Đại học Quốc gia, 2009, Việt Nam	15				
55	Giáo trình 345 câu khẩu ngữ tiếng Hán tập 2	Trần Hiền Thuần	Đại học Quốc gia Hà Nội, 2009, Việt Nam	15				
56	Giáo trình Hán ngữ (Tập 1 - Quyển hạ)	Dương Ký Châu	Đại học Ngôn ngữ Bắc Kinh, 2019, Trung Quốc	15	Tiếng Trung Quốc 2	SPTQ 006	Kỳ 3	
57	Giáo trình 345 câu khẩu ngữ tiếng Hán tập 1	Trần Hiền Thuần	Đại học Quốc gia Hà Nội, 2009, Việt	15				

STT	Tên giáo trình/sách	Tác giả	NXB, năm, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng/tham khảo	Mã học phần	Thời gian sử dụng (Kỳ, năm)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
			Nam					
58	Giáo trình 345 câu khẩu ngữ tiếng Hán tập 2	Trần Hiền Thuần	Đại học Quốc gia Hà Nội, 2009, Việt Nam	15				
59	Giáo trình 345 câu khẩu ngữ tiếng Hán tập 3	Trần Hiền Thuần	Đại học Quốc gia Hà Nội, 2014, Việt Nam	15				
60	Giáo trình Hán ngữ (Tập 1 - Quyển hạ)	Dương Ký Châu	Đại học Ngôn ngữ Bắc Kinh, 2019, Trung Quốc	15				
61	Giáo trình Hán ngữ (Tập 2 - Quyển thượng)	Dương Ký Châu	Đại học Ngôn ngữ Bắc Kinh, 2018, Trung Quốc	15	Tiếng Trung Quốc 3	SPTQ 007	Kỳ 4	
62	Giáo trình 345 câu khẩu ngữ tiếng Hán tập 2	Trần Hiền Thuần	Đại học Quốc gia Hà Nội, 2009, Việt Nam	15				
63	Giáo trình 345 câu khẩu ngữ tiếng Hán tập 3	Trần Hiền Thuần	Đại học Quốc gia Hà Nội, 2014, Việt Nam	15				
64	Giáo trình 345 câu khẩu ngữ tiếng Hán tập 4	Trần Hiền Thuần	Đại học Quốc gia Hà Nội, 2014, Việt Nam	15				
65	English Pronunciation in Use, Intermediate	Jonathan Marks	Cambridge University Press, 2007		Ngữ âm	NNA 003	Kỳ 3	
66	English Phonetics and Phonology	Peter Roach	Cambridge					

STT	Tên giáo trình/sách	Tác giả	NXB, năm, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng/tham khảo	Mã học phần	Thời gian sử dụng (Kỳ, năm)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
			University Press, 2000					
67	Ngữ nghĩa học Tiếng Anh English semantics	Tô Minh Thanh	Đại học Quốc gia Hồ Chí Minh, Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, 2007, Việt Nam		Ngữ nghĩa	NNA 004	Kỳ 6	
68	Understanding English Semantics.	Nguyễn Hòa	NXB Đại học Quốc gia, 2004, VIệt Nam					
69	Semantics a coursebook.	James R.Hurford	Cambrigde University Press., 2007					
70	A University Grammar of English	Quirk, R. and Greenbaum	London: Longman 1973		Ngữ pháp học	NNA 005	Kỳ 5	
71	A University Grammar of English	Quirk, R. and Greenbaum	London: Longman 1973					
72	Từ vựng	ĐHSĐ	Lưu hành nội bộ, 2024		Từ vựng	NNA 006	Kỳ 4	
73	English vocabulary in use - Pre-intermediate & intermediate	Stuart Redman	Cambridge university press, 2004					
74	Academic vocabulary in use	Michael Mc Carthy & Felicity O' Dell	Cambridge university press, 2016					

STT	Tên giáo trình/sách	Tác giả	NXB, năm, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng/tham khảo	Mã học phần	Thời gian sử dụng (Kỳ, năm)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
75	Words about words. An introduction to English Lexicology	Loredana Punga	Cambridge university press, 2007					
76	Giao thoa văn hoá	ĐHSĐ	Lưu hành nội bộ, 2024		Giao thoa văn hoá	NNA 002	Kỳ 6	
77	Introduction to cross cultural communication.	Giáo trình nội bộ	trường ĐHNN-ĐHQG Hà Nội, 2006					
78	Một số vấn đề giao tiếp và giao tiếp giao văn hóa	Nguyễn Quang	Trường ĐHNN-ĐHQG Hà Nội, 2001					
79	Basic Tactics for listening	Jack C.Richards	Oxford University 2003		Nghe 1	NNA 066	Kỳ 1	
80	Listen carefully	Jack C. Richards	Oxford University Press 2008					
81	Speak now 1	Jack C. Richards, David Bohlke	Oxford university press, 2012		Nói 1	NNA 072	Kỳ 1	
82	Real listening and speaking 1	Miles Craven	Cambridge university press, 2008					
83	Let’s Talk 1	Leo Jones	Cambridge university press, 2010					

STT	Tên giáo trình/sách	Tác giả	NXB, năm, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng/tham khảo	Mã học phần	Thời gian sử dụng (Kỳ, năm)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
84	Active Skills for Reading Intro	Neil J Anderson	National geographic learning, 2003, Mỹ		Đọc 1	NNA 060	Kỳ 1	
85	Reading Focus,		University of Languages and International Studies.					
86	Facts and Figures		Heinle and Heinle Publishers, 1994					
87	Great writing 1	Keith S. Folse, April Muchmore-Vokoun, Elena Vestri	National geographic learning, 2020		Viết 1	NNA 080	Kỳ 1	
88	Understanding and using English grammar	Betty schrampfer Azar	Longman, 2002					
89	Introduction to Academic Writing. (3rd edition)	Alice Oshima & Ann Hogue	Longman, 2007					
90	Basic tactics for listening	Jack C. Richards	Oxford University Press, 2003		Nghe 2	NNA 067	Kỳ 2	
91	Boost Listening 2	Rason Renshaw	Pearson Longman Asia ELT, 2008					
92	Speak now 2	Jack C. Richards, David Bohlke,	Oxford university press, 2012		Nói 2	NNA 073	Kỳ 2	

STT	Tên giáo trình/sách	Tác giả	NXB, năm, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng/tham khảo	Mã học phần	Thời gian sử dụng (Kỳ, năm)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
93	Let's Talk 2	Leo Jones	Cambridge University Press, 2010					
94	Interchange 2 (Fourth Edition)	Jack C. Richards	Cambridge University Press, 2012					
95	Active skills for reading 1	Neil J Anderson	National geographic learning, 2003, Mỹ		Đọc 2	NNA 061	Kỳ2	
96	Interactions 1-Reading,.	Elain Kirn and Pamela Hartmann	Mosaic Silver Edition, 2004					
97	Great writing 2	Keith S. Folse, April Muchmore - Vokoun & Elena Vestri Solomon	National geographic learning, 2020		Viết 2	NNA 081	Kỳ 2	
98	Introduction to Academic Writing	Alice Oshima & Ann Hogue	Longman edition, 1996					
99	First steps in acedamic wrting second edition,	An Hogue	Longman edition, 2008					
100	Tactics for listening - developing pack A	Jack C. Richards	Oxford university press, 2005		Nghe 3	NNA 068	Kỳ 3	

STT	Tên giáo trình/sách	Tác giả	NXB, năm, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng/tham khảo	Mã học phần	Thời gian sử dụng (Kỳ, năm)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
101	Expanding tactics for listening	Jack C. Richards	Oxford university press, 2005					
102	Cambridge preliminary English test 4	University of Cambridge	Cambridge university press, 2003					
103	Speak Now 3	Jack C. Richards and David Bohlke	Oxford University Press. 2020		Nói 3	NNA 074	Kỳ 3	
104	Speaking for IELTS	Karen Kovacs	Harper Collins Publishers, 2019					
105	Active skills for reading 2	Neil J. Anderson	National geographic learning, 2013		Đọc 3	NNA 062	Kỳ 3	
106	Luyện kỹ năng đọc hiểu tiếng Anh	The Windy	NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2011					
107	Get Ready for IELTS	Els Van Geyte	NXB Tổng hợp TP.HCM, 2013					
108	Great writing 3	Keith S. Folse, Elena Vestri, David Clabeaux	National geographic learning, 2020		Viết 3	NNA 082	Kỳ 3	
109	Understanding and using English grammar	Betty Schrampfer Azar	Longman					
110	Writing Academic English	Alice Oshima, Ann Hogue	Pearson Longman, 1998					

STT	Tên giáo trình/sách	Tác giả	NXB, năm, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng/tham khảo	Mã học phần	Thời gian sử dụng (Kỳ, năm)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
111	Developing tactics for listening	Jack C. Richards,	Oxford press 2005		Nghe 4	NNA 069	Kỳ 4	
112	In	David Nunan	Seng Lee Press 2002					
113	Speak Now 4	Mari Vargo	Oxford university press, 2013		Nói 4	NNA 075	Kỳ 4	
114	Speaking for IELTS	Karen Kovacs	HarperCollins Publishers, 2019					
115	Active skills for reading 3	Neil J Anderson	National geographic learning, 2003, Mỹ		Đọc 4	NNA 063	Kỳ 4	
116	Mosaic 2 Reading-	Brenda Wegmann, Miki Knezevic	MC Graw-Hill, 2008					
117	Reading Focus		University of Languages and International Studies.					
118	Great writing 4 - 5th edition	Keith S. Folse, Elena Vestri, David Clabeaux	National geographic learning, 2020		Viết 4	NNA 083	Kỳ 4	
119	Great writing 4 - 4th edition	Keith S. Folse, Elena Vestri, David Clabeaux	National geographic learning, 2020					

STT	Tên giáo trình/sách	Tác giả	NXB, năm, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng/tham khảo	Mã học phần	Thời gian sử dụng (Kỳ, năm)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
120	Grammar for great writing C	Keith S.Folse, Lida Baker, Robyn Brinks Lockwood, and Kristin Donnalley Sherman	National geographic learning, 2020					
121	Get ready for IELTS Listening	Jane short	Nhà xuất bản Tổng hợp TP.HCM 2013		Nghe 5	NNA 070	Kỳ 5	
122	Taking the Toeic skills and strategies	Peggy Anderson, Mary Katherine	First news. 2010					
123	Get ready for Ielts- speaking	Rhona Snelling	Harper Collins Publishers, 2017		Nói 5	NNA 076	Kỳ 5	
124	For and Against: An Oral Practice Book	L.G. Alexander	Longman Singapore Publishers, 2005					
125	Get ready for IELTS	Els Van Geyte	NXB Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh, 2013, Việt Nam		Đọc 5	NNA 064	Kỳ 5	
126	Reading for IELTS	Els Van Geyte	Nhà xuất bản Collins, 2013					
127	The Official Cambridge Guide to IELTS	Pauline Cullen,	Cambridge University Press,					

STT	Tên giáo trình/sách	Tác giả	NXB, năm, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng/tham khảo	Mã học phần	Thời gian sử dụng (Kỳ, năm)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
		Amanda French, Vanessa Jakeman	2014					
128	Writing for IELTS	Fiona Aish & Jo Tomlinson	NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, 2020		Viết 5	NNA 084	Kỳ 5	
129	Effective Academic Writing 3	Alice Savage & Masoud Shafiei	Oxford University Press, 2007					
130	Great writing	Keith S. Folse Tison Pugh	National geographic learning, 2019					
131	Listening for IELTS	Fiona Aish & Jo Tomlinson	. Nhà xuất bản Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, 2019		Nghe 6	NNA 071	Kỳ 6	
132	Taking the TOEIC: Skills and Strategies	Peggy Anderson, Mary Katherine, Wendi Shin	First News, 2010					
133	Collins Get Ready for IELTS: Listening, Reading, Writing, Speaking	Ria Patel, Irina Alexe	HarperCollins, 2017					
134	Speaking for IELTS	Karen Kovacs	Harper Collins 2019		Nói 6	NNA 077	Kỳ 6	

STT	Tên giáo trình/sách	Tác giả	NXB, năm, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng/tham khảo	Mã học phần	Thời gian sử dụng (Kỳ, năm)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
135	IELT speaking	Andrew Guilfoyle	Bookman Publishers 2013					
136	Reading for IELTS	Els Van Geyte	Harper Collins Publishers, 2013		Đọc 6	NNA 064	Kỳ 6	
137	The Oficial Cambridge Guide to IELTS	Pauline Cullen, Amanda French, Vanessa Jakeman	Cambridge University Press, 2014					
138	Writing for IELTS	Anneli Williams	Harper Collins 2019		Viết 6	NNA 085	Kỳ 6	
139	Introduction to Academic Writing	Alice Oshima & Ann Hogue	Longman edition, 1996					
140	Great writing 1	Keith S. Folse, April Muchmore - Vokoun & Elena Vestri Solomon	International student edition					
141	Top Notch 1	Joan Saslow and Allen Ascher	Longman Pearson, 2015		Tiếng Anh tổng hợp	NNA 056	Kỳ 1	
142	English Grammar in Use	Raymond Murphy	Cambridge Press, 1985					

STT	Tên giáo trình/sách	Tác giả	NXB, năm, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng/tham khảo	Mã học phần	Thời gian sử dụng (Kỳ, năm)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
143	Biên dịch 1	ĐHSĐ	Lưu hành nội bộ, 2022		Biên dịch 1	NNA 058	Kỳ 5	
144	Luyện dịch Việt - Anh	Minh Thu - Nguyễn Hòa	NXB Đại học quốc gia Hà Nội, 2003					
145	Hướng dẫn dịch và đọc báo chí Anh - Việt	Minh Thu - Nguyễn Hòa	NXB Đại học quốc gia Hà Nội, 2003					
146	Phiên dịch và Biên dịch 2	Nguyễn Đức Châu	Nhà xuất bản Thanh Niên, 2008, Việt Nam		Biên dịch 2	NNA 059	Kỳ 6	
147	Luyện dịch Việt-Anh, quyển 3.	Hồ Văn Hà	NXB Đà Nẵng, 2003					
148	Hướng dẫn dịch và đọc báo chí Anh-Việt		http://share-book.com/ebook.					
149	Hướng dẫn kỹ thuật Phiên dịch Anh - Việt, Việt - Anh	Nguyễn Quốc Hùng	2007, NXB Tổng Hợp Thành Phố Hồ Chí Minh		Phiên dịch 1	NNA 078	Kỳ 5	
150	Interpreting and Translation	Bùi Tiến Thảo & Đặng Xuân Thu	Trường Đại Học Ngoại Ngữ Hà Nội, 1997					
151	Phiên dịch & biên dịch 2	Nguyễn Đức Châu	NXB Thanh Niên, 2019		Phiên dịch 2	NNA 079	Kỳ 6	
152	Phiên dịch & biên dịch thương mại 2	Nguyễn Đức Châu & Trần Túy Nga	2019, NXB Thanh Niên					
153	Discourse analysis	Bùi Diễm Hạnh Ph.D và	VNU-HCM Press, 2019		Phân tích diễn ngôn	NNA 028	Kỳ 7	

STT	Tên giáo trình/sách	Tác giả	NXB, năm, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng/tham khảo	Mã học phần	Thời gian sử dụng (Kỳ, năm)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
		Trương Văn Anh M.A						
154	Discourse analysis	Gillian Brown, George Yule	Cambridge textbooks in linguistics, 1988					
155	Ngôn ngữ học đối chiếu	Bùi Mạnh Hùng	Nhà xuất bản Giáo dục, 2008, Việt Nam		Ngôn ngữ học đối chiếu Việt Anh	NNA 022	Kỳ 7	
156	Contrastive Analysis	Carl James	Longman Press, 1980					
157	Nghiên cứu đối chiếu các ngôn ngữ	Lê Quang Thiêm	NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2004					
158	English for presentations	Marion Grussendorf	Oxford university press, 2012		Kỹ năng thuyết trình tiếng Anh	NNA 016	Kỳ 7	
159	Presentations in English	Erica J. Williams	Macmillan, 2012					
160	Luyện dịch tiếng Anh thương mại quyển 3	Nguyễn Thành Yến	NXB Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2010		Thực hành biên dịch doanh nghiệp	NNA 050	Kỳ 8	
161	Luyện dịch Anh - Việt, Việt - Anh	Lê Huy Lâm, Trương Hoàng Duy, Phạm Văn Thuận	NXB Tổng hợp TP.HCM, 2009					
162	Thực hành phiên dịch doanh nghiệp	Đại học Sao Đỏ	Lưu hành nội bộ, 2025		Thực hành phiên dịch doanh nghiệp	NNA 051	Kỳ 8	

STT	Tên giáo trình/sách	Tác giả	NXB, năm, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng/tham khảo	Mã học phần	Thời gian sử dụng (Kỳ, năm)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
163	Kỹ năng giao tiếp trong kinh doanh	Nguyễn Thị Hường	NXB Lao động xã hội, 2021, Việt Nam.		Trải nghiệm doanh nghiệp	NNA 408		
164	Kỹ năng mềm dành cho sinh viên và người đi làm,	Nguyễn Văn Lê	NXB Đại học Quốc gia TP Hồ Chí Minh, 2020, Việt Nam					
165	Văn hóa doanh nghiệp trong thời kỳ hội nhập	Phạm Thành Nghị	NXB Chính trị Quốc gia, 2019, Việt Nam					
166	Kỹ năng dịch thuật cơ bản	Lê Thị Bích Ngọc	NXB GD Việt Nam, 2022, Việt nam					
167	Phương pháp giảng dạy tiếng Anh	ĐHSĐ	Lưu hành nội bộ, 2024		Phương pháp giảng dạy tiếng Anh	NNA 406	Kỳ 7	
168	Teaching oral English, (2nd edition)	D. Byrne	Longman Press, 1986.					
169	A training course for TEFL	P. Hubbard et al	Oxford University Press, 1983					
170	Career paths hotels & catering	Virginia Evans, Jenny Dooley, Veronica Garza	Express publishing, 2012		Tiếng Anh Du lịch khách sạn	NNA 057	Kỳ 7	
171	Everyday English for hospitality	Lawrence J.	Oxford University					

STT	Tên giáo trình/sách	Tác giả	NXB, năm, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng/tham khảo	Mã học phần	Thời gian sử dụng (Kỳ, năm)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
	professionals	Zwier, Nigel Captalan	Press, 2007					
172	Career paths tourism	Virginia Evans, Jenny Dooley, Veronica Garza	Express publishing, 2011					
173	Giáo trình Biên dịch và phiên dịch tiếng Anh.	Dương Ngọc Dũng	NXB ĐHQG Thành phố Hồ Chí Minh 2014		Phiên dịch nâng cao	NNA 405	Kỳ 7	
174	Giáo trình Biên dịch và phiên dịch tiếng Anh.	Dương Ngọc Dũng	NXB ĐHQG Thành phố Hồ Chí Minh 2014					
175	Tài liệu học tập Biên dịch nâng cao	ĐHSĐ	Lưu hành nội bộ, 2025		Biên dịch nâng cao	NNA 404	Kỳ 7	
176	Luyện kỹ năng dịch tiếng Anh báo chí	Đức Tín	NXB Dân Trí, 2018					
177	Tự học phiên dịch Việt - Anh, Anh - Việt	Lê Tôn Hiến	NXB Hồng Đức, 2016					
178	Bussiness English	John Taylor, Jeff Zeter	Express publishing, 2011		Tiếng Anh doanh nghiệp	NNA 407	Kỳ 7	
179	Upper intermediate business English practice file - New edition Market leader, Oxford university.	John Rogers	New edition Market leader, Oxford university, 2006					

5.3. Học liệu

a. Học liệu hiện có tại trường Đại học Sao Đỏ

Website học trực tuyến tại Trường Đại học Sao Đỏ được phát triển liên tục từ năm 2020 đến nay tại địa chỉ htttps://Elearning.saodo.edu.vn, egov.saodo.edu.vn, daotao.saodo.edu.vn. Số học liệu đã được xây dựng phục vụ dạy - học trực tuyến cho các ngành đến nay đạt khoảng trên 50% tổng số học phần. Hiện nay, các học liệu đang được tiếp tục tiến hành xây dựng với các để đảm bảo việc tổ chức đào tạo từ xa hiệu quả.

Từ nhiều năm nay, một số học phần đã được nhà trường cho phép tiến hành triển khai đào tạo trực tuyến hoặc kết hợp giữa đào tạo truyền thống và một phần trực tuyến. Chất lượng đào tạo của các học phần luôn được đảm bảo.

b. Kế hoạch xây dựng học liệu

Đã hoàn thành 28 bộ học liệu dùng cho các học phần của 2 năm đầu trong CTĐT từ xa ngành Ngôn ngữ Anh trình độ đại học (Bảng 14).

Có kế hoạch xây dựng và phát triển học liệu chính và học liệu bổ trợ cho các học phần còn lại cho các năm học tiếp theo của toàn khóa học để chậm nhất trước 01 năm (12 tháng) tính đến thời tính đến thời điểm bắt đầu diễn ra năm học mới phải có đầy đủ học liệu phù hợp với phương thức đào tạo từ xa.

Học liệu của các ngành đào tạo theo phương thức từ xa được thiết kế dựa trên học liệu chuẩn của chương trình đào tạo hệ chính quy của Trường Đại học Sao Đỏ.

Để đảm bảo yêu cầu về học liệu ĐTTX theo quy định, Học liệu của các ngành đào tạo theo phương thức từ xa được thiết kế dựa trên học liệu chuẩn của chương trình đào tạo hệ chính quy của Trường Đại học Sao Đỏ. Tài liệu học tập, học liệu đào tạo từ xa có thể truyền tải trên mạng như một giáo trình điện tử. Học liệu của chương trình được sử dụng để hỗ trợ các giảng viên và người học dưới nhiều dạng khác nhau và được truyền tải trên nhiều phương tiện tùy theo nhu cầu của người học: sách, tài liệu in ấn, tài liệu đa phương tiện, USB, qua mạng, các thiết bị cầm tay,…

Học liệu cho người tự học được xây dựng theo tiêu chuẩn học liệu tự học và được phát triển thành học liệu đa phương tiện, nhằm mục đích hỗ trợ tối đa cho người học theo phương thức tự học là chính, và đảm bảo khả năng liên thông giữa các trường trong và ngoài nước. Việc lựa chọn xây dựng học liệu có sự tham gia của Phòng Đào tạo và Tuyển sinh, các Khoa, Bộ môn chuyên môn, các giảng viên đã được tập huấn về ĐTTX.

c. Bộ sản phẩm học liệu số cho các học phần trực tuyến

Bộ sản phẩm học liệu số cho các học phần trực tuyến bao gồm các mục sau:

(1) Đề cương chi tiết học phần
(2) Bộ Slide bài giảng toàn bộ học phần
(3) Bộ video bài giảng
(4) Bộ câu hỏi kết thúc học phần
(5) Bộ tài liệu học tập, tài liệu tham khảo được số hóa (tài liệu dạng PDF, video...)

Bảng 14. Danh sách bộ học liệu điện tử dùng cho chương trình đào tạo từ xa trình độ đại học ngành Ngôn ngữ Anh

TT	Tên bộ học liệu	Dùng cho học phần	Số TC	Bộ môn quản lý	Khoa quản lý
1.	Triết học Mác - Lênin	Triết học Mác - Lênin	3	Giáo dục chính trị	Luật và Giáo dục đại cương
2.	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	Giáo dục chính trị	Luật và Giáo dục đại cương
3.	Tin học cơ bản	Tin học cơ bản	3	Công nghệ thông tin	Công nghệ thông tin
4.	Pháp luật đại cương	Pháp luật đại cương	2	Giáo dục chính trị	Luật và Giáo dục đại cương
5.	Kỹ năng mềm	Kỹ năng mềm	2	Giáo dục chính trị	Luật và Giáo dục đại cương
6.	Tiếng Trung Quốc 1	Tiếng Trung Quốc 1	2	Tiếng Trung	Du lịch và Ngoại ngữ
7.	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	Giáo dục chính trị	Luật và Giáo dục đại cương
8.	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	Giáo dục chính trị	Luật và Giáo dục đại cương
9.	Dẫn luận ngôn ngữ	Dẫn luận ngôn ngữ	2	Du lịch	Du lịch và Ngoại ngữ
10.	Tiếng Trung Quốc 2	Tiếng Trung Quốc 2	3	Tiếng Trung	Du lịch và Ngoại ngữ
11.	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	Giáo dục chính trị	Luật và Giáo dục đại cương
12.	Nghe tiếng Anh 1	Nghe tiếng Anh 1	2	Tiếng Anh	Du lịch và Ngoại ngữ
13.	Nói Tiếng Anh 1	Nói Tiếng Anh 1	2	Tiếng Anh	Du lịch và Ngoại ngữ
14.	Đọc tiếng Anh 1	Đọc tiếng Anh 1	2	Tiếng Anh	Du lịch và Ngoại ngữ
15.	Viết tiếng Anh 1	Viết tiếng Anh 1	2	Tiếng Anh	Du lịch và Ngoại ngữ
16.	Tiếng Anh tổng hợp	Tiếng Anh tổng hợp	3	Tiếng Anh	Du lịch và Ngoại ngữ
17.	Nghe tiếng Anh 2	Nghe tiếng Anh 2	2	Tiếng Anh	Du lịch và Ngoại ngữ
18.	Nói Tiếng Anh 2	Nói Tiếng Anh 2	2	Tiếng Anh	Du lịch và Ngoại ngữ
19.	Đọc tiếng Anh 2	Đọc tiếng Anh 2	2	Tiếng Anh	Du lịch và

TT	Tên bộ học liệu	Dùng cho học phần	Số TC	Bộ môn quản lý	Khoa quản lý
					Ngoại ngữ
20.	Viết tiếng Anh 2	Viết tiếng Anh 2	2	Tiếng Anh	Du lịch và Ngoại ngữ
21.	Nghe tiếng Anh 3	Nghe tiếng Anh 3	2	Tiếng Anh	Du lịch và Ngoại ngữ
22.	Nói Tiếng Anh 3	Nói Tiếng Anh 3	2	Tiếng Anh	Du lịch và Ngoại ngữ
23.	Đọc tiếng Anh 3	Đọc tiếng Anh 3	2	Tiếng Anh	Du lịch và Ngoại ngữ
24.	Viết tiếng Anh 3	Viết tiếng Anh 3	2	Tiếng Anh	Du lịch và Ngoại ngữ
25.	Nghe tiếng Anh 4	Nghe tiếng Anh 4	2	Tiếng Anh	Du lịch và Ngoại ngữ
26.	Nói Tiếng Anh 4	Nói Tiếng Anh 4	2	Tiếng Anh	Du lịch và Ngoại ngữ
27.	Đọc tiếng Anh 4	Đọc tiếng Anh 4	2	Tiếng Anh	Du lịch và Ngoại ngữ
28.	Viết tiếng Anh 4	Viết tiếng Anh 4	2	Tiếng Anh	Du lịch và Ngoại ngữ

6. ĐIỀU KIỆN VỀ TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ CTĐT TỪ XA NGÀNH NGÔN NGỮ ANH

6.1. Mô tả tổng quan hệ thống đào tạo từ xa

Hệ thống ĐTTX của Trường Đại học Sao Đỏ gồm tổng thể các thành phần:

(1) Bộ phận phụ trách tổ chức và quản lý đào tạo;
(2) Các văn bản quy định về ĐTTX
(3) Chương trình ĐTTX
(4) Học liệu ĐTTX
(5) Đội ngũ giảng viên, cán bộ hỗ trợ học tập, cán bộ quản lý;
(6) Hệ thống quản lý giảng dạy - học tập từ xa;
(7) Hệ thống kiểm tra, đánh giá;
(8) Hệ thống kỹ thuật hỗ trợ.

6.2. Quy chế đào tạo từ xa của Trường Đại học Sao Đỏ

Trường đã tổ chức xây dựng và ban hành Quy chế tuyển sinh và ĐTTX trình độ đại học, được ban hành kèm theo Quyết định số 598 ngày 07/11/2024 của Trường Đại học Sao Đỏ.

Quy chế ĐTTX trình độ đại học của Nhà trường được ban hành đảm bảo các quy định tại Quy chế ĐTTX trình độ đại học của Bộ Giáo dục và Đào tạo, trong đó đã quy định rõ một số nội dung trong hoạt động ĐTTX:

6.2.1. Thời gian học tập

Thời gian học tập chuẩn toàn khóa: 4 năm, thời gian học tập tối đa: 8 năm. Người học có thể đăng ký học tập theo tiến độ nhanh để rút ngắn thời gian học tập.

6.2.2. Tổ chức ĐTTX

Tổ chức ĐTTX được thực hiện theo phương thức đào tạo tín chỉ. Người học được xem xét, công nhận kết quả học tập để chuyển đổi, miễn trừ những học phần đã tích lũy ở các CTĐT cấp văn bằng khác.

Đặc thù của mô hình ĐTTX là sự tự học của học viên ở mức độ cao. Hầu hết các công tác quản lý cũng như thông tin, trao đổi đều được tiến hành thông qua hệ thống công nghệ đào tạo và quản lý từ xa (Online).

Trước khi bắt đầu hình thức khóa học, người học sẽ được hướng dẫn học E - Learning để thông thạo sử dụng các phương tiện điện tử (máy tính, máy tính bảng, điện thoại thông minh,...); Internet và cách thức sử dụng học liệu.

Việc tổ chức đào tạo gồm có 5 nội dung cơ bản nêu chi tiết dưới đây:

Bước 1: Sinh viên học phần lý thuyết (chi tiết trong phần quy trình tự học)

Bước 2: Sinh viên trao đổi thảo luận với giảng viên qua diễn đàn (chi tiết trong phần trao đổi thảo luận)

Bước 3: Sinh viên ôn lại kiến thức thu được thông qua các bài thực hành (chi tiết trong phần luyện tập thực hành)

Bước 4: Trước khi thi hết môn; sinh viên sẽ được ôn tập lại toàn bộ kiến thức (chi tiết trong phần luyện tập thực hành)

Bước 5: Đánh giá cuối học phần: hình thức thi tập trung (chi tiết trong phần đánh giá)

**** Quy trình tự học***

Tăng cường thời gian tự học, tự nghiên cứu cho người học theo các phương pháp học tập hiện đại. Áp dụng những thành tựu mới trong lĩnh vực nghiên cứu, đổi mới công nghệ giáo dục từ khâu cải tiến nội dung chương trình, phương pháp dạy - học tới việc áp dụng tổng hợp các phương tiện kỹ thuật. Học liệu điện tử dưới dạng file mềm, ứng dụng hệ thống phòng học truyền hình hai chiều qua mạng ADSL (video conference), dạy - học qua mạng máy tính LAN và Internet, qua thiết bị di động.

Người học tiếp nhận bài giảng thuận lợi, thông tin đa chiều, phát huy tính chủ động và năng lực tư duy sáng tạo. Bài giảng, giáo trình bằng các phương tiện: file Video, hình ảnh, văn bản, sách,website;

- Thực hành kiểm tra lại các kiến thức được học thông qua ngân hàng bài tập câu hỏi và bài tập tình huống;

- Được hỗ trợ qua mạng (online và offline) qua hệ thống đào tạo E - learning.

**** Trao đổi - thảo luận***

Ngoài bài giảng lý thuyết, mỗi lớp có diễn đàn riêng để trao đổi các vấn đề liên quan tới bài học (lý thuyết và thực tế); sinh viên có thể trao đổi với giảng viên và các thành viên khác về các vấn đề của lớp; giảng viên giải đáp các thắc mắc của sinh viên.

**** Luyện tập - thực hành***

Thực hiện các bài tập, luyện tập, trau dồi kiến thức thông qua ngân hàng câu hỏi, bài kiểm tra, bài tập theo tình huống.

- Học viên được tham gia thực hiện các bài tập, công việc, dự án theo nhóm có hướng dẫn từ xa qua mạng của các giảng viên.

**** Tổ chức hướng dẫn, giải đáp thắc mắc kiến thức, ôn tập cho người học***

Người học sẽ được phụ đạo trước khi thi hết học phần theo hai hình thức: phụ đạo trực tuyến qua Internet hoặc phụ đạo tập trung.

**** Đánh giá cuối học phần***

Kỳ thi kết thúc học phần sẽ được thực hiện theo quy định hiện hành của Trường Đại học Sao Đỏ. Việc tổ chức thi kết thúc học phần phải được thực hiện tập trung tại Nhà trường hoặc tại các cơ sở liên kết, được giám sát bởi cán bộ coi thi của Nhà trường. Đề thi kết thúc học phần phải lấy trong ngân hàng đề thi chung với hệ chính quy. Tổ chức kỳ thi kết thúc học phần, cách tính điểm và xếp hạng tốt nghiệp thực hiện theo các quy định về đào tạo chính quy của trường Đại học Sao Đỏ.

- Điểm đánh giá học phần bao gồm các điểm thành phần theo đề cương chi tiết học phần.

6.2.3. Học phí

Học phí của chương trình đào tạo từ xa được quy định theo năm học, có cân đối giữa các hình thức đào tạo chính quy, từ xa của các trường đại học khác đã triển khai cũng như quy định học phí đối với sinh viên ĐHCQ của Nhà trường.

6.3. Đơn vị chuyên môn quản lý đào tạo

Trong cơ cấu tổ chức, Trường ĐHSĐ đã có đơn vị chuyên môn cấp phòng/khoa để quản lý các hoạt động chuyên môn, giảng viên, người học và các nhiệm vụ quản lý khác đối với CTĐT từ xa trình độ đại học ngành Ngôn ngữ Anh dự kiến đào tạo, cụ thể:

- Đơn vị được giao nhiệm vụ quản lý các CTĐT của Trường Đại học Sao Đỏ là Phòng Đào tạo và Tuyển sinh và Phòng Quản lý chất lượng. Các đơn vị này có chức năng, nhiệm vụ tham mưu lãnh đạo Nhà trường thực hiện công tác định hướng, xây dựng và phát triển ngành nghề đào tạo, kế hoạch đào tạo, quy định và quy trình đào tạo, công tác tổ chức giảng dạy, biên soạn giáo trình, công tác kiểm tra, đánh giá, xét tốt nghiệp, cấp phát văn bằng và chứng chỉ.

- Đơn vị quản lý chương trình đào tạo từ xa trình độ đại học ngành Ngôn ngữ Anh dự kiến đào tạo là Khoa Du lịch và Ngoại ngữ với 14 năm kinh nghiệm giảng dạy 2 ngành học là Ngôn ngữ Anh và NNTQ và các học phần ngoại ngữ trong CTĐT các ngành của Trường đang đào tạo.

6.4. Cán bộ quản lý cấp khoa đối với ngành đào tạo dự kiến mở

Danh sách cán bộ quản lý cấp khoa đối với ngành đào tạo Ngôn ngữ Anh gồm các thành viên sau *(Bảng 15)*:

Bảng 15. Danh sách cán bộ quản lý cấp khoa đối với chương trình ĐTTX ngành NNA dự kiến

Số TT	Họ và tên, ngày sinh, chức vụ hiện tại	Trình độ đào tạo, năm tốt nghiệp	Ngành/Chuyên ngành	Ghi chú
1	TS. Nguyễn Đăng Tiến, 16/02/1980, Trưởng khoa	Tiến sĩ, 2016	Địa lý Tài nguyên và Môi tường	Quản lý chung
2	Ths. Vũ Thị Lương, 02/01/1978, Phó trưởng khoa	Thạc sĩ, 2011	Lý luận và phương pháp dạy học tiếng Anh	Quản lý chung
3	Ths. Phạm Thị Thu Hà, 24/02/1988, Trưởng bộ môn NNA	Tiến sĩ, 2025	Ngôn ngữ Anh	Cán bộ quản lý Bộ môn NNA và phụ trách CTĐT ngành NNA

7. PHƯƠNG ÁN, GIẢI PHÁP ĐỀ PHÒNG, NGĂN NGỪA, XỬ LÝ RỦI RO

7.1. Bối cảnh triển khai các hoạt động của Nhà trường

- Quy định pháp lý và mức độ ảnh hưởng đến các hoạt động của Nhà trường

Trường Đại học Sao Đỏ là cơ sở giáo dục đại học công lập thuộc hệ thống giáo dục quốc dân, trực thuộc Bộ Công Thương, chịu sự lãnh đạo quản lý trực tiếp của Bộ Công Thương, đồng thời chịu sự quản lý nhà nước về giáo dục đào tạo của BGDĐT. Chức năng và nhiệm vụ chính của Nhà trường là tổ chức đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, NCKH, áp dụng tiến bộ KHCN phục vụ phát triển KT - XH và phục vụ cộng đồng.

Nhà trường có đội ngũ cán bộ, giảng viên có năng lực tốt, trình độ chuyên môn cao, nhiệt tình trong công tác. Nhà trường có hệ thống phòng học lý thuyết, trung tâm thực hành, thực nghiệm, các phòng thí nghiệm hiện đại, có nhiều trang thiết bị hiện đại, công nghệ tiên tiến phục vụ đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. Đây là lợi thế để Nhà trường thực hiện nhiệm vụ và phát triển theo tầm nhìn, sứ mạng, triết lý giáo dục và giá trị cốt lõi đã đề ra.

- Những thách thức chính mà Nhà trường gặp phải và kế hoạch để khắc phục những thách thức đó

Bên cạnh những thuận lợi, Nhà trường còn gặp một số khó khăn, thách thức: Công tác tuyển sinh có sự cạnh tranh gay gắt; các nguồn lực của Nhà trường còn có những hạn chế do nguồn ngân sách cấp để đầu tư cho nguồn lực ngày càng ít; trình độ phát triển KHCN và yêu cầu về chất lượng nguồn nhân lực của xã hội ngày càng cao,

Nhà trường không ngừng nỗ lực đầu tư trọng tâm, trọng điểm về đội ngũ, cơ sở vật chất, trang thiết bị để đáp ứng nhu cầu xã hội về nguồn nhân lực chất lượng cao.

Để phát huy thuận lợi, khắc phục khó khăn, Nhà trường đã và đang thực hiện đồng bộ những giải pháp chủ chốt như: Đa dạng hoá phương thức tuyển sinh, tăng cường các nguồn lực thông qua hoạt động NCKH, chuyển giao công nghệ và hợp tác với doanh nghiệp trong và ngoài nước. Tiếp tục đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới, đầu tư CSVC, trang thiết bị trọng tâm, trọng điểm, khai thác hiệu quả các nguồn lực để phát triển Nhà trường.

Việc mở CTĐT từ xa ngành Ngôn ngữ Anh góp phần mở rộng quy mô, khai thác các nguồn lực sẵn có của Nhà trường, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao phù hợp với nhu cầu xã hội.

- Một số điểm mạnh và cơ hội của Nhà trường, cách Nhà trường tận dụng những điểm mạnh và cơ hội đó

Trường Đại học Sao Đỏ là Trường công lập trực thuộc Bộ Công Thương, với truyền thống 56 năm đào tạo có uy tín, được xã hội và các nhà sử dụng lao động tín nhiệm. Nhà trường triển khai đào tạo theo định hướng ứng dụng với phương châm học đi đôi với hành, lấy kiến cơ bản làm nền tảng, kiến thức mở rộng là cần thiết, kiến thức ứng dụng là quan trọng, gắn quá trình đào tạo, NCKH, chuyển giao công nghệ với doanh nghiệp. Nhà trường có các phòng học lý thuyết, trung tâm thực hành, thực nghiệm đều được trang bị đầy đủ phương tiện, thiết bị dạy học hiện đại, tiên tiến, 100% được lắp đặt hệ thống điều hòa; Nhà trường có hệ thống đào tạo trực tuyến được tích hợp với hệ thống quản lý đào tạo của Nhà trường, hằng năm được nâng cấp để đáp ứng nhu cầu quản lý, tổ chức đào tạo từ xa của Nhà trường. Nhà trường thường xuyên rà soát, cập nhật CTĐT theo sự phát triển của KHCN, đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực chất lượng cao của xã hội.

Nhà trường được cấp giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng cơ sở giáo dục chu kỳ 2; có 09 CTĐT trình độ đại học được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục do Bộ trưởng BGDĐT ban hành. Hoạt động NCKH có nhiều thành tích cao. Với truyền thống 56 năm xây dựng và phát triển, Nhà trường đã cung cấp cho thị trường lao động trên 40 nghìn kỹ sư, cử nhân, cán bộ kỹ thuật trình độ cao góp phần phát triển kinh tế xã hội của địa phương, khu vực và đất nước. Để không ngừng phát triển, Nhà trường tiếp tục khai thác các thế mạnh sẵn có không ngừng nâng cao hiệu quả hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng; hoàn thành tốt nhiệm vụ đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho đất nước mà Đảng, Nhà nước giao.

Việc mở chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Anh theo hình thức đào tạo từ xa được triển khai trên cơ sở tận dụng hiệu quả những điểm mạnh và cơ hội hiện có của Nhà trường. Về điểm mạnh, Nhà trường đã xây dựng được đội ngũ giảng viên có 14 năm kinh nghiệm trong đào tạo các ngành Ngôn ngữ Anh và Ngôn ngữ Trung Quốc, đồng thời cơ sở vật chất phục vụ dạy và học ngoại ngữ có thể đáp ứng ngay yêu cầu của chương trình đào tạo từ xa. Về cơ hội, nhu cầu nguồn nhân lực ngành Ngôn ngữ Anh tại địa phương cũng như trên phạm vi cả nước đang ở mức cao, phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trong giai đoạn hiện nay.

7.2. Dự báo các rủi ro và các giải pháp xử lý rủi ro khi mở ngành

Như phân tích kết quả khảo sát nhu cầu nguồn lực ngành Ngôn ngữ Anh dự kiến đào tạo từ xa ở phần trên và các điều kiện đào tạo từ xa. CTĐT từ xa ngành Ngôn ngữ Anh của Trường Đại học Sao Đỏ trình độ đại học đáp ứng các điều kiện bảo

đảm chất lượng đào tạo theo quy định và nhu cầu thực tiễn của xã hội. Tuy nhiên một số rủi ro có thể xảy ra sau khi triển khai tuyển sinh và tổ chức đào tạo cần phải dự báo để có giải pháp phòng ngừa và xử lý nếu xảy ra như sau:

- Trường hợp tuyển sinh không đủ chỉ tiêu hoặc tuyển sinh quá ít không đủ điều kiện để mở lớp

Kết quả khảo sát thực tế đã trình bày ở phần trên cho thấy, nhu cầu nhân lực ngành Ngôn ngữ Anh là rất lớn nên rủi ro không tuyển sinh được là rất thấp. Tuy nhiên:

+ Trong trường hợp không tuyển sinh được, Nhà trường/Khoa sẽ tăng cường thêm công tác truyền thông trực tiếp và gián tiếp qua các nền tảng số để tiếp cận người học, cung cấp thông tin tuyển sinh cũng như tư vấn về xu thế phát triển ngành, nhu cầu và cơ hội của ngành đào tạo, ... Bên cạnh đó tiếp cận nhà tuyển dụng để cập nhật yêu cầu, khảo sát lại nhu cầu xã hội.

+ Trong trường hợp tuyển sinh quá ít không đủ điều kiện mở lớp, Nhà trường/Khoa sẽ tăng cường liên kết với đơn vị sử dụng lao động để thu hút người học, luôn định kỳ đánh giá các điều kiện bảo đảm chất lượng và thu hút người học.

- Sự cạnh tranh trong tuyển sinh đối với CTĐT từ xa ngành Ngôn ngữ Anh dự kiến đào tạo từ xa

Để nâng cao chất lượng đào tạo và uy tín, vị thế của trường đối với xã hội, Khoa Du lịch và Ngoại ngữ Trường Đại học Sao Đỏ định kỳ khảo sát nhu cầu thực tiễn của người sử dụng lao động, chuyên gia để kịp thời điều chỉnh, cập nhật CTĐT, bộ học liệu, cải tiến quy trình đào tạo, tăng cường cơ sở vật chất phù hợp với sự phát triển của Khoa học công nghệ, qua đó tạo sự cạnh tranh về chất lượng và thương hiệu đối với các cơ sở đào tạo khác.

Đẩy mạnh công tác tuyển sinh, giới thiệu việc làm cho sinh viên sau khi tốt nghiệp. Nâng cao hiệu quả hoạt động truyền thông tư vấn tuyển sinh bằng nhiều hình thức, phương tiện khác nhau. Nâng cao trách nhiệm của từng cá nhân sinh viên, từng giảng viên, các đơn vị quản lý trong hoạt động tư vấn tuyển sinh.

- Sinh viên bỏ học, thực hiện không đảm bảo tiến độ học tập

Sinh viên bỏ học hoặc không bảo đảm tiến độ học tập trong chương trình đào tạo từ xa ngành Ngôn ngữ Anh:

Nhà trường triển khai các biện pháp hỗ trợ thường xuyên và kịp thời cho người học thông qua hệ thống trực tuyến. Cố vấn học tập và giảng viên theo dõi tình hình học tập của từng sinh viên trên hệ thống LMS, đồng thời thiết lập nhiều kênh liên lạc (email, diễn đàn học tập, lớp học trực tuyến…) để kịp thời nắm bắt nguyên nhân và có giải pháp hỗ trợ phù hợp. Sau mỗi học kỳ, Khoa và các đơn vị liên quan thực hiện thống kê tình trạng học tập, học phần chưa hoàn thành và các điều kiện học tiếp của sinh viên, từ đó thông báo, trao đổi trực tiếp với người học nhằm tìm ra nguyên nhân và đề xuất hướng khắc phục.

Chương trình đào tạo từ xa và kế hoạch giảng dạy được thiết kế linh hoạt, phù hợp với đặc thù người học; đồng thời chú trọng bồi dưỡng đội ngũ giảng viên có chuyên môn vững vàng, thành thạo phương pháp giảng dạy trực tuyến nhằm tăng cường tính tương tác và tạo hứng thú học tập.

Nhà trường cũng xây dựng các quy định quản lý và thủ tục hành chính theo hướng đơn giản, thuận tiện trên môi trường số, đồng thời ban hành các chính sách hỗ trợ, khuyến khích đối với sinh viên có hoàn cảnh khó khăn hoặc đạt kết quả học tập tốt.

Bên cạnh đó, Nhà trường và các đơn vị đào tạo định kỳ tổ chức các hội nghị, tọa đàm trực tuyến nhằm đánh giá tình hình đào tạo, tìm hiểu nguyên nhân sinh viên học chậm tiến độ để có giải pháp điều chỉnh phù hợp.

Đối với trường hợp người học lựa chọn ngành chưa phù hợp, cần tăng cường công tác tư vấn tuyển sinh theo hình thức trực tuyến để giúp người học định hướng đúng ngành nghề.

Đối với sinh viên chưa theo kịp tiến độ do thiếu chủ động trong học tập, cố vấn học tập cần thường xuyên nhắc nhở, hướng dẫn xây dựng kế hoạch học tập cá nhân và hỗ trợ điều chỉnh tiến độ nhằm giúp người học hoàn thành chương trình đào tạo.

- Rủi ro về thiếu đội ngũ giảng viên thực hiện CTĐT từ xa ngành Ngôn ngữ Anh

Hiện tại Trường Đại học Sao Đỏ đủ điều kiện đáp ứng về đội ngũ giảng viên tham gia giảng dạy chương trình ĐTTX ngành Ngôn ngữ Anh . Tuy nhiên, hằng năm Nhà trường/Khoa có chiến lược và kế hoạch phát triển đội ngũ, chú ý đến công tác tuyển dụng, có chính sách thu hút giảng viên để đảm bảo tính kế cận đội ngũ. Bên cạnh đó, Nhà trường có chính sách hỗ trợ, chế độ đãi ngộ và động viên phù hợp để giữ chân giảng viên, đặc biệt các giảng viên có trình độ chuyên môn cao.

- Rủi ro về thị trường lao động

Sự phát triển của trí tuệ nhân tạo và các công cụ dịch tự động có thể thay thế các công việc dịch thuật cơ bản hoặc giao tiếp đơn giản. Nguyên nhân là công nghệ ngày càng chính xác và dễ tiếp cận. Vì vậy, CTĐT từ xa ngành NNA luôn định hướng đào tạo người học ở các vị trí mà công nghệ khó thay thế như phiên dịch chuyên ngành, giao tiếp liên văn hóa, đàm phán thương mại; đồng thời trang bị kỹ năng sử dụng công nghệ như một công cụ hỗ trợ.

Nhiều sinh viên chỉ giỏi ngôn ngữ nhưng thiếu kỹ năng làm việc thực tế như giao tiếp doanh nghiệp, làm việc nhóm, tư duy phản biện hoặc hiểu biết chuyên ngành (kinh tế, du lịch…). Vì vậy, CTĐT từ xa ngành NNA cần tích hợp các học phần kỹ năng mềm, kỹ năng nghề; tăng cường thực tập, thực tế doanh nghiệp; mời chuyên gia, doanh nghiệp tham gia giảng dạy.

Bên cạnh đó, nhu cầu nhân lực tiếng Anh phụ thuộc nhiều vào quan hệ hợp tác kinh tế, đầu tư và thương mại. Khi có biến động (chính sách, suy thoái kinh tế…), nhu cầu tuyển dụng có thể giảm. Vì vậy, CTĐT từ xa ngành NNA cần đào tạo theo hướng đa dạng hóa cơ hội việc làm (giáo dục, du lịch, thương mại điện tử, truyền thông…); nâng cao năng lực thích ứng nghề nghiệp cho sinh viên.

Một số chương trình đào tạo chưa cập nhật kịp thời yêu cầu thực tế, dẫn đến sinh viên tốt nghiệp thiếu năng lực mà doanh nghiệp cần. Nguyên nhân là thiếu cơ chế liên kết chặt chẽ với doanh nghiệp. Do vậy, khi triển khai đào tạo, Trường/Khoa cần thực hiện khảo sát định kỳ nhà tuyển dụng; xây dựng chương trình đào tạo theo chuẩn đầu ra gắn với vị trí việc làm; tăng cường hợp tác doanh nghiệp trong đào tạo và đánh giá.

Nguồn nhân lực biết tiếng Anh không chỉ đến từ Việt Nam mà còn từ các quốc gia khác, tạo áp lực cạnh tranh về chất lượng và kỹ năng. Nguyên nhân là xu hướng

toàn cầu hóa và dịch chuyển lao động. Do vậy, cần nâng cao chuẩn đầu ra ngoại ngữ, bổ sung kỹ năng quốc tế, kỹ năng số và tác phong chuyên nghiệp; tăng cường các chương trình trao đổi, hợp tác quốc tế.

7.3. Giải pháp và phương án ngăn ngừa xử lý rủi ro trong trường hợp bị đình chỉ hoạt động ngành đào tạo

Các nguyên nhân có thể xảy ra rủi ro bị đình chỉ hoạt động đào tạo như không đáp ứng được điều kiện về đội ngũ thực hiện CTĐT từ xa, không đáp ứng về điều kiện cơ sở vật chất hoặc do nhiều năm không tuyển sinh được chương trình đào tạo từ xa ngành Ngôn ngữ Anh dự kiến đào tạo.

Trong trường hợp này, một số phương án, giải pháp cụ thể để bảo vệ quyền lợi cho người học, giảng viên, Nhà trường và các bên liên quan, cụ thể như sau:

- Đối với giảng viên, trong trường hợp buộc phải đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo, Nhà trường cần có kế hoạch, thông báo để cho giảng viên có sự chủ động trong sắp xếp công việc, hoặc tạo điều kiện cho giảng viên có cơ hội tham gia các lớp đào tạo/đào tạo lại các lĩnh vực chuyên môn gần để giảng viên có thể có sự chuyển đổi khi cần thiết.

- Đối với người học, Nhà trường liên hệ với các cơ sở đào tạo có cùng mã ngành đào tạo Ngôn ngữ Anh để gửi người học tham gia tiếp quá trình học tập, rà soát các ngành cùng trình độ đang đào tạo tại trường, lựa chọn các ngành cùng nhóm mà người học đảm bảo đáp ứng đầu vào để tư vấn chuyển ngành cho người học, hoặc chuyển trường cho người học theo nguyện vọng.

8. TỰ ĐÁNH GIÁ

Đề án đào tạo từ xa trình độ đại học ngành Ngôn ngữ Anh, mã ngành: 7220201 đã được xây dựng đáp ứng các tiêu chí theo thông tư số 28/2023/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2023 của BGDĐT, theo quy định của pháp luật hiện hành.

Trường ĐHSĐ cam kết triển khai và thực hiện đầy đủ các nội dung trong đề án, bảo đảm chất lượng CTĐT từ xa ngành Ngôn ngữ Anh trình độ đại học theo các quy định hiện hành, đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực cho địa phương và đất nước.

Nơi nhận:
- Bộ GDĐT (để báo cáo);
- BGH;
- Đăng Website trường;
- Lưu: VT, ĐT&TS.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TS. Đỗ Văn Đỉnh